

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA HỘI AN

Địa chỉ: 10B - Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: 0510.3864625 - 0510.3862946 - 0510.3862367

Fax: 05103.861.779 - Email: ttqlbtdt@gmail.com

Website: hoianheritage.net

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Nguyễn Chí Trung

CHIU TRÁCH NHIỆM
NỘI DUNG

Trần Văn An

BIÊN TẬP

Võ Hồng Việt

Phạm Phước Tịnh

Lê Thị Ngọc Hương

TRÌNH BÀY

Võ Hồng Việt

Lê Thị Ngọc Hương

Lưu hành nội bộ

BẢN TIN Số 04 (32) - 2015

Trao đổi chuyên môn nghiệp vụ

- Vài nét về hoạt động của tổ chức Đảng ở khu nhà giam tù nhân nữ - nhà lao Hội An từ năm 1968 - 1971 qua hồi ức của đồng chí Trương Thị Ngọc 02
- Hình thức kiến trúc tam quan tại một số di tích tôn giáo, tín ngưỡng ở Hội An 06
- Một số đề tài trang trí trên gốm Chu Đậu khai quật tại vùng biển Cù Lao Chàm 13
- Vài thông tin về tiếp cận khảo cổ học ở đường/phố Lê Lợi - Hội An 17
- Miếu Ông Địa ở khối Thanh Tây - phường Cẩm Châu - Hội An 22
- Việc canh tác một số loại cây nông nghiệp ở Cẩm Kim - Hội An 26
- Tri thức y dược gắn với biển đảo ở Hội An 29
- Văn hóa ẩm thực ở Cẩm Kim qua ca dao, tục ngữ 33
- Những tiếp cận mới trong hoạt động giáo dục bảo tàng ở Hội An 36
- Bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và phát huy các bảo tàng ở Hội An 39
- Văn hóa đại chúng trong phát triển du lịch ở Hội An 43
- “Xo mướp” - tiềm năng mới cho sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường ở Hội An 47
- Vấn đề quản lý, bảo vệ di tích ở Hội An năm 2015 50

Thông tin tư liệu

- Bảng kê tư liệu Hán Nôm về nghề yếm Thanh Châu ở Hội An 55

Tin tức - Sự kiện

Bạn cần biết

VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG Ở KHU NHÀ GIAM TÙ NHÂN NỮ - NHÀ LAO HỘI AN TỪ NĂM 1968 ĐẾN NĂM 1971 QUA HỒI ỨC CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG THỊ NGỰ

Nguyễn Cường

Ở tuổi 79, chúng tôi không nghĩ rằng đồng chí Trương Thị Ngự có thể nhớ nhiều đến vậy, bởi những gì đồng chí kể ra đã cách đây ngót 50 năm. Biết được mục đích xin gặp của chúng tôi, dòng hồi tưởng trong đồng chí về một thời hoạt động ở nhà lao Hội An bắt đầu trôi chảy và cứ thế tuôn trào không gì ngăn cản được. Đồng chí Trương Thị Ngự sinh ngày 02/02/1936, quê ở Điện Bàn. Với đồng chí, nhà lao Hội An là nơi lưu giữ nhiều kỷ niệm khó quên trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Nơi đây, đồng chí đã hai lần vào ra, trong đó lần thứ hai từ ngày 17/3/1968 đến ngày 12/10/1971. Nếu lần thứ nhất chưa phải là đảng viên thì lần thứ hai, đồng chí là người giữ vai trò cốt cán trong tổ chức Đảng ở khu nhà giam tù nhân nữ, lãnh đạo chị em đấu tranh suốt khoảng thời gian từ năm 1968 đến năm 1971.

Ngày 17/3/1968, sau khi bị bắt và tra tấn các nơi, địch đưa đồng chí về Hội An, qua thẩm vấn mật vụ rồi chuyển về nhà lao Hội An giam giữ tại phòng L.

Nhà lao Hội An kể từ sau đêm giải phóng ngày 14/7/1967, địch ra sức củng cố, xây dựng với quy mô lớn

hơn. Những đợt càn quét sau đó, nhất là sau tết Mậu Thân - năm 1968, hay các chiến dịch X1, X2 của ta, cán bộ, quần chúng bị địch bắt đưa về đây giam giữ ngày càng tăng lên. Các phòng giam đã chật chội lại đông người càng trở nên ngột ngạt, chế độ giam cầm thì hà khắc. Tù nhân bị bắt ở nhiều địa phương khác nhau và hầu như không quen biết nên không một ai tin ai để có thể báo tin tức cho nhau, muốn thống nhất đấu tranh với địch trong nhà lao cũng không thể được. Lúc bấy giờ, nhà lao không có tổ chức Đảng, tổ chức Đảng trước đó không còn vì toàn bộ tù nhân được giải thoát sau trận đánh của ta vào nhà lao năm 1967.

Trong tình hình khó khăn đó, việc cần có tổ chức Đảng để thống nhất lãnh đạo phong trào đấu tranh chung trở nên bức thiết. Ở khu giam tù nhân nữ, do quen biết nhau từ trước nên đồng chí Trương Thị Ngự cùng Ngô Thị Quờn và Nguyễn Thị Mười trong phòng L, cùng quê ở Điện Bàn đã bàn bạc và đi đến quyết định thành lập Chi bộ Đảng vào cuối tháng 3 âm lịch năm 1968. Vì từng có thời gian bị giam cầm trong lao, có kinh nghiệm đấu tranh nên đồng chí được phân



phương, nếu chưa kết nạp Đảng thì đưa vào Thanh niên đoàn.

Sau chiến dịch X1 của ta, đồng chí Trương Quang Thận bị địch bắt vào giam ở nhà lao Hội An. Do khai là giáo viên nên chúng đưa đồng chí Thận ra làm hành dịch. Vì thế đồng chí Thận có điều kiện liên lạc để tập hợp thành

công làm Bí thư. Nhiệm vụ đặt ra cho tổ chức Đảng lúc này là lãnh đạo chị em khu nữ thống nhất đấu tranh đòi hỏi quyền sống như nước uống, tắm giặt, rửa, đòi chiếu đắp... vì nếu có phòng đòi hỏi, phòng không đòi hỏi sẽ bị địch dễ dàng đàn áp. Để xây dựng lực lượng, phát triển tổ chức, ngay sau khi thành lập, Chi bộ bắt đầu tìm cách “xâu đầu mối” thông qua hình thức lấy tình cảm quê hương để lôi kéo những người ở cùng địa phương. Đối với tù nhân đang bị giam giữ thì bằng mối quan hệ quê hương mà tìm hiểu, vận động; đối với tù nhân mới vào thì ở địa phương nào phân công người địa phương đó theo dõi, tìm hiểu lý do bị bắt, bị đánh đập có khai báo gì không, có làm gì cho địch trong nhà lao không,... Trong thời gian tìm hiểu, bên cạnh giáo dục truyền thống của quê hương còn giáo dục tinh thần kiên quyết không làm gì cho địch trong nhà lao. Sau 3 tháng tìm hiểu, thử thách, tổ chức Đảng sẽ quyết định đưa vào tổ chức. Nếu là đảng viên thì đưa vào tổ chức Đảng để sinh hoạt theo địa

lập Đảng bộ nhà lao, do đồng chí làm Bí thư, lãnh đạo tổ chức Đảng ở cả khu nhà giam nam và nữ. Cấp ủy phân cho đồng chí Trương Thị Ngự và đồng chí Trần Thị Châu phụ trách khu nhà giam nữ; bên khu nhà giam nam cấp ủy có đồng chí Lê Tấn Sanh (Hội An), đồng chí Thơm. Cuối năm 1969, đồng chí Trương Quang Thận bị chuyển đi đảo. Sau đó, tổ chức Đảng khu nhà giam nữ nghe tin đồng chí Đinh Phú Tùng bị bắt đưa vào nhà lao Hội An (*trước đây ở Vĩnh Điện đồng chí Trương Thị Ngự đã quen biết đồng chí Tùng*). Đồng chí Trương Thị Ngự tìm cách liên lạc với đồng chí Tùng và qua trao đổi, đồng chí Tùng nhận định không thể lập được Đảng bộ lãnh đạo chung cho cả 2 khu nhà giam nam và nữ vì khu nhà giam nam thường xuyên bị địch chuyển sang các nhà lao khác. Vì thế lúc này chỉ có thể thành lập Đảng bộ ở khu nhà giam nữ. Đảng bộ này do đồng chí Trương Thị Ngự làm Bí thư, các ủy viên có: đồng chí Trần ở Hội An, Nguyễn Thị Quang ở Hòa Vang, Nguyễn Thị Cả ở Đại Lộc, Nguyễn Thị Nhi ở Quế Sơn, Lê Thị Hí ở Điện

Bàn. Đảng bộ có các Chi bộ phân chia theo từng địa phương: Chi bộ 100 của Hội An, Chi bộ 200 của Duy Xuyên, Chi bộ 300 của Điện Bàn, Chi bộ 400 của Đại Lộc, Chi bộ 500 của Quế Sơn - Thăng Bình. Lực lượng bị bắt ở Đà Nẵng chủ yếu ở quận 3, người Đà Nẵng ít, chủ yếu là người Điện Bàn nên không lập Chi bộ Đà Nẵng riêng mà sinh hoạt trong Chi bộ 300 của Điện Bàn. Các chi bộ huyện tiếp tục phân công người phụ trách từng xã để theo dõi, chỉ đạo. Các Chi bộ tự thu đảng phí rồi tìm cách gửi về cho địa phương để tổ chức Đảng địa phương biết trong nhà lao vẫn thành lập Chi bộ của địa phương mình và vẫn hoạt động thường xuyên. Trong điều kiện khó khăn nên tổ chức Đảng chỉ đạo hoạt động có khi qua hội ý nhanh 1, 2 phút song chủ yếu là thư từ và truyền miệng qua anh em làm trật tự, y tá của ta bên ngoài. Nếu liên lạc thuận lợi thì qua trật tự, nếu khó khăn thì qua y tá.

Trong khoảng thời gian từ năm 1968 đến năm 1971, tổ chức Đảng ở khu nhà giam nữ đã phát huy vai trò lãnh đạo, phát động chị em liên tục đấu tranh với nhiều hình thức phong phú.

Hoạt động đấu tranh chủ yếu là đòi quyền sống, giáo dục truyền thống địa phương, không làm gì cho địch trong nhà lao. Ai bị địch đưa đi nhà lao khác thì vận động tiền gửi cho, chị em mới vào bị đánh đập thì quyên góp giúp đỡ thuốc men, ăn uống bồi dưỡng trong phòng. Chị em đấu tranh đòi quyền sống mãi đến năm 1969 thì có đoàn của Tổng nha Sài Gòn ra cho chiếu, xà phòng để dùng; trước đó chỉ nằm bao tời gạo. Thời điểm này do

tình hình chiến sự gây gât nên địch xiết chặt an ninh trong nhà lao, ít cho tù nhân ra ngoài phòng, cả ngày chỉ được 1 lon ri-gô nước nên chị em bị ghẻ nhiều. Trong năm 1969, địch làm mới 1 giếng nước ở khu nhà giam nữ và cho mỗi phòng 6 người ra lấy nước 1 ngày, không cho lấy nước ở giếng gần khu giam nam như trước để khỏi liên lạc với nhau.

Sáng thứ 5 hàng tuần là thời gian được thăm nuôi. Các phòng giam nữ ai có người nhà đến thăm, gửi thức ăn thì không ăn riêng mà để dành lại đến tối chia ra cho mọi người cùng ăn. Từ năm 1968, ở khu nhà giam nữ có phát động phong trào ăn dưa hai đầu để giữ vệ sinh và được các phòng hưởng ứng mạnh mẽ.

Cuối năm 1968 trở đi, tổ chức Đảng ở khu nhà giam nữ phát động phong trào thêu với các loại: khăn tay gửi ra cho chiến sĩ, thêu quạt, khăn bàn gửi về cho xã, huyện. Kim chỉ để thêu chủ yếu là mua thông qua bà Cục giám thị hoặc nhân người nhà gửi qua thăm nuôi.

Hàng ngày, các phòng giam tù nhân nữ lợi dụng chúng cho tập thể dục để chống chào cờ. Nếu địch đến kiểm tra thì hàng trên giả vờ đứng còn các hàng dưới vẫn tập thể dục, khi chúng đi thì không chào cờ nữa. Chúng còn bắt tù nhân học nội quy của nhà lao nhưng rất nhiều người không chịu học. Nếu chúng dò hỏi thì lấy cớ bị đánh nhiều quá nên không còn nhớ. Một hình thức đấu tranh nữa mà nhiều chị em hay dùng là hát làm quấy rối bọn lính gác trên trần phòng vệ sinh.

Nằm trong phòng hát, đi tắm hát..., nhất là vào buổi trưa làm inh ỏi, không cho chúng yên tai.

Lúc bấy giờ, đảng viên nữ lớn tuổi thường không đấu tranh công khai mà chủ yếu là lực lượng Thanh niên đoàn. Thanh niên đoàn tập trung nhiều nhất ở phòng K, độ tuổi từ 20 đến 30. Khi nghe tin Bác mất, các phòng ở khu nhà giam nữ đã để khăn tang. Khi bị phát hiện, chúng bắt rất nhiều người ra phơi nắng, trong đó có 100 Thanh niên đoàn bị phơi 2 ngày. Rất nhiều tấm gương đấu tranh tiêu biểu của lực lượng Thanh niên đoàn đã xuất hiện, trong đó có 1 người tên là Thê. Sau đợt học cải huấn 1,5 tháng tập trung tại hội trường nhà lao, trong số 256 người, tên Sang, trưởng ban cải huấn gọi Thê, lúc đó 14 tuổi, đứng dậy đề hỏi: *“Hoa Kỳ xâm lược Việt Nam hay Mỹ xâm lược Việt Nam?”*. Thê trả lời: *“Mỹ xâm lược Việt Nam chứ Hoa Kỳ xâm lược cái chi. Còn Việt Cộng là người chung nước chứ rằng ông gọi là xâm lược Việt Nam”*. Tên Sang hỏi tiếp: *“mi làm chi bị bắt?”*. Thê trả lời: *“tôi đánh Mỹ”*. Tên Sang hỏi thêm: *“ai tổ chức mi đánh Mỹ?”*. Thê trả lời: *“không ai tổ chức, gia đình tôi có 14 người là những người tổ chức, như ba tôi, mẹ tôi, cô tôi, chú bác tôi, cậu dì tôi ...”*. Tên Sang lại hỏi: *“mi đánh được bao nhiêu Mỹ?”*. Thê trả lời mạnh mẽ: *“được 12 Mỹ, 4 ác ôn. Trận cuối đánh không được nên bị bắt”*. Tên Sang hỏi tiếp: *“ai đưa lựu đạn kíp nổ cho mi?”*. Thê đồng dục trả lời: *“tôi lấy được của Mỹ tôi đánh Mỹ. Chỗ nào có ông tào,*

bình với chỗ đó có lựu đạn kíp nổ, không ai đưa”.

Xuân Kỳ Dậu, bên khu nhà giam nữ có thành lập đội văn nghệ. Tổ chức Đảng đã vận động các phòng trưởng thống nhất đề nghị giám thị trưởng tên Lựu cho tổ chức văn nghệ. Các bài hát có nội dung về Phật giáo được viết sẵn để trình xin và được giám thị nhà lao cho biểu diễn. Thời gian diễn văn nghệ từ sáng đến 9 giờ rưỡi tại phòng trực của tên giám thị Cúc. Tên Cúc xem thấy hay cũng vỗ tay tán dương. Nhưng sau đó, tên Phụng an ninh vào phát hiện có câu hát: *“com ngày 2 bữa cũng là mắ kho”* nên bắt giải tán. Sau đó, đồng chí Hoàng Thị Kim Loan bị cảnh sát kêu lên tra hỏi nhưng do không khai thác được gì chúng đành thả đồng chí Loan về phòng.

Năm 1970 và 1971, đồng chí Đinh Phú Tùng hai lần chuyển tiền bồi dưỡng từ bên ngoài vào cho tổ chức Đảng khu nhà giam nữ. Cấp ủy đã họp bàn phương án chia đều cho tất cả tù nhân nữ để thể hiện tình cảm gắn bó, đoàn kết với nhau.

Hoạt động mãi đến năm 1971, đồng chí Trương Thị Ngự ra khỏi nhà lao, những người còn lại trong tổ chức Đảng ở khu nhà giam nữ tiếp tục lãnh đạo chị em đấu tranh cho đến ngày giải phóng.

Có thể nói những hồi ức trên đây của đồng chí Trương Thị Ngự về một thời hoạt động ở nhà lao Hội An là những thông tin rất đáng trân trọng, góp phần bổ sung, làm phong phú thêm nguồn tư liệu phục vụ cho công tác phát huy giá trị di tích nhà lao Hội An trong thời gian sắp đến♥

HÌNH THỨC KIẾN TRÚC TAM QUAN TẠI MỘT SỐ DI TÍCH TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG Ở HỘI AN

Trần Thanh Hoàng Phúc

Khi nói đến tam quan, mọi người thường liên tưởng ngay đến một ngôi chùa nào đó. Bởi khắp mọi miền, từ Bắc chí Nam, từ nông thôn đến thành thị, hình ảnh ngôi chùa với tam quan trở nên quen thuộc với mọi người. Tam quan được xem là bộ mặt của một ngôi chùa, bởi tam quan là cổng chính của chùa, tăng ni, tín đồ hay khách vãng lai ra vào chùa đều phải qua lối này. Đến chùa và một số di tích tín ngưỡng, ta sẽ nhìn thấy tam quan trước tiên. Hình ảnh tam quan quen thuộc là vậy, song ẩn sâu trong đó còn rất nhiều điều thú vị cần được tìm hiểu, nghiên cứu.

Tam quan: tam là ba; quan có nghĩa là cổng lớn hay cửa ngõ để đi vào một nơi nào đó, như quan ải, cửa quan...; một nghĩa đồng âm nữa là “quan”: quan sát, tham quan... Vậy, trong kiến trúc, có thể hiểu nôm na, tam quan có nghĩa là cổng có 3 lối vào. Tam quan được xem như cửa ải giữa hai thế giới thánh - phàm, tịnh - nhiễm nhằm thanh lọc và bảo hộ tâm hồn của mỗi người mỗi khi ra vào. Cổng tam quan mang ý niệm “ba cách nhìn” của Phật giáo gồm có “giả quan”, “không quan” và “trung quan”:

- *Không quan*: nói chưa hiểu gì, không có quan niệm gì về đời.

- *Giả quan*: cái gì cũng là giả tạo, biến hóa vô lường.

- *Trung quan*: xét theo cái thuyết không phải là không, không phải là giả, phải tìm cái gì cho thích ứng.¹

Nhà nghiên cứu Phạm Tuấn - Viện nghiên cứu Hán Nôm cho rằng: “Sự diễn tiến tạo nên cổng chùa có mô thức lầu gác và nhiều cửa vào chịu ảnh hưởng kiến trúc Trung Quốc là điều khá rõ... Trong các công trình nghiên cứu kiến trúc Phật giáo Trung Quốc, cũng như viết về kiến trúc của chùa Việt, các nhà nghiên cứu đều đồng nhất Tam quan với Sơn môn. Nguyên do từ Sơn môn nghĩa đen là “cửa núi”, chùa viện tọa lạc trên núi và từ này đã được dùng để chỉ cửa ngoài của chùa viện (tại Trung Quốc ngày nay từ này vẫn dùng chỉ cửa chùa). Trung Quốc trong lịch trình phát triển kiến trúc Phật giáo, từ Tam quan không được sử dụng phổ biến mà chỉ ở Việt Nam mới có. Về sau, Sơn môn mang thêm một nghĩa là chỉ về ngôi chùa, diễn tiến ý nghĩa cho cách nói về một Tổ đình Phật giáo, chỉ về một tông môn”². Như vậy, có thể nói

¹ Vũ Tam Lang (1991), Kiến trúc cổ Việt Nam, NXB Xây Dựng, Hà Nội, 1991, trang 52.

² Phạm Tuấn, Tam quan trong kiến trúc chùa Việt Nam, Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Bài viết được đăng tải trên một số website.

rằng tam quan là một hạng mục kiến trúc gắn liền với các công trình kiến trúc Phật giáo và chịu ảnh hưởng từ kiến trúc Phật giáo Trung Quốc. Vậy tại sao một số di tích tín ngưỡng ở nước ta, cụ thể là Hội An vẫn có cổng vào được làm theo hình thức tam quan, như đình, miếu, thánh thất?



Tam quan không phải của riêng chùa, mà từ lâu đã được sử dụng tại các di tích kiến trúc tín ngưỡng khác như đình, miếu... Vậy, tam quan trước tiên là của “chùa”, rồi đem áp dụng cho các công trình tín ngưỡng khác, hay ngược lại? Hay tam quan ở công trình tôn giáo (chùa) khác với công trình tín ngưỡng (đình, miếu...) dù có cùng công năng, hình thức kiến trúc? Câu hỏi này hiện nay vẫn là đề tài nghiên cứu của nhiều nhà khoa học và cũng còn nhiều bàn cãi xoay quanh vấn đề này.

Theo Giáo sư Mỹ thuật Trần Lâm Biền, tam quan gắn với chùa, còn “nghì môn” thường gắn với đình, đền:

- Tam quan là ranh giới giữa đời và đạo, là 3 lối nhìn về đạo; là 3 cửa, 2 cửa con và 1 cửa lớn ở giữa. Trong chùa nhìn ra, cửa tay phải gọi là Không quan/nhìn bản thể, cửa nhỏ tay trái gọi là Giả quan/ quy luật, cửa giữa gọi là Trung quan hay là cửa Bát nhã/hiếu sâu sắc để đi vào con đường Nhất chính đạo.

- Nghì môn: thường gắn với Đền, mang dáng dấp của cổng thành. Nghì

môn tứ trụ thường gắn với Đình, (Chùa Thiên Mụ làm kiểu nghì môn là sai). Cột chính của Nghì môn (gọi trụ biểu là làm thấp đi giá trị của nó).³

Một quan điểm khác cũng khá thú vị về tam quan, tuy nhiên, cũng chỉ mang tính chất tham khảo, vì tác giả bài viết đã không đưa ra luận chứng rõ ràng:

“Xưa kia triều đình qui định lối giữa dành cho vua, bên tả dành cho văn quan và bên hữu dành cho võ quan. Các cổng làng vì thế luôn làm tam quan cũng vì mục đích phòng khi đón vua về ngự. (...) Về sau chùa chiền cũng theo khuôn phép này lập cửa tam quan để tiếp vua đi lễ Phật. Tam quan của chùa ít khi mở cổng lớn, trừ những dịp có lễ lớn mới mở. Người ta lại dựa vào phong thủy chia ra cửa nhỏ bên trái (từ ngoài hướng vào) là Thanh long và cửa bên phải là Bạch hổ. Khách hành hương thường đi vào cửa trái và ra cửa phải gọi là “Nhập Thanh long, xuất Bạch hổ” hàm ý

³ Trích trong một bài viết trên Diễn đàn Hội Kiến trúc sư Quảng Nam, nguồn: <http://hoiktsquangnam.blogspot.com>

rước phước đức của chùa về nhà. Sau này hình ảnh tam quan của thiền môn được tư tưởng hóa theo triết lý nhà Phật: Tam quan là ba cửa: cửa không (Không môn), cửa vô tướng (vô tướng môn) và cửa vô nguyên (vô nguyên môn), gọi chung là tam môn. Thật thú vị, đường vào Phật đạo cổng có ba cửa; còn Huệ Khải bảo đi vào Thiền bằng cổng không có cửa. Hiểu thấu nghịch lý này mới thấm được vi diệu của Phật học”.⁴

Như vậy, đến nay vẫn chưa có giải thích rõ ràng về tam quan ở các công trình tín ngưỡng.

Trong bài viết này xin gọi “*cổng ra vào chính*” ở các di tích tôn giáo, tín ngưỡng làm theo hình thức 3 lối đi là tam quan. Ở Hội An hiện nay có khá nhiều di tích có hình thức cổng ra vào là tam quan. Một số di tích còn giữ lại được tam quan cũ rất đẹp như chùa Phước Lâm, Chúc Thánh, Hải Tạng, hay như đình Cẩm Phô, miếu Hy Hòa... và đặc biệt nhất phải kể đến Tam quan Chùa Bà Mụ. Tam quan các di tích ở Hội An chủ yếu là tam quan ngoại, do quy mô công trình không lớn, duy nhất chỉ có Hội quán Phúc Kiến là có thêm tam quan nội. Quy mô tam quan vừa phải, trang trí không quá cầu kỳ, cũng không “*hoành tráng*” như tam quan một số đình, chùa mới được xây dựng về sau này ở các địa phương khác.

Nhìn chung, tam quan chùa hay đình miếu ở Hội An, cũng như các nơi

khác đều có một số đặc điểm chung như sau:

- Tam quan có 3 lối đi, lối ở giữa thường có kích thước lớn và rộng hơn so với lối đi ở hai bên.

- Tam quan có hình thức kiến trúc đối xứng.

- Tam quan thường được xây kèm theo tường rào hai bên nhằm che khuất tầm nhìn bên ngoài vào, tạo không gian kín, yên tĩnh cho khuôn viên bên trong di tích.

- Tam quan bao giờ cũng xây dựng phía trước di tích, theo một trục thẳng vào bình phong, chính điện/tiền đường.

- Trên thân mỗi tam quan thường được trang trí nhiều chữ, câu đối bằng chữ Hán Nôm cùng hoa văn rồng cuộn, mây và hoa lá cách điệu cân xứng, sứ rất tinh xảo và đẹp mắt.

Qua tìm hiểu, tôi được biết ở Hội An, cũng như các nơi khác trên đất nước, khi bước vào di tích (*chùa hoặc đình, miếu, nhà thờ tộc...*), người ta không đi lối giữa của tam quan mà thường đi lối ở hai bên, bởi người ta quan niệm rằng: lối ở giữa chỉ dành cho Phật, Thánh, các vị thần linh, cao tăng, nếu đi lối giữa thì rất đường đột vô lễ, không có uy nghi tôn kính! Ngày thường, cửa lối giữa cũng đóng kín (*với các tam quan có lắp dựng cửa đi*), chỉ được mở vào các dịp đặc biệt, các ngày lễ lớn. Cửa hai bên thì được mở thường xuyên hơn. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa tìm hiểu được nguyên tắc ra, vào di tích bằng lối nào của tam quan là đúng đắn, là không “*vô lễ*”. Hiện nay, theo tôi quan sát, nhiều di

⁴ An Huy (?) - Ý nghĩ về cổng Tam quan - Nguồn: <http://hocthuatphuongdong.vn/index.php?topic=3051.0>; wap2

tích tín ngưỡng vẫn mở cửa chính vào ngày thường, khách vãng lai cũng cứ theo lối chính mà vào, ít người để ý phải ra, vào đi tích bằng lối nào cho đúng, phù hợp.

Sau đây là hình thức tam quan tại một số loại hình di tích tôn giáo, tín ngưỡng cụ thể ở Hội An.

1. Tam quan tại các di tích tôn giáo (chùa, tịnh xá, Phật đường)

Như đã đề cập ở trên, nhiều ngôi chùa ở Hội An còn giữ lại được tam quan của rất đẹp. Tam quan chùa Hải Tạng, Viên Giác, Phước Lâm, Chúc Thánh đều có dạng tường gạch xây dày, lối đi dạng cổng vòm, bên trên có lợp mái ngói âm dương, cửa ra vào bằng gỗ, trong đó chùa Hải Tạng, Viên Giác, Long Tuyền xây theo dạng thức cuốn vòm “*thượng lâu hạ cổng*”. Phần trên có dạng như “lầu” dùng để tôn trí tượng Hộ Pháp (có thể có hoặc không), phần dưới có 3 lối đi dạng vòm (tam quan). Trên thân tam quan có đắp vẽ nhiều câu đối chữ Hán Nôm, các chi tiết trang trí đẹp mắt. Nét rêu phong cổ kính, những đường nét uốn lượn trên các chi tiết kiến trúc đã đem lại cho ta cảm giác nhẹ nhõm, an lạc ngay từ khi bước chân vào cổng chùa.

Kích thước của các tam quan này không lớn, cửa đi cũng

thấp và hẹp. Với kích thước thấp như thế, mỗi khi bước chân qua vòm cổng, ta có cảm giác như cạ đầu vào vòm cửa làm cho ta hơi cúi xuống để nhìn lại mình (giống như khi bước qua ngạch cửa trong các ngôi nhà gỗ truyền thống), tạo cảm giác gần gũi, gạt bỏ ra ngoài những phiền muộn của thế gian lại bên ngoài, thân tâm thanh tịnh trước khi vào lễ Phật.

Ngày nay, nhiều chùa xây dựng tam quan mới bằng bê tông cốt thép với quy mô “*hoành tráng*” hơn, hình thức kiến trúc đa dạng hơn, màu sắc trang trí có phần rực rỡ hơn, tuy nhiên, theo quan điểm cá nhân lại không thấy nó gọi lên sự an lạc, nhẹ nhõm so với khi ngắm nhìn các tam quan xưa kể trên. Không phải tam quan chùa nào cũng giống nhau, theo đó, có chùa dựng tam quan theo lối cửa vòm như tam quan mới chùa Chúc Thánh, có chùa lại xây theo kiểu tứ trụ (loại này chiếm đa số) gồm bốn trụ biểu, hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên để chia thành ba lối đi; phía trên nối liền bốn trụ biểu



là xà cách điệu làm trán cổng, bên trên có mái lợp ngói như chùa Pháp Bảo, Minh Giác, Kim Bửu, tịnh xá Ngọc Châu, thiền tự Bảo Châu, Nam Tôn Phật đường...; hoặc không có mái che như Minh Hương Phật tự. Có tam quan chỉ xây bốn trụ biểu như chùa Vạn Đức; đặc biệt, cổng vào chỉ có một lối duy nhất như chùa Bảo Thắng.

2. Tam quan tại các di tích tín ngưỡng

Loại hình di tích tín ngưỡng Hội An rất đa dạng như: đình, miếu, văn chỉ, hội quán, nhà thờ tộc... Các di tích này có thể có cổng ra vào là tam quan hoặc không. Một loại hình di tích tín ngưỡng (ví dụ như đình) có nhiều hình thức tam quan khác nhau, một dạng thức tam quan có thể được sử dụng tại nhiều loại hình di tích tín ngưỡng khác nhau, không phụ thuộc vào hình thức kiến trúc của khối nhà chính bên trong, cũng không phụ thuộc vào đối tượng được thờ tự tại di tích. Do đó, đến thời điểm hiện tại, khó có thể đưa ra nhận định dạng thức tam quan nào được sử dụng cho loại hình di tích riêng biệt nào.

Như đã đề cập ở trên, tam quan tại các di tích tín ngưỡng cũng có lối đi ở giữa lớn hơn lối đi ở hai bên, thường được trang trí bằng các câu đối chữ Hán cùng hoa văn rồng cuộn, hồi văn, mây và hoa

lá,... rất đẹp. Tam quan tại các hội quán của người Minh Hương có thể có hình thức kiến trúc tương tự với một số đình, chùa khác ở Hội An, nhưng chúng thường được trang trí nhiều chi tiết hoa văn, màu sắc rực rỡ, tươi vui hơn rất nhiều.

Qua khảo sát các di tích tín ngưỡng có cổng ra vào là tam quan ở Hội An, có thể chia làm 5 dạng thức tam quan như sau:

- Tam quan có 4 trụ (*trụ vuông*), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên để chia thành ba lối đi, đầu trụ để trống hoặc có gắn búp sen trang trí; phía trên nối liền bốn trụ biểu là xà cách điệu làm trán cổng, bên trên không có mái che. Cửa đi ở mỗi lối vào là bộ cửa 02 cánh bằng gỗ, cửa khá cao, đi qua không có cảm giác bị cạ đầu vào xà ngang bên trên. Có nhiều di tích có dạng thức tam quan này, cụ thể:

+ Đình: Đền Võng, Kim Bồng, Cẩm Phô.

+ Miếu: miếu tổ nghề Yên (*Bãi Hương, Cù lao Chàm*), miếu Hy Hòa.



+ Văn chỉ: Minh Hương, Cẩm Phô.

+ Tụy tiên đường Minh Hương, Tín Nghĩa từ.

- Tam quan có 4 trụ (*trụ tròn*) chia thành ba lối đi, phía trên nối liền bốn trụ biểu là xà cách điệu làm trán cổng, bên trên có mái che (*mái thường lợp ngói ống*). Hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên, do đó, mái che lối ở giữa cũng cao hơn mái che ở hai gian bên. Lối đi có kích thước lớn, đi qua không sợ đụng đầu. Cửa đi hình thức đa dạng, bằng gỗ hoặc sắt. Ta bắt gặp dạng thức tam quan này tại các di tích:

+ Không Tử miếu

+ Hội quán: Quảng Triệu, Triều Châu.

- Tam quan có 4 trụ (*trụ tròn*), hai trụ giữa cao hơn hai trụ bên để chia thành ba lối đi, đầu hai trụ chính giữa có gắn 2 con lân, hai trụ thấp hơn gắn quả cầu hoặc búp sen trang trí; phía trên không có xà liên kết đầu trụ, không có mái che. Ta chỉ có thể bắt gặp dạng thức tam quan này tại đình Sơn Phô và đình ấp Tu Lễ. Trước đây, lối đi ở cả 3 cổng của 2 di tích đều để trống, không có cửa, tuy nhiên, để bảo vệ di tích, sau này người ta có gắn thêm cửa đi bằng các song gỗ thấp.

- Tam quan có dạng thức tương tự như tam quan chùa cổ Hội An, nhưng cũng có nhiều khác biệt: tường gạch xây dày (*tuy nhiên không dày như tường tam quan chùa*) và dài (*tương đương 1m*), lối đi hình chữ nhật, bên trên có lợp mái ngói âm dương (*2 mái dốc*), cửa ra vào bằng gỗ. Nếu là cửa ván ghép đứng, lối giữa

là cửa 2 cánh, lối hai bên là cửa 1 cánh. Nếu là cửa thượng song hạ bản, gian giữa là bộ cửa 4 cánh, gian bên là bộ cửa 2 cánh. Mái gian giữa cao hơn hai gian bên, đuôi mái khá thấp, đi vào cũng có cảm giác dễ bị đụng đầu. Mái rộng, cũng là chỗ trú mưa tránh nắng tạm cho khách bộ hành. Các di tích có dạng thức tam quan này:

+ Hội An Tiên Từ

+ Đình Thanh Hà

+ Nhà thờ tộc Phan Xuân (*xã Cẩm Kim*)

- Tam quan có dạng thức “*thượng lâu hạ cổng*”: trong số các di tích tín ngưỡng, chỉ duy nhất có Hội quán Phúc Kiến là có dạng thức tam quan này, là tam quan nội. Lối ở giữa 2 tầng, tầng trên có tượng trang trí, 2 lối bên chỉ có 01 tầng. Bên dưới là dạng cổng vòm. Mái lợp ngói ống màu xanh. Tam quan được trang trí với nhiều đồ án khác nhau, màu sắc tươi vui, chi tiết tinh xảo và đẹp mắt.

Ngoài ra, ở Hội An còn một tam quan có kiểu dáng kiến trúc vô cùng đặc biệt, đó là tam quan chùa Bà Mụ. Bà Mụ là tên gọi chung cho mười lăm vị thần, gồm ba bà Sanh Thai và mười hai bà Mụ. Khuôn viên chùa là trường THCS Nguyễn Duy Hiệu, phường Minh An hiện nay. Chùa không còn nữa, chỉ còn lại tam quan, hiện nay đang trong quá trình tu bổ. Toàn bộ tam quan được xây như bức bình phong hình cuốn thư. Chính giữa tam quan là một vòng tròn lớn xuyên suốt, xung quanh vòng tròn là các gờ chỉ được đắp nổi, bên dưới có 2 con lân (?) đỡ vòng tròn. Hai bên vòng tròn là hai khối lớn. Mỗi khối cũng chia làm 3

phần, như một tam quan nhỏ. Phần sát bên vòng tròn là một lối vào dạng vòm lớn, phần kế tiếp trang trí quả đào và Phật thủ (*Đông đào Tây Phật thủ*), cuối cùng là một lối vào dạng vòm nhưng có kích thước nhỏ hơn. Phần trên của cổng tam quan được trang trí khá độc đáo với các dải băng mềm mại. Trên các cửa ra vào được lợp bằng ngói ống, tạo thành các nếp cuộn nối tiếp nhau. Những dải hoa lá cách điệu một cách tinh tế, hồi văn, con giống trang trí... được đắp nổi làm cho tam quan trở nên mềm mại và sinh động.

Tam quan là một bộ phận cấu thành quan trọng của nhiều di tích kiến trúc truyền thống, nơi giao tiếp giữa chốn thanh tịnh và cõi trần thế, giữa chốn ồn ào náo nhiệt và cõi thông dong tự tại. Ngoài những giá trị về nghệ thuật kiến trúc, tam quan, theo một cách nào đó, còn giúp ta cảm thấy

thư thái, nhẹ nhàng và an lạc trước khi bước vào khuôn viên bên trong đình, chùa...

Hình thức kiến trúc tam quan ở Hội An khá đa dạng, độc đáo, xuất hiện ở nhiều loại di tích tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau. Hiện nay, Hội An còn nhiều tam quan cũ có giá trị kiến trúc, nghệ thuật cao, các tam quan này hiện nay đang bị xuống cấp ở nhiều cấp độ khác nhau. Cần nghiên cứu, tìm hiểu kỹ hơn về dạng thức tam quan nào phù hợp với từng loại hình di tích kiến trúc nào để tránh việc “*râu ông nọ cắm cằm bà kia*” trong việc phục hồi hoặc tôn tạo các di tích kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng. Việc tìm hiểu hình thức kiến trúc tam quan sẽ giúp ta có sự hiểu biết đúng đắn hơn về hạng mục kiến trúc đặc biệt này, từ đó có những ứng xử, hướng tu bổ, tôn tạo các di tích phù hợp hơn♥



MỘT SỐ ĐỀ TÀI TRANG TRÍ TRÊN GỐM CHU ĐẬU KHAI QUẬT TẠI VÙNG BIỂN CÙ LAO CHÀM

Trần Công Trung

Gốm men Việt Nam đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài, trong đó sự ra đời và phát triển của gốm sứ Chu Đậu từ thế kỷ XIV - XVII là một điểm nhấn nổi bật trong tiến trình phát triển nghệ thuật gốm sứ Việt Nam.

Theo kết quả nghiên cứu, gốm Chu Đậu có niên đại khoảng thế kỷ XIV và phát triển cực thịnh vào thế kỷ XV-XVI. Lúc bấy giờ gốm Chu Đậu đã gia nhập vào thị trường thương mại không những ở Việt Nam, Đông Nam Á mà cả trên thế giới.

Việc phát hiện và trục vớt nhiều đồ gốm Chu Đậu từ con tàu cổ bị đắm ở vùng biển Cù Lao Chàm từ năm 1997 - 2000 càng minh chứng rõ hơn giá trị của dòng gốm Việt nổi tiếng một thời này. Theo thống kê thì có khoảng 240.000 hiện vật đã được khai quật, trong đó ngoài một số vật dụng sinh hoạt của các thủy thủ trên tàu gồm nhiều chất liệu khác nhau thì đa phần hiện vật là các đồ gốm gia dụng có nguồn gốc từ các lò Chu Đậu - Mỹ Xá của tỉnh Hải Dương. Đặc biệt là gốm Chu Đậu với nhiều loại men khác nhau: men ngọc, men nâu, men tam thái và men trắng vẽ lam,... với nhiều đề tài trang trí mới lạ, hấp dẫn.

Trong phạm vi bài này xin được giới thiệu một số hoa văn trên gốm men trắng vẽ lam mà tôi tiếp cận được từ hơn 5000 hiện vật hiện đang trưng bày và bảo quản tại các bảo tàng ở Hội An.

TT	TÊN HIỆN VẬT	ĐVT	SL
01	Hộp phấn	Cái	81
02	Thân hộp phấn	Cái	1933
03	Nắp hộp phấn	Cái	1799
04	Bát	Cái	261
05	Đĩa	Cái	49
06	Hũ	Cái	430
07	Ly (chén nhỏ)	Cái	273
08	Nắp (có núm)	Cái	42
09	Thạp	Cái	11
10	Ấu	Cái	4
11	Tước	Cái	2
12	Lọ	Cái	101
13	Hộp hình con cua	Cái	2
14	Bình con rùa	Cái	10
15	Nắp hũ	Cái	4
16	Nắp ấu	Cái	1
17	Nắp (không xác định)	Cái	6
18	Bình tỷ bà	Cái	18

19	Bình rượu	Cái	10
20	Bát rộng miệng	Cái	4
21	Thố	Cái	1
22	Con cá	Cái	1
23	Con ngựa	Cái	1
24	Con chim	Cái	1
25	Bình Kendi	Cái	1
26	Nậm	Cái	4
27	Con tiện	Cái	1
28	Loại khác	Cái	31
	Tổng cộng		5081

Có thể nói rằng, hoa văn trên hai loại gốm này được tạo bằng hai kỹ thuật là vẽ lam dưới men trắng, nung nặng lửa và vẽ màu trên men trắng, nung nhẹ lửa.

Trước hết về đề tài trang trí thì khá đa dạng nhưng có thể tóm tắt như sau:

Với mảng đề tài con người, ở các dòng gốm Việt trước đó, đề tài này ít khi bắt gặp thì nay hình ảnh con người được thể hiện khá phong phú với nhiều hình tượng khác nhau trên một số đồ gốm Chu Đậu. Đó là hình tượng các vị thần, tiên ông, những quý tộc, các cụ già thả câu, chèo thuyền, hình người đội nón, mặc áo dài, mục đồng chăn trâu thổi sáo, trẻ em nô đùa,...

Đề tài động vật được thể hiện dưới hai dạng thức, đó là những con vật trong tứ linh: rồng, lân, rùa, phượng và những con vật có thật trong đời thường như sư tử, voi, hổ, ngựa, trâu, bò, chim đại bàng, vẹt, chích choè, vịt, thiên nga, chim sâu, chim sẻ,... Ở đây, cũng còn gặp các loại côn

trùng được tả thực rất sinh động: bướm, chuồn chuồn, châu chấu, cào cào. Ngoài ra, còn có các loài thủy sinh: cá, tôm, cua được miêu tả thật ấn tượng qua những nét vẽ cực kỳ phóng khoáng, nhưng chi tiết đến lạ lùng. Những con vật này được vẽ trên nền sinh thái xung quanh nên thật sống động và hấp dẫn.

Đề tài phong cảnh sơn thủy cũng được thể hiện khá đa dạng: nhà cửa, chùa tháp, cung điện, cầu cống, sông nước, mây trời... Những cảnh tượng này thật nên thơ, hữu tình tạo một cảm giác thật yên bình, vượt ra khỏi những tất bật đời thường.

Đề tài hoa lá, cây cối chiếm số lượng nhiều hơn cả. Trong đó các loài hoa được chọn để trang trí nhiều nhất là: sen, cúc, hoa mẫu đơn, tùng, mai, trúc và các loại cây cổ thụ, được thể hiện khi thì phóng khoáng kể cả trên bố cục cũng như nét vẽ, khi thì khuôn cứng trong các băng hẹp, khi thì tỉa tót đến chi tiết. Những loại cây, hoa lá ấy rất phổ biến, gần gũi được thể hiện rất nhiều trên các đồ án trang trí khác nhau.

Các nghệ nhân xưa đã thổi hồn dân tộc vào các sản phẩm gốm, tất cả tạo nên một bức tranh chân thực, sinh động về một làng quê Kinh Bắc với những hình ảnh rất gần gũi, đời thường. Đây là một trong những yếu tố rất quan trọng góp phần khẳng định tính thuần Việt của dòng gốm Chu Đậu.

Điểm đặc biệt đáng lưu ý ở sưu tập gốm Cù Lao Chàm là, chúng ta chỉ thấy hoa văn men lam vẽ dưới men được thể hiện sinh động trong đề tài

cũng như nét vẽ. Những màu vàng, màu xanh lục, màu đỏ nâu vẽ trên men dường như không tham gia vào bố cục và đề tài như một thành phần chủ đạo, mà đó chỉ là những đường viền điểm xuyết để tạo nên sự sang trọng, nhưng lại càng làm cho đề tài thêm khuôn cứng vào những đường viền ấy.

Về phong cách trang trí hoa văn trên gốm vót biển Cù Lao Chàm.

Kỹ thuật vẽ trang trí trên sản phẩm gốm Chu Đậu thường sử dụng các loại bút lông mềm (loại bút thường dùng của các nhà Nho) để đưa màu men lên bề mặt sản phẩm gồm một (nếu là vẽ dưới men) và trên bề mặt men trắng (nếu là kỹ thuật vẽ trên men).

Phong cách vẽ áp dụng theo 2 phương pháp “*Phóng bút*” hoặc “*Công bút*”. Với lối vẽ phóng bút, người thợ gốm đã thể hiện sự điêu luyện với những nét vẽ tung taw, phóng khoáng thể hiện các đề tài thiên nhiên, con người, những chú chim sẻ, chích chòe, thiên nga thật sinh động. Màu men chủ đạo được sử dụng trong lối vẽ này là men lam đen, loại men này thường hay bị nhòe những rất được người thợ Việt ưa chuộng và phù hợp với lối vẽ phóng bút. Với lối vẽ công bút, nét vẽ rất tỉ mỉ, chi tiết thể

hiện các đồ án sơn thủy, tùng đình, trúc điều, mai điều hay những đồ án nhỏ như khuôn trong những hình tròn, ô vuông chữ nhật. Để biểu đạt thành công ý đồ của tác giả thì người thợ phải sử dụng loại men màu xanh mực (*lam hời*) có độ tươi sáng, không bị nhòe hay tan chảy khi nung ở nhiệt độ cao.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng gốm Việt Nam có truyền thống và ưa dùng lối vẽ “phóng bút”, lối vẽ này thể hiện sự phóng khoáng với những nét



vẽ mềm mại. Dường như đây là phong cách thích hợp hơn với người Việt trong việc thể hiện những ý tưởng của mình. Còn gốm Trung Quốc có truyền thống

công bút với những nét vẽ tỉ mỉ, tuân theo một quy chuẩn nhất định nhằm biểu đạt các đề tài là các điển tích Trung Hoa. Và, cũng bởi thế, họ cho rằng, rất nhiều những sản phẩm gốm Việt Nam xuất khẩu hoặc cung đình, hoàng tộc có lối vẽ công bút, do thợ gốm Trung Quốc làm.

Không ai phủ nhận mối quan hệ, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau giữa các trung tâm sản xuất gốm đương thời và trong mỗi giao lưu ấy gốm Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, Thái Lan... chịu ảnh hưởng lớn của gốm sứ Trung Quốc cả về kỹ thuật, đề tài và phong cách trang trí. Tuy nhiên thật không

đúng khi nói rằng những đồ gốm này là sản phẩm trực tiếp của người thợ gốm Trung Quốc. Nhìn sưu tập gốm cổ Cù Lao Chàm, lối vẽ rất Việt dường như được thể hiện rất đậm trên từng tiêu bản cụ thể kể cả phong cách lẫn thể tài trang trí.

Cũng có người cho rằng dòng gốm Chu Đậu của ta chịu ảnh hưởng rất sâu sắc từ các dòng gốm Quảng Đông (Trung Quốc) đồng thời và những sản phẩm gốm Chu Đậu là của thợ gốm Quảng Đông vẽ. Tuy nhiên, chưa có minh chứng cụ thể để làm sáng tỏ điều này. Qua quan sát, so sánh với những hiện vật gốm sứ Quảng Đông niên đại thế kỷ XVII - XVIII đang trưng bày tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch Hội An, ta dễ dàng nhận thấy phong cách và kỹ thuật vẽ hoàn toàn khác so với gốm Chu Đậu.

Cũng nói về phong cách vẽ trên gốm Chu Đậu, lối vẽ công bút trên một số hiện vật cũng có sự khác biệt lớn đối với lối vẽ công bút được áp dụng trên các đồ gốm sứ Trung Quốc. Bởi lẽ, gốm sứ Trung Quốc rất coi trọng và tuân thủ chặt chẽ những quy luật vẽ, đặc biệt là quy luật viễn cận (*xa gần*), bởi thế, mỗi tác phẩm của họ như một bức tranh của một họa sĩ. Trên những bức tranh ấy, các nhân vật được thể hiện khá chi tiết, mang tính giải phẫu của hội họa hiện đại. Thế nhưng, trên rất nhiều đồ gốm Cù Lao Chàm, cũng là những bức tranh, yếu tố ước lệ dường như vẫn là nét hằn xuyên của nghệ thuật tạo hình Việt Nam. Ở đây, ta còn gặp những tác phẩm không hề tuân thủ luật xa gần, không có không gian ba chiều, khiến cho chúng ta ngỡ

ngợ đó là những bức tranh dân gian của Đông Hồ, Kinh Bắc.

Dường như trong sưu tập gốm Cù Lao Chàm, mặc dù có rất nhiều tiêu bản vẽ sơn thủy, phong cảnh, từng đài, song không hề thấy một nguyên mẫu nào của tích cổ Trung Hoa, trong khi ấy, ở Trung Quốc đương thời, tích Tam Quốc diễn nghĩa, Thủy Hử... là những đề tài thường được khai thác tới đa. Cũng vậy, trên gốm Cù Lao Chàm có “*tam hữu*”, “*tứ quý*”, “*tứ linh*”, nhưng cách diễn tả, bố cục không hề giống chút nào với gốm Trung Hoa cũng thể hiện những đề tài tương tự.

Bài viết trên đây chỉ là một điểm gợi mở mang tính tham khảo để những ai quan tâm tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa góp phần làm sáng tỏ thêm giá trị riêng biệt của gốm cổ Việt, một di sản đã được nhiều học giả thế giới thừa nhận. Đó là điểm đáng tự hào của gốm sứ Việt Nam mà chúng ta cần trân trọng, phát huy♥

***Tài liệu tham khảo**

1. Tăng Bá Hoành - Gốm Chu Đậu - Bảo tàng Hải Hưng 1993.
2. Phạm Quốc Quân - Tổng Trung Tín: Báo cáo kết quả khai quật khảo cổ học dưới nước tàu đắm cổ Cù Lao Chàm (Quảng Nam) (1997-1999) – Tư liệu lưu trữ Trung tâm QLBT Di sản văn hóa Hội An.
3. Nguyễn Đình Chiến - Phạm Quốc Quân: Gốm sứ trong năm con tàu cổ ở vùng biển Việt Nam - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam xuất bản năm 2008.
4. Huỳnh Anh Tuấn: Gốm Chu Đậu Việt Nam - Bài tham dự Hội thảo “Gốm Đồng Nai và các vùng phụ cận, giá trị truyền thống và vấn đề phát triển” năm 2015.

VÀI THÔNG TIN VỀ TIẾP CẬN KHẢO CỔ HỌC Ở ĐƯỜNG/PHỐ LÊ LỢI - HỘI AN

Võ Hồng Việt

I. Vài nét tổng quan về đường Lê Lợi

Đường Lê Lợi ở thành phố Hội An hiện nay kéo dài từ đường Trần Hưng Đạo (*ngã tư Lê Lợi - Trần Hưng Đạo - Nguyễn Trường Tộ*) đến đường Bạch Đằng dọc sông Hoài, vắt ngang qua các đường Phan Châu Trinh, Trần Phú, Nguyễn Thái Học. Đây là một trong những tuyến quan trọng trong không gian khu phố cổ Hội An, là một trong những tuyến đường chính kết nối khu phố cổ Hội An với không gian trung tâm thành phố Hội An. Năm 1947, đường Lê Lợi hiện nay được gọi là đường Hội An (*Rue Hoi An*), kéo dài từ bờ sông (*Quai Phuoc Kien - Quai Hai Nam*) đến công quán cũ (*khu vực quán café Tình Thương hiện nay*) tiếp giáp với đường Quảng Nam (*Rue Quang Nam*)⁵. Lúc bấy giờ, đường Lê Lợi kéo dài từ công quán cũ đến

Trường Lê, tức là đường Nguyễn Trường Tộ hiện nay. Theo quyết định đổi tên đường ở thành phố Hội An năm 1955, đường Hội An được đổi thành đường Lê Lợi, còn đường Lê Lợi đổi thành đường Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Công Trứ.

Theo quy hoạch khoanh vùng bảo vệ khu phố cổ Hội An, đường Lê Lợi hiện nay thuộc khu vực bảo vệ I. Theo kết quả thống kê trong sách Di tích - Danh thắng Hội An do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An biên soạn năm 2015, có 103 di tích - nhà ở thuộc đường/phố Lê Lợi, trong đó có 06 di tích - nhà ở được phân loại giá trị bảo tồn loại đặc biệt, 07 di tích - nhà ở được phân loại giá trị bảo tồn loại 1. Trong những di tích loại đặc biệt và loại 1, về loại hình đình có đình tiền hiền Hội An (*Hội An tiên tự*), đình Ông Voi; về loại hình nhà thờ tộc có nhà thờ tộc Phan, nhà thờ tộc Nguyễn, nhà thờ tộc Phạm, nhà thờ tộc Huỳnh và nhà thờ tộc Trần⁶; về loại hình nhà ở là hiệu buôn có nhà Đồng Lợi, nhà Đức Phú, nhà Nguyên Thạnh. Trong không gian của đường/phố Lê Lợi còn có nhiều di tích giếng cổ khá

⁵ Theo Bản đồ Hội An năm 1947 (Ville de Faifoo), những con đường ở Hội An năm 1947 hiện nay đổi tên là: Quai Phuoc Kien - Quai Hai Nam - Quai Trieu Chau là đường Bạch Đằng, Rue Cantonais là đường Nguyễn Thái Học, Rue Japonais là đường Trần Phú, Rue Minh Huong là đường Phan Châu Trinh, Rue Quang Nam là đường Trần Hưng Đạo, Rue Hoi An là đường Lê Lợi, Rue Le Loi là đường Nguyễn Trường Tộ, Place Du Marche là đường Trần Quý Cáp và đường Tiểu La, Rue Coorbet là đường Phan Bội Châu,...

⁶ Nhà thờ tộc Trần - số 21 Lê Lợi hiện đang là điểm tham quan hấp dẫn nằm trong ô vé tham quan khu phố cổ Hội An.

đặc trưng và ấn tượng như giếng nhà số 2/24, giếng đình Ông Voi (2 giếng), giếng kiệt SICA, giếng nhà số 58/7,...

II. Những thông tin về khảo cổ học

Trên tuyến đường Lê Lợi, vào tháng 6/1993, đội thi công thuộc Phòng nhà đất và Công trình đô thị thị xã Hội An đã đào mương sâu lấp đặt ống cống thoát nước ở hai bên lề đường, các cán bộ nghiên cứu của Ban Quản lý Di tích và Dịch vụ Du lịch Hội An⁷ đã phối hợp khảo sát 03 hố đào tại vị trí ngã tư Lê Lợi - Phan Châu Trinh, ngã tư Lê Lợi - Trần Phú, ngã tư Lê Lợi - Bạch Đằng. Kết quả khảo sát đã phát hiện rất nhiều gạch vụn, mảnh sành, sứ, gốm thuộc các loại hình chén bát, đĩa, lọ hoa, hũ, nồi... có niên đại từ thế kỷ XVII - XIX và một số gốm thô xương màu đen lẫn cát, da màu vàng đậm hoặc nâu với hoa văn kẻ vạch vòng tròn quanh thân⁸.

Tháng 3 năm 2006, khi các đơn vị thi công triển khai thực hiện các hạng mục công trình trên tuyến đường Lê Lợi theo dự án “*Tôn tạo cơ sở hạ tầng trong khu phố cổ Hội An*” do Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam⁹ đầu tư, chúng tôi đã tiến hành phối hợp khảo sát khảo cổ học để thu thập các thông tin về lịch sử của đô thị thương cảng Hội An. Kết quả khảo sát đã phát hiện được một số dấu vết khảo cổ học quan trọng, thu thập được

nhiều thông tin lý thú góp phần làm sáng tỏ một số giả thuyết nghiên cứu.

1. Về các hố đào

* Hố đào trước nhà số 84

Hố đào nằm tại phía tây lòng đường Lê Lợi, đối diện nhà số 84, được mở theo hướng bắc - nam, có diện tích 2m00 x 2m00, sâu 2m50 so với vỉa hè hiện trạng. Vách tây hố đào nằm gồi lên vỉa hè, cách lề đường 0m70, cách bậc cấp thêm nhà 84 Lê Lợi 1m50.

Kết cấu địa tầng diễn biến trên vách nam hố đào gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 0m20, tiếp đến là lớp đất màu nâu đen vừa vôi dày 0m70, lớp đất xen lẫn vỏ nhuyễn thể và mảnh gốm, sành dày 0m80, 0m40 dưới cùng là lớp đất xen lẫn sạn, mảnh gốm, sành, sứ, gạch, ngói vỡ.

Tại hố đào này xuất hiện dấu vết kiến trúc gỗ ở độ sâu 2m00 so với mặt bằng vỉa hè hiện trạng. Dấu vết kiến trúc gỗ chạy theo hướng đông - tây, đầu phía đông hơi lệch về phía bắc. Kết cấu phần xuất lộ gồm 4 cọc gỗ ở phía nam chèn giữ vách ván ở phía bắc. Phía đông của vách ván cách vách bắc hố đào 0m30, phía tây cách vách



⁷ Nay là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

⁸ Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An.

⁹ Nay là Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

bắc hồ đào 0m40. Các cọc gỗ nằm cách nhau từ 0m60 - 0m70, đỉnh cọc cao hơn vách ván 0m10. Trên thân cọc có đục lỗ mộng để luồn thanh gỗ gài nối các cọc lại với nhau. Các lỗ mộng này nằm cách đáy gờ mộng ở đỉnh cọc 0m40, gờ mộng ở đỉnh cọc sâu 0m13. Các cọc gỗ có đường kính 0m16. Vách gỗ có kết cấu gồm nhiều tấm ván chồng lên nhau. Tấm ván trên cùng dày 0m04, rộng 0m37, cạnh trên của tấm ván này có đục lõm hình chữ “U” rộng 0m06, sâu 0m05, các rãnh cách nhau 0m12. Cạnh dưới của tấm ván đục các lỗ hình chữ nhật 0m07 x 0m03 nằm cách nhau từ 0m13 - 0m17. Các lỗ hình chữ nhật này có thể để đóng chốt ghép các tấm ván lại với nhau.

Ngoài ra, tại hồ đào này còn xuất hiện một hũ sành còn nguyên vẹn nằm trên vách tây của hồ và một mảnh đĩa sứ Hizen nằm kẹp giữa cọc gỗ và vách ván ở phía đông dấu vết kiến trúc. Các hiện vật này có niên đại thế kỷ XVII. Hũ sành nằm ở độ sâu 1m90 so với vỉa hè hiện trạng, cách vách nam 0m55, cách dấu vết kiến trúc gỗ nói trên 0m78. Hiện vật nằm ngang, miệng quay về hướng nam, trong lòng hiện vật chứa một ít đất ở gần miệng và chất kết dính màu trắng nằm ở bụng về đáy.

Tại hồ đào đối diện với hồ đào nói trên nằm ở phía đông lòng đường Lê Lợi xuất hiện hai nôi gốm ở độ sâu 1m00 so với mặt đường hiện trạng, trong đó một nôi có nắp đáy nắp nhưng nắp nằm ngửa. Trong lòng của nôi gốm có nắp đáy là vôi, vỏ nhuyễn thể và than tro. Bên trong nôi gốm còn lại là đất, than và vài viên gạch vỡ.

*** Hồ đào trước nhà 94**

Hồ nằm ở phía tây lòng đường Lê Lợi, được mở theo hướng bắc - nam, vách tây cách thêm nhà số 94 Lê Lợi 1m60. Hồ đào có diện tích 2m00 x 2m00, sâu 2m30.

Kết cấu địa tầng diễn biến trên vách nam hồ đào gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 0m20, tiếp đến là lớp đất gạch vỡ dày 0m20, lớp đất màu nâu đen dày 0m70, dưới cùng là lớp đất màu xám đen gạch ngói vỡ, vỏ nhuyễn thể, mảnh gốm, sành, sứ.

*** Hồ đào tại ngã tư đường Nguyễn Thái Học - Lê Lợi**

Hồ đào nằm ở phía bắc ngã tư đường Lê Lợi - Nguyễn Thái Học, được mở theo hướng đông - tây, có diện tích 5m00 x 2m50, sâu 2m40.

Kết cấu địa tầng diễn biến trên vách Nam hồ đào gồm trên cùng là lớp đá dăm nhựa đường dày 0m15, tiếp đến là lớp đất bột màu nâu lẫn gạch vỡ, đá dày 0m75, lớp gạch vỡ dày 0m30, dưới cùng là lớp đất bùn màu đen xen lẫn sạn, ngói, gạch vỡ, mảnh sành, sứ và vỏ nhuyễn thể dày 1m20.

2. Mương đào

Trên đoạn đường từ ngã tư Trần Phú - Lê Lợi đến đường Bạch Đằng, các công nhân đã đào tổng cộng ba mương đào dọc theo lòng đường.

Khảo sát mương đào giữa lòng đường đã phát hiện được dấu vết đường cống thoát nước cũ chạy dọc giữa lòng đường. Kết cấu kiến trúc đường cống kiểu cuốn vòm, xây dựng bằng gạch, vữa vôi, lòng đáy làm bằng lớp vôi ghè dày 0m10. Kích thước



đường Trần Phú đến
đường Bạch Đằng.

- Code chuẩn:
(Trụ biển đường góc
Đông Nam ngã tư
đường Lê Lợi - Trần
Phú): ± 00

- Code tìm đường
Trần Phú: + 30

- Code tìm đường
Nguyễn Thái Học: -
136

- Code tìm đường

Bạch Đằng: - 198

- Code góc đông bắc hố đào
trước nhà số 94: - 98

- Code góc Đông Bắc hố đào
trước nhà số 84: - 58

- Code góc Tây Bắc hố đào trước
nhà số 84: - 52

III. Vài nhận xét bước đầu

- Từ kết quả khảo sát code đường
Lê Lợi cho nhận thấy đường Lê Lợi
thoải về phía nam, đường Trần Phú
cao hơn đường Nguyễn Thái Học
1m66, cao hơn đường Bạch Đằng
2m28, theo đó đường Nguyễn Thái
Học cao hơn đường Bạch Đằng 0m62.
Mặt bằng hiện trạng vỉa hè góc tây bắc
của hố đào trước nhà 84 Lê Lợi cao
hơn tìm đường Bạch Đằng 1m46, thấp
hơn code chuẩn tại trụ biển chỉ đường
góc Đông Nam ngã tư Lê Lợi - Trần
Phú 0m52. Như vậy code đỉnh của dấu
vết kiến trúc gỗ phát hiện tại hố đào
trước nhà 84 Lê Lợi thấp hơn code tìm
đường Bạch Đằng hiện tại 0m54.

- Từ kết quả khảo sát địa tầng
trên đường Trần Phú và đường Lê Lợi,

cổng cao 0m60, rộng 0m60. Cũng tại
mương đào này cho thấy dấu vết kiến
gỗ phát hiện tại hố đào trước nhà số 84
Lê Lợi tiếp tục chạy về phía đông.
Cách nó 3m00 về phía bắc các công
nhân thi công mương đào phát hiện
một bánh lái ghe bằng gỗ nằm vắt
ngang lòng mương ở độ sâu 2m00.
Đoạn bánh lái ghe do các công nhân
lấy lên từ lòng mương có kích thước:
Rộng 0m36, dày nhất 0m15, dài còn
lại 1m20.(bị chặt gãy)

Khảo sát mương đào phía tây
lòng đường cho thấy kết cấu địa tầng
tại vị trí cách đường Nguyễn Thái Học
8m00 về phía bắc diễn biến gồm: trên
cùng là lớp đất nện đá dăm nhựa
đường dày 0m30, tiếp đến là lớp đất
cát màu vàng nâu dày 1m00, lớp đất
cát màu xám xen lẫn gạch vỡ dày
0m30, dưới cùng là lớp bùn cát, bả
thực vật, mảnh sành sứ dày 0m20. Tại
khu vực trước nhà số 80 Lê Lợi xuất
hiện tầng đất cát trắng nằm ở độ sâu
1m20. Tầng đất cát này thoải dần về
phía nam.

Ngoài ra chúng tôi còn tiến hành
khảo sát code đường Lê Lợi đoạn từ

chúng tôi cho rằng tầng đất cát xuất hiện tại khu vực ruộng đào trước nhà số 80 là chân phía nam của cồn cát.

- Căn cứ vào vị trí, kết cấu của dấu vết kiến trúc gỗ được phát hiện trong lòng hồ đào có thể đoán định đây là một loại hình cù bằng gỗ cổ xưa. Tuy nhiên, đây không phải là dấu vết cù gia cố, xử lý hạng mục móng công trình kiến trúc bởi vì không phát hiện dấu vết móng công trình kiến trúc ở khu vực phía nam và bắc của dấu vết kiến trúc gỗ, hơn nữa trắc diện địa tầng vách đông, vách nam, vách tây của hồ đào trước nhà 84 Lê Lợi xuất hiện nhiều vỏ nhuyễn thể với mật độ tăng dần từ độ sâu 0m90 so với mặt bằng hiện trạng trở xuống. Ngoài ra trên các vách này cũng có nhiều mảnh gốm, sành, sứ. Kết quả khảo sát ruộng đào ở giữa lòng đường Lê Lợi cho thấy dấu vết kiến trúc gỗ đã phát hiện tiếp tục chạy về phía đông và nằm cách chân phía nam cồn cát khoảng 20m.

- Theo Vũ Hữu Minh, lịch sử phát triển Đô thị cổ Hội An về phương diện địa hình sắp xếp theo thứ tự từ bắc về nam và trải qua ba giai đoạn, trong đó giai đoạn II bắt đầu từ thế kỷ XV-XVIII hình thành ở khu vực từ khoảng giữa đường Phan Châu Trinh và đường Trần Phú đến khoảng giữa đường Trần Phú và đường Nguyễn Thái Học; giai đoạn III tính từ thế kỷ XVIII đến nay hình thành ở vị trí giáp ranh phía nam giai đoạn II đến bờ sông hiện nay. Kết quả nghiên cứu khảo cổ học trong những năm gần đây cũng như một số nguồn tư liệu lịch sử khác đã khẳng định điều này. Như vậy, lịch sử hình thành khu phố cổ Hội An gắn liền với quá trình bồi tụ về phía nam

của dòng sông Thu Bồn chảy qua Hội An. Một số tư liệu cho biết vào thế kỷ XVII, XVIII, bờ bắc sông Hội An nằm ở khu vực giữa đường Trần Phú và Nguyễn Thái Học hiện nay tức cách đình Ông Voi khoảng 100m về phía nam. Vị trí cù bằng gỗ được phát hiện cũng nằm cách đình Ông Voi với kích thước tương tự nên có thể cho rằng vị trí xuất hiện cù bằng gỗ có thể là bờ bắc của dòng sông chảy qua Hội An cuối thế kỷ XVII.

- Theo tư liệu hồi cố dân gian, từ thời Thiệu Trị trở về trước, chợ Hội An nằm ở khu vực trước đình Ông Voi. Tầm bia “ *Phổ Đà Sơn Linh Trung Phật*” ở động Hoa Nghiêm - Ngũ Hành Sơn có niên đại 1640 đã ghi địa danh Hội An với cấp đơn vị hành chính là xã. Căn cứ vào cách thờ tự, lễ hội, xá cò, các nhà nghiên cứu xác định đình Ông Voi là đình làng Hội An. Với tập quán phổ biến, khi có xã hiệu tất có địa điểm thờ tự, sinh hoạt cộng đồng, vì thế đình Ông Voi có thể xây dựng cùng thời hoặc ngay sau khi thành lập xã. Theo mô hình chung của chợ người Việt, chợ thường nằm ở ngã ba đường, bên sông, sân đình.

- Từ những chứng cứ trên cũng như kết quả giám định niên đại hiện vật được phát hiện, có thể nghĩ rằng dấu vết kiến trúc gỗ xuất hiện trong hồ đào trước nhà số 84 Lê Lợi là dấu vết cù bến sông ở thế kỷ cuối XVII. Tuy nhiên, để khẳng định chắc chắn thì cần phải có những phát hiện mới và nghiên cứu thêm. Hy vọng rằng, phát hiện này sẽ là tư liệu quý cung cấp cho chúng ta những thông tin hữu ích để nhận thức về lịch sử hình thành, phát triển của đô thị thương cảng Hội An♥

MIẾU ÔNG ĐỊA Ở KHỐI THANH TÂY PHƯỜNG CẨM CHÂU - HỘI AN

Trần Phương

Đời sống trước đây của cư dân địa phương nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung phần lớn dựa vào nền kinh tế nông nghiệp là chính. Trong đó nông nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào các điều kiện tự nhiên như đất đai, thời tiết, khí hậu... Trong số đó, đất đai được xem là yếu tố cốt yếu tạo nên vạn vật, có đất đai mới có thể làm nông nghiệp, làm ra của cải, cơm ăn áo mặc, giúp cho con người có được cuộc một sống ấm no. Vì lẽ đó mà thần Đất hay Thổ Thần là một trong những vị thần luôn được cư dân nông nghiệp tôn kính. Hiện nay, tuy hoạt động công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ phát triển mạnh mẽ nhưng Thổ Thần, Thổ Địa, thường gọi là Ông Địa vẫn còn hiện diện ở khắp mọi nơi trên đất nước, có thể ở một góc của một hàng quán buôn bán, hay nằm sát tường một góc nhỏ ở phòng khách, hoặc được thờ tự riêng trong các ngôi miếu, trong khuôn viên các chùa chiền, đình làng...

Ông Địa luôn được xem là một vị phúc thần, vừa bảo vệ đất đai, ruộng vườn, vừa đưa rước Thần Tài đến nhà, mang lại may mắn cho gia chủ, cho dân làng. Từ những lí do đó mà ta có thể thấy ở những nơi kinh doanh, buôn bán thường thờ tượng Ông Địa và tượng Thần Tài ngồi chung với nhau trong một khám thờ. Ngoài ra, hình tượng Ông Địa còn xuất hiện trong

hoạt động múa Lân, với vai trò là một người dẫn đường, dẫn dắt may mắn đến với mọi người. *(Theo quan niệm dân gian, khi Lân xuất hiện là báo hiệu một cuộc sống thái bình và sung túc)*. Ông Địa đồng thời cũng là biểu tượng của lòng nhân ái, sự rộng lượng, linh hoạt và thông minh, sẵn sàng giúp đỡ mọi người, am tường mọi ngõ ngách trong khu vực do thần cai quản, ngăn ngừa mọi sự xâm hại, những điều xấu xảy ra. Từ những quan niệm đó, dân làng Thanh Tây đã quyết định cùng nhau lập nên ngôi miếu Ông Địa để thờ cúng, mong ước mọi điều tốt lành, cuộc sống ấm no, hạnh phúc sẽ đến với xóm làng.

Địa danh Thanh Tây đã gắn liền với vùng đất này khá lâu đời. Đến nay, vùng đất này đã có nhiều thay đổi về đơn vị hành chính. Trước đây, làng Thanh Tây thuộc Tổng Thanh Châu, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn. Hiện nay, là khối Thanh Tây thuộc phường Cẩm Châu - Thành phố Hội An - Tỉnh Quảng Nam.

Được biết, trước đây có một ngôi miếu Ông Địa *(không rõ năm xây dựng)* tọa lạc gần với ngôi miếu hiện nay với qui mô lớn hơn, có đặt lổ bộ bên trong. Tuy nhiên, ngôi miếu này đã sụp đổ hoàn toàn vào khoảng năm 1947 do bom đạn chiến tranh. Đến

khoảng năm 1954, nhân dân địa phương đã cùng nhau quyên góp, xây dựng lại ngôi miếu Ông Địa tại vị trí hiện nay (*từ trước đến nay, ngôi miếu luôn được sử dụng với mục đích thờ Ông Địa là chính*). Trải qua các giai đoạn lịch sử, ngôi miếu đã có những sửa chữa, tu bổ, lớn nhất là cách đây 20 năm ở hạng mục mái ngói âm dương bị hư hỏng nặng nên đã thay thế bằng mái tôn fibro xi măng.

Phía trước mặt tiền ngôi miếu hiện nay có một dòng sông chảy qua, người địa phương thường gọi là sông Đò. Vào khoảng 60 - 70 năm trước, con sông lớn và sâu hơn bây giờ. Trước miếu là bến có nhiều ghe bầu neo đậu, khi neo đậu tại đây, các chủ ghe bầu thường xuyên ghé vào ngôi miếu dâng hương. Bến này người dân địa phương thường gọi là bến ông Thương Sáu do nhà ông Thương Sáu (*chủ ghe bầu*) ở ngay cạnh bến. Ngày trước, cạnh bên ngôi miếu có một trường học (*theo các vị cao niên thì đó là trường Tổng, không rõ năm xây dựng*) có diện tích khá lớn, cách ngôi miếu khoảng 7 - 8m. Đến năm 1947, trường học bị phá hủy. Trong thời gian đó có quán ăn của bà Chín (*các chủ ghe bầu khi neo đậu tại bến sông Đò ngay trước ngôi miếu thường hay ghé vào quán để ăn uống*), hiện nay cũng không còn.

Dân làng nơi đây hiện còn lưu truyền một câu chuyện có liên quan đến ngôi miếu. Xưa kia, có một người đàn ông giả vờ điên thường đi trộm đồ của dân làng, một hôm ông bị dân làng bắt quả tang và trói vào một cây cột ở gần miếu, dưới cây cột có nhiều rơm rạ trải xung quanh. Dân làng dọa sẽ đốt

cháy ông nếu còn tiếp tục trộm đồ của mọi người. Sau đó, mọi người ra về và trong đêm đó không hiểu nguyên do thế nào mà nơi đó bốc cháy khiến ông bị chết cháy. Một thời gian sau, vong linh ông hiện về quấy phá xóm làng, đốt cháy nhà của mọi người. Để cho vong linh của ông không còn phá phách nữa, dân làng bèn cúng một bàn riêng ông đặt bên mép phải miếu Ông Địa, gần bình phong trong dịp lễ cúng miếu, kể từ đó vong linh ông không còn hiện về quấy phá dân làng nữa. Hiện nay, người dân địa phương vẫn cứ theo tục lệ cũ đó mà thực hiện.

Ngôi miếu có mặt tiền quay về hướng Đông - Đông Nam. Trước mặt là sông, phía sau giáp đường giao thông. Hai bên trái, phải là nhà dân. Xung quanh không có tường rào bao bọc bảo vệ, nền sân đất bằng phẳng, án ngữ phía trước là bình phong.

Bình phong cách miếu chính 440cm. Hai bên bình phong xây hai trụ giống nhau, mỗi trụ có kích thước 100x13x13cm. Bình phong có kích thước 100x120x12cm. Hai mặt bình phong quét vôi màu vàng, không có họa tiết trang trí, trên bình phong có đặt một nôi hương bằng sứ ngay chính giữa.

Phần mặt tiền của ngôi miếu có cặp hình chữ nhật dạng liên đôi đối xứng hai bên lối vào chính diện, không có họa tiết trang trí, chỉ được quét vôi đỏ. Miếu chính có qui mô tương đối nhỏ, diện tích 476x336cm. Phía trước là hiên, kế đến là không gian thờ tự và hậu tẩm. Nền miếu lát xi măng, tường xây. Mái được lợp bằng tôn

fibro xi măng, riêng mái hậu tấm được đắp giả mái ngói âm dương. Các mảng tường ngoài được quét vôi màu vàng.

Ở phần hiên, mặt tiền có một lối đi ở chính diện miếu, làm theo dạng hình vòm, cao 200cm, rộng 136cm. Hai bên hông cũng có lối đi có kích thước bằng nhau, cao 200cm, rộng 76cm. Các lối ra vào đều không có cửa. Hệ đỡ mái và chịu lực bằng gỗ gồm các thanh đòn dông và đòn tay hình tròn, tường trong được quét vôi màu xanh.

Về phần nội thất, sát tường trong hai bên có hai án thờ đặt trên hai bệ thờ bằng nhau. Ở bên trái, bệ thờ đặt tượng Ông Địa (*chất liệu đất nung*)

đầu chít khăn đỏ, khoác áo màu vàng, quần màu trắng, tư thế ngồi chân trái để xếp bằng, chân phải co lên vuông góc mặt đất. Mặt trước bệ thờ được quét vôi màu xanh và không có họa tiết trang trí. Ở bên phải, bệ thờ đặt tượng Ông Địa và Thần Tài (*chất liệu đất nung*) ngồi cạnh nhau. Tượng Ông Địa cũng có trang phục và tư thế ngồi giống như tượng Ông Địa ở bệ thờ bên trái. Tượng Thần Tài có râu trắng, dài, mũi và áo màu vàng, thắt đai màu đỏ,

quần màu trắng, đi giày màu đỏ, tư thế ngồi chân phải xếp bằng, chân trái co lên vuông góc mặt đất. Tượng Ông Địa được đặt bên phải, tượng Thần Tài đặt bên trái bệ thờ. Mặt trước bệ thờ được quét vôi màu xanh không có trang trí. Cả hai bệ thờ mỗi bên đặt một cặp chân đèn và một nồi hương chất liệu sứ. Ở hậu tấm có xây bệ thờ cao hơn. Bệ thờ đặt khám bằng gỗ, sơn màu đỏ, phía trong đặt tượng Ông Địa chất liệu đất nung. Theo các vị cao niên thì tượng này đã được đặt thờ từ khi xây dựng ngôi

miếu này. Trên đầu tượng Ông Địa được phủ một chiếc khăn màu đỏ, áo quần màu đỏ, giày màu đen, da Ông Địa màu trắng, có râu màu

đen, khuôn mặt tươi cười, tư thế ngồi bắt chân trái lên đầu gối chân phải để vuông góc, tượng bị gãy tay phải. Bên phải của tượng Ông Địa có đặt một tượng con ngựa bằng đất nung màu hồng nhạt. Bên trong khám thờ và trên bệ thờ có đặt hai cặp chân đèn và ba nồi hương chất liệu bằng sứ. Hai bên tường có cặp hình chữ nhật dạng liền đôi, quét vôi màu đỏ, viền màu vàng và không có trang trí. Mặt trước bệ thờ được quét vôi màu xanh không có trang trí.



Từ trước đến nay, người dân địa phương ấn định tổ chức lễ cúng miếu (đối tượng thờ chính ở đây là Ông Địa) theo lệ một năm hai lần từ kinh phí vận động đóng góp của người dân địa phương (chủ yếu vận động từ người dân tổ 7, tổ 8, tổ 9 khối Thanh Tây). Tổ chức lễ cúng lần đầu tiên trong năm thường được tổ chức cúng mặn vào ngày 16 tháng 2 (ÂL), lần thứ hai tổ chức cúng chay vào ngày 15 tháng 7 (ÂL). Trong lễ cúng miếu vào ngày 16 tháng 2 (ÂL) hàng năm, có ban tế lễ gồm 3 người mặc áo dài khăn đóng (ban tổ chức lễ cúng gồm các bậc cao niên có uy tín trong làng, hiện nay người được chọn làm chánh tế là ông Trần Danh (83 tuổi, trú tại tổ 8 - khối Thanh Tây - phường Cẩm Châu) và ông Trang Tấn Hòa (61 tuổi, trú tại tổ 8 - khối Thanh Tây - phường Cẩm Châu) thay phiên nhau làm chánh tế), nếu ai trong năm đó có tang thì thay thế bằng người khác. Có đội bát âm do ban tế lễ mời bên Cẩm Nam về thực hiện. Văn tế do ông Trưởng, người đứng đầu đội bát âm soạn. Lễ cúng gồm có ba bàn (hai bàn trong miếu, một bàn ngoài sân), trong đó hai bàn trong miếu là một bàn lễ thần, một bàn lễ cô bác, bàn ngoài sân là bàn lễ người đàn ông bị chết cháy trong khuôn viên ngôi miếu.

Thời gian trước đây, khi còn ghe bầu neo đậu ở bên trước mặt miếu Ông Địa, lễ cúng miếu được tổ chức rất long trọng, có cả cờ xướng, tế, tổ chức cúng đêm 14 ÂL trước (com hôm), đến ngày hôm sau là 15 (ÂL) thì tổ chức lễ

cúng chính (thời gian đó người dân thường tổ chức cúng mặn vào tháng 7 (ÂL) nhưng hiện giờ chỉ tổ chức cúng chay). Đặt cúng hai bàn ở trong miếu, một bàn ở ngoài miếu (các chủ ghe bầu thường đóng góp kinh phí trong lễ cúng Ông Địa). Bên cạnh đó, nguồn kinh phí phục vụ cho lễ cúng còn được đóng góp từ lợi nhuận trong việc buôn bán cây dừa nước của dân làng.

Ngôi miếu luôn là nơi sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng không thể thiếu của cư dân địa phương. Không những vậy, đây còn là mạch nối cho sự gắn kết cộng đồng dân cư thông qua việc tổ chức cúng tế, hoạt động tu sửa, chăm lo hương khói. Sự hiện tồn của di tích cùng với những giá trị chứa đựng trong đó không chỉ thể hiện tính đa dạng, phong phú trong đời sống văn hóa của cư dân địa phương mà còn góp phần làm phong phú loại hình di tích tín ngưỡng ở Hội An. Đây sẽ là nguồn tư liệu quan trọng để tiếp tục nghiên cứu về loại hình di tích miếu ở Hội An trong tương lai, đặc biệt là việc nhận diện đầy đủ hơn về tín ngưỡng thờ Ông Địa ở Hội An.

Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Hội An chỉ còn hiện diện hai di tích miếu Ông Địa: Miếu Ông Địa – khối Thanh Tây và miếu Ông Địa khối Trường Lệ (cả hai khối phố thuộc phường Cẩm Châu). Do đó, tín ngưỡng thờ Ông Địa có thể được coi là một trong những loại hình tín ngưỡng cần được bảo tồn và phát huy giá trị, góp phần làm đa dạng các loại hình tín ngưỡng ở Hội An♥

VIỆC CANH TÁC MỘT SỐ LOẠI CÂY NÔNG NGHIỆP Ở CẨM KIM - HỘI AN

Lê Thị Ngọc Hương

Theo định hướng phát triển của xã Cẩm Kim, từ nay đến năm 2020, ngành kinh tế xã Cẩm Kim vẫn lấy nông nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn¹⁰. Tính đến năm 2014, tổng diện tích đất gieo trồng nông nghiệp là 259 ha, sản lượng lương thực có hạt là 837 tấn trong đó thóc 584 tấn, màu 253 tấn¹¹. Tập trung chính vẫn là lúa (với diện tích gieo trồng lúa là 86 ha, trong đó vụ đông xuân 50ha, vụ hè thu 36ha; năng suất bình quân là 52,17tạ/ha, trong đó vụ đông xuân 60 tạ/ha, vụ hè thu 41 tạ/ha)¹², bên cạnh đó còn có các loại hoa màu như bắp, khoai, sắn, đậu, dưa, rau, đu đủ,... Là ngành kinh tế mũi nhọn nên việc chú trọng đến các loại giống cây, thời vụ thu hoạch, bảo quản liên quan đến các yêu cầu từ trước đến nay được người dân Cẩm Kim quan tâm tích lũy trong quá trình canh tác, trồng trọt. Bên cạnh những yếu tố kỹ thuật thì kinh nghiệm trong sản xuất cũng là yếu tố quan trọng không kém, góp phần hiệu quả trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Đối với nghề trồng lúa ở Cẩm Kim, về kỹ thuật và quy trình trồng lúa cũng tương tự các địa phương khác trên địa bàn thành phố Hội An. Tùy vào hình thức trồng (sạ/gieo/cây) mà có quy trình như: Lúa cây: Chọn giống - Làm đất gieo mạ (làm rò) - Ngâm giống - Chuẩn bị ruộng (cuốc, cày, bừa) - Cây - Chăm sóc - Thu hoạch¹³; Lúa sạ: Chọn giống - Ngâm giống - Chuẩn bị ruộng (cuốc, cày, bừa) - sạ - Chăm sóc - Thu hoạch; Lúa gieo: Chọn giống - Chuẩn bị ruộng (cuốc, cày, bừa) - đánh hàng gieo - Chăm sóc - Thu hoạch. Chọn giống là một trong những khâu quan trọng đầu tiên. Trước năm 1975, có nhiều giống lúa ngon cơm như lúa chùm hải, lúa bát ngoạc (bát nguyệt), lúa can, lúa mạn, lúa móng chim lúa chùm tiêu, chùm bạc, lúa đen (là các giống lúa dài ngày hơn chịu nắng, chịu khô, chịu nước mặn). Sau năm 1975 có thêm giống lúa Hồng Ngự. Hiện nay, trồng lúa Thơm (HT1) và Thiên ưu 8, vì hạt dẻo mềm, thơm, ăn rất ngon và cho năng suất cao¹⁴. Thời vụ canh tác trước đây thường 3 vụ (đông xuân, hè thu, thu đông) nhưng nay còn 2 vụ là (đông xuân và

¹⁰ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Cẩm Kim lần thứ XIII nhiệm kỳ 2015 – 2020.

¹¹ Niên giám thống kê năm 2014, UBND xã Cẩm Kim.

¹² Niên giám thống kê năm 2014, UBND xã Cẩm Kim.

¹³ Chuyên đề nghề nông ở Cẩm Kim, Phạm Phước Tịnh.

¹⁴ Chuyên đề nghề nông ở Cẩm Kim, Phạm Phước Tịnh.

hè thu). Tùy vào địa hình mà người nông dân chọn các cách làm lúa như cấy lúa, gieo lúa, sạ lúa.

+ Lúa cấy: đối với ruộng nước thì phải cấy lúa. Đất cấy làm 2 vụ lúa, vụ đông xuân và vụ hè thu, lúa cấy tháng 10 đến tháng 1, 2, 3 gặt, xong tháng 3 để đất hồi tháng 4 cấy lại, tháng 6, 7 gặt. Vụ đông xuân nếu nơi nào đất thấp dễ bị lụt thu hoạch khi bông lúa chín khoảng 2/3 là có thể gặt. Trước khi cấy, giống được gieo ở đất khô theo luống (gọi là *bắt mống*) khoảng 30 ngày là đem cấy. Khi cấy phải cắt bớt ngọn lúa để lúa tức mau bén rễ. Giống lúa thích hợp để cấy là các như lúa hải, lúa tràm tiêu, tràm hải, lúa lãng. Lúa đực cấy tháng 3, lúa 3 trắng (*trồng trong 3 tháng thu hoạch*) là giống lúa ngắn ngày ngon cơm.

+ Lúa gieo: đối với đất cao. Làm tơi mịn đất, dùng cuốc đánh hàng một lớp đất mỏng rồi rải lúa xuống lấp đất lại. Khi lúa lên chờ mưa rồi nhổ lúa chỗ dày cấy vào chỗ thưa cho lúa mọc đều. Lúa gieo thường là các loại lúa đen, lúa bát ngọac, lúa trì hạt đỏ.

+ Lúa sạ: đối với ruộng đất thấp nằm ở bìa sông có thủy triều lên xuống, trước đây nước sông ngọt (*ít nhiễm mặn*) nên người dân sử dụng nước sông tưới cho ruộng, nếu đất xa sông đào ao tác nước. Lúa sạ thì phải ủ mầm. Công

đoạn ủ mầm (2 ngày 2 đêm), (lúa giống ngâm nước → bỏ vào thúng, mủng đầy kỹ (mùa lạnh có rơm và lá thâu đầu (xoan) lót trên mặt mủng cho đủ độ nóng, nếu hạt giống lạnh phải nấu ít nước ấm tưới lên) → ủ 2 ngày (nếu nóng quá phải mở nắp canh thóc cho nguội, tưới nước vào ủ lại vì nóng quá thì hạt lúa ra rễ mà không ra mầm)).

Sau công đoạn chuẩn bị mống để gieo/sạ/cấy, công đoạn làm đất chuẩn bị gieo/sạ/cấy cũng là khâu tốn nhiều thời gian, công sức và kinh nghiệm. Nếu ruộng đất cận người nông dân phải cuốc sâu hoặc cày bằng trâu, bò. Ruộng mùa nắng sau khi cày hoặc cuốc sâu bằng cuốc bàn, trở nước vào ngâm cho đất mềm, bừa đất hoặc người nông dân dùng cuốc bang mặt ruộng cho bằng phẳng để canh tác.

Bên cạnh việc làm đất, chọn giống lúa thích hợp, việc chăm sóc vẫn là khâu quan trọng không kém, bởi quá trình chăm sóc sẽ quyết định năng suất khi thu hoạch. Trước đây, khi làm đất người ta bón phân chuồng (*phân heo*,



trâu bò ủ với rơm khi nào phân hoai thì đem bón ruộng), phân xanh (các loại cây cỏ, keo, cây đậu, bắp,... rơm vót ngoài sông bỏ lên bờ phơi khô, đem vê đào hố to cắt nhỏ các loại cây, lấy thêm phân bò bỏ vào trong hố, tưới nước vào ủ thời gian khi nào phân mục hết là có thể bón ruộng); tro bếp, bánh dầu giã mịn rải lúa. Trước đây ở Cẩm Kim còn trồng dâu nuôi tằm, phân tằm cũng được ủ với rơm bón cho các loại cây trồng. Hiện nay có thêm loại phân hóa học được người dân sử dụng giúp cây sinh trưởng phát triển tốt, kháng sâu bệnh, tăng năng suất.

Thu hoạch và cất giữ là công đoạn cuối cùng của một mùa vụ sản xuất/canh tác. Sau hơn 3 tháng lúa bắt đầu chín vàng, người nông dân chuẩn bị dụng cụ để gặt lúa. Trước đây lúa được gặt bằng lưỡi hái, đập bằng bô đập lúa hay tuốt bằng máy đập bằng chân. Hiện nay, người dân đã thuê máy cắt lúa gặt đập liên hợp nên giai đoạn này nhanh và đỡ vất vả hơn. Việc phơi lúa được phơi trên nong tre, trên các tarp bạc,... nếu nắng tốt phơi trong ba ngày, người nông dân cất lúa vào chum, bao tời để nơi khô ráo.

Ngoài cây lúa là lương thực chính, còn có một số loại cây hoa màu được trồng như bắp, khoai lang, đu đủ, mè, đậu,...

Bắp: được trồng quanh năm, nhưng tập trung hai vụ chính cho năng suất cao là Đông Xuân (tháng 11 - tháng 2 năm sau) và Hè Thu (tháng 2 - tháng 5) các tháng còn lại do mưa gió nên không thích hợp cho việc trồng bắp. Xưa, trồng bắp đến giai đoạn thu hoạch người nông dân chọn các cây

bắt cho trái to, hạt đều để làm giống cho vụ sau, bắp thường bắp nếp và bắp tẻ, nay có thêm giống bắp lai. Bắp trồng phải đánh thành từng hàng, mỗi hàng cách nhau khoảng 60 - 70cm. Khi trồng phải bón phân chuồng, phân xanh để kích thích cây bắp phát triển tốt. Thường xuyên theo dõi cây sinh trưởng, phát triển để bón phân định kỳ, chủ yếu là phân đạm. Khi gieo bắp ở những nơi đất trũng thấp không thoát nước được phải đào mương thoát nước để bắp không bị hỏng. Sau hơn 3 tháng là có thể thu hoạch. Đối với bắp nếp (dùng để ăn) khi nhìn thấy râu bắp vừa héo là có thể thu hoạch. Bắp tẻ, bắp lai là loại bắp thường dùng làm thức ăn cho chăn nuôi thì việc bón phân tưới tiêu có phần ít hơn, thu hoạch khi bắp đã già lớp vỏ phía ngoài khô, hạt bắp cứng có màu vàng cam là đạt yêu cầu.

Khoai lang: Thường trồng tháng 10. Trước đây có các giống khoai như Nam Giang, Ngõng trắng, Ngõng đỏ, khoai trùi, khoai dồ,... Khoai lang trồng lấy củ thì phải vun giồng cao khoảng 0,5m trồng được 1,5 tháng lật dây, rải đất sát gốc rồi bón phân bò hoặc phân tằm, củ nào nhỏ thì cắt bỏ bớt, lấp đất lại. Khoai lấy củ tuyệt đối không cắt ngọn củ mới phát triển to và số lượng củ nhiều.

Với mỗi loại cây trồng, người nông dân đều có những kinh nghiệm riêng từ khâu chọn giống đến khâu chăm sóc, thu hoạch. Nắm được từng đặc tính của cây mà có cách chọn thời điểm gieo trồng thích hợp nhằm mang lại hiệu quả, năng suất cao. Đáp ứng ngày càng cao hơn nữa trong sản xuất nông nghiệp của địa phương nói riêng thành phố Hội An nói chung♥

TRI THỨC Y DƯỢC GẮN VỚI BIỂN ĐẢO Ở HỘI AN

Trần Văn An

Cư dân biển đảo Hội An và các vùng lân cận không chỉ tìm thấy ở biển đảo một kho thực phẩm phong phú vô hạn mà còn dần dà phát hiện ra ở biển đảo nhiều loại nguyên liệu, sản vật có tác dụng chữa bệnh và những cách thức phòng bệnh, chữa bệnh gắn với môi trường biển đảo. Những tri thức này phong phú không kém kho tri thức cùng loại thuộc các địa bàn, môi trường truyền thống khác nhau như núi rừng, trung du, đồng bằng, vốn là những địa bàn gốc của y dược dân gian nói riêng y dược nói chung.

Từ lâu đời dân gian nhiều quốc gia phương Đông đã hình thành ý niệm, niềm tin về việc đi vào rừng núi để tìm các loại lá thuốc, dược liệu chữa bệnh, hình thành nên nhiều truyền thuyết về tục lên núi hái lá thuốc. Nhiều loại dược liệu quý hiếm mang tính chữa bá bệnh, có tác dụng trường sinh bất lão thường được cho là có gốc gác từ rừng núi như tuyết liên ngàn năm, nhân sâm ngàn năm, sừng tê giác ngàn năm... Bên cạnh những ý niệm truyền thống này, tại Hội An và nhiều địa phương biển đảo nước ta còn lưu truyền những câu chuyện về những chuyến vượt biển đến chốn bồng lai tiên đảo để tìm thuốc trường sinh. Cộng đồng dân cư ở đây từ lâu đời đã hình thành niềm tin về một thế giới

thần tiên ở biển Đông nơi có vương quốc của vua Thủy tề, hoặc có những hòn Bồng đảo với những vị tiên có khả năng cải tử hoàn sinh, cho thuốc cứu người qua khỏi bệnh tật hiểm nghèo, kéo dài tuổi thọ. Và trên thực tế, người dân địa phương cũng đã khám phá ra nhiều vị thuốc, phương thức chữa bệnh từ môi trường biển đảo...

Trước hết người dân ở đây cũng đã biết tác dụng to lớn của nước biển, cát biển, không khí trong lành của biển đối với sức khỏe và với một số bệnh ngoài da, phong thấp, suy nhược, bệnh đường hô hấp, viêm xoang, gai cột sống,... Từ tri thức này đã hình thành một phong trào đi biển vào buổi sáng, buổi chiều của đông đảo người dân địa phương nhằm bảo vệ sức khỏe, rèn luyện thân thể, chữa trị nhiều loại bệnh bằng phương pháp tắm biển, chôn người trong cát biển, phơi nắng, đi bộ dọc bờ biển v.v...

Dược tính của nhiều loại nguyên liệu, sản vật, cây lá từ biển đảo đã được phát hiện và sử dụng để chữa trị nhiều chứng bệnh góp phần quan trọng giải quyết tình trạng khó khăn, khan hiếm về thuốc thang và thiếu thầy thuốc chuyên nghiệp trước đây. Tuy chỉ mới sơ tầm trong phạm vi hẹp tại Hội An và thời gian sơ tầm ngắn

nhưng chúng tôi đã tập hợp được khá nhiều phương thức chữa bệnh dân gian bằng các nguyên liệu, sản vật, cây lá lấy từ biển đảo. Điều này chứng tỏ kho tri thức y dược gắn với môi trường biển đảo rất phong phú, đa dạng, chắc chắn sẽ gây bất ngờ thú vị một khi được sưu tầm, tập hợp đầy đủ.

Để chống lạnh cóng, trước khi lặn xuống biển người ta thường uống một vài ngụm nước mắm, loại mắm làm từ muối và cá biển. Chống say sóng thì trước khi lên thuyền nhai một ít muối và vài lát gừng tươi. Để chữa chứng đau dạ dày, ho ra máu, hen suyễn, người dân biển lấy nang mực (*loại nang mực lớn, hải tiêu phiêu*), mài thành bột hòa nước uống. Vỏ bào ngư, đặc biệt là loại 9 lỗ (*cửu khổng bào ngư*) đem đốt, tán thành bột dùng chữa mụn nhọt, tiêu độc. Đây cũng là vị thuốc Bắc có tên là Thạch quyết minh. Mai của ba ba, đôi mồi (*miết giáp*) đem đốt tán thành bột dùng chữa lở loét, mụn nhọt. Máu của ba ba, đôi mồi có tác dụng bổ âm, huyết của chúng dùng nấu cháo hoặc nấu thành cao chữa chứng huyết hư ở phụ nữ. Còng biển (*dã tràng*) nấu canh với rau bồ ngọt (*rau ngót*), rau vệt chữa được chứng kiết lỵ. Cá Ông lụy (*cá voi chết giạt vào bờ*) dân biển tổ chức chôn cất theo nghi thức truyền thống và sau ba năm

thì cải táng, đem hài cốt về quàng tại làng Ông. Vào lúc cải táng, dân biển thường cung kính xin mấy đốt xương, gọi là “*Ngọc cốt*” dành để chữa các chứng nhức mỏi, đau khớp, đau lưng. Khi Ông lụy vào bờ người ta thường lấy một ít chất nhòn trong miệng cá, gọi là “*Long đàm*” gói cát, dành chữa chứng khó sinh, hiếm hoi ở phụ nữ. Loại cá lược, một giống cá mập, trên đầu có phần sụn giống hình chiếc lược, dân biển lấy chiếc lược này phơi khô, tán thành bột dùng uống chữa hen suyễn rất hiệu quả. Liên quan đến cá mập, cá voi, một loại chất hình thành trong bụng các loài cá này từ lâu đã được biết đến với tên gọi là “*Long diên hương*”, một loại dược liệu, hương liệu quý hiếm có tác dụng trừ độc, tăng cường sinh lý, chữa hen suyễn... Một số loại hải sản cũng đã được dùng ngâm rượu để bồi bổ sức khỏe, chống mỏi mệt, chữa một số loại bệnh về xương khớp như bào ngư, cá ngựa (*hải mã*), sấu biển (*hải sâm*), sao biển, trứng chim yến... Đặc biệt, tổ chim



yến và vi cước cá là hai loại sản vật, thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao từ lâu đã trở thành là những phương thuốc bồi bổ cơ thể, chữa các chứng suy nhược, yếu tì vị, lao phổi... Tổ yến huyết còn được xem như là thần dược có tác dụng chữa nhiều chứng bệnh, chống lão hóa, kéo dài tuổi thọ. Những con yến chết dính vào tổ (*sào nội yến tử*) còn được dùng đốt tán nhỏ làm thuốc chữa bệnh lao, hen suyễn... Người dân địa phương còn cho rằng những phụ nữ khó sinh dùng sào nội yến tử này đặt lên bụng thì sẽ sinh nhanh...

Về tính hiệu quả của các cách thức chữa bệnh này, chúng ta hãy xem ghi chép sau của giáo sĩ Alexandre De Rhodes, người đã sống ở Hội An nhiều năm vào nửa đầu thế kỷ XVII: “... Tôi tưởng nên kể ở đây một bí quyết tuyệt diệu giáo dân Đàng Trong dạy tôi để không bị đau dạ dày khi đi biển. Thực ra không bao giờ tôi đi biển mà không bị chứng đó hoành hành trong năm sáu ngày đầu. Thấy tôi quặn đau, người ta mách tôi một liều thuốc rất hiệu nghiệm. Bệnh này là do thuyền tàu chòng chành hoặc hơi khí biển bốc lên. Đây là liều thuốc: mổ bụng con cá lớn lấy mấy con cá con trong đó, đem rán lên, rắc chút hồ tiêu và ăn trước khi bước xuống thuyền. Thế là tức khắc dạ dày cứng cáp, khỏe mạnh, đi biển mà không núng”¹⁵

¹⁵ Alexandre De Rhodes, Hành trình và Truyền giáo, UB Đoàn kết Công giáo thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, 1994, tr93.



Cùng với các loại động vật, nhiều loại thực vật, cây cỏ, rong tảo vùng biển cũng được dùng để chữa bệnh. Nhiều loài mứt biển, rong biển đã được phát hiện là những dược liệu dùng nấu canh, nấu cháo bồi bổ sức khỏe, chữa các bệnh nóng gan, cảm sốt. Rau muống biển mọc nhiều ở ven biển đem chặt nhỏ, phơi khô nấu uống chữa bệnh gout, phù thũng, đau bụng kinh niên. Khi bị sứa lửa đụng vào da thì hái lá rau muống biển vò nát, chà vào vết phỏng sẽ đỡ ngứa rát. Cây rau đắng biển nấu nước uống chữa chứng cao huyết áp hoặc nấu tắm cho trẻ em để trừ ghẻ sài. Cây dứa biển lấy rễ và quả đem phơi khô nấu nước uống hàng ngày chữa bệnh yếu thận, nóng gan, tiêu khát (*tiểu đường*). Tại các cánh rừng ở Cù Lao Chàm từ lâu dân địa phương đã phát hiện nhiều loại cây lá có dược tính cao hơn trong đất liền như hà thủ ô trắng (*bạch thủ ô*), ngũ gia bì, sâm núi,... Chúng được bán với giá cao hơn để làm thuốc chữa bệnh. Ở các vạt ruộng dưới chân núi Cù Lao Chàm nơi nước ngọt và nước mặn giao nhau, người dân ở đây cũng đã tìm ra một số loại cây cỏ dùng làm thuốc chữa bệnh như cỏ chân vịt (*sa sâm*,

sâm cát) chữa cảm sốt, ho, sưng phổi; cỏ sài hồ chữa cảm, sốt rét. Đặc biệt trải qua quá trình chung sống với biển đảo người dân Cù Lao Chàm đã khám phá ra tác dụng chữa bệnh của một số loại cây lá trên các vạt rừng đầy ánh nắng và gió biển của Cù Lao Chàm để hình thành nên một loại nước uống từ lá cây gọi là nước lá Lao. Loại nước này được nấu từ 30 đến 40 loại lá đem chặt nhỏ, phơi khô, có tác dụng thanh nhiệt, tiêu thực, hỗ trợ điều trị các chứng bệnh về phong độc, thời khí. Các sản phụ sau sinh thường dùng loại lá này nấu uống để ngừa phù thũng, chướng bụng, ăn được ngủ được. Vào dịp tết mồng Năm loại lá này được bày bán nhiều ở chợ Hội An và ngày nay trở thành là một sản phẩm ẩm thực, y dược đặc trưng của Cù Lao Chàm...

Như vậy chúng ta thấy rằng tuy chỉ mới khảo sát bước đầu và

chưa đầy đủ nhưng kho tri thức dân gian về y dược gắn với môi trường biển đảo ở Hội An đã hiện ra thật phong phú, đa dạng. Sự phong phú, đa dạng này chứng tỏ rằng cộng đồng dân cư ở đây đã có quá trình tương tác, thích nghi lâu dài, sâu sắc với biển đảo. Họ không chỉ nhìn thấy ở biển đảo là nguồn sống, nguồn nguyên liệu, thực phẩm vô hạn mà còn khám phá ra ở biển đảo một nguồn thuốc phòng chữa bệnh cũng phong phú và đa dạng không kém, từ đó tích lũy nên một kho tri thức sâu sắc, hữu hiệu về y dược gắn với môi trường biển đảo. Ngoài tác dụng thực tiễn và tính hiệu quả về phòng chữa bệnh, kho tri thức này còn góp phần khẳng định bề dày truyền thống và năng lực vươn ra làm chủ biển đảo của các lớp dân cư địa phương trong quá khứ cũng như hiện nay♥



VĂN HÓA ẨM THỰC Ở CẨM KIM QUA CA DAO, TỤC NGŨ

Trần Thị Lệ Xuân

Ca dao, tục ngữ là văn chương dân gian, được hình thành trong cuộc sống lao động, sinh hoạt hàng ngày của cộng đồng người dân Việt nói chung và được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Ca dao, tục ngữ, hò vè... thường đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau trong xã hội như về lối sống, phong tục, tập quán, tình yêu, thiên nhiên... Trong đó, ca dao, tục ngữ trong văn hoá ẩm thực phản ánh hiện thực khách quan về cuộc sống xã hội một cách cụ thể, tạo nên những đặc trưng riêng của từng vùng, từng địa phương.

Cẩm Kim là vùng đất tương đối bằng phẳng, với địa hình cồn bãi ven sông, thấp lựt nên gây trở ngại về giao thông, vận chuyển... nhưng là điều kiện thuận lợi để nghề đánh bắt hải sản, nghề thương mại bằng đường thủy, nghề nông phát triển. Gắn liền với lịch sử hình thành của vùng đất Kim Bồng xưa, để thích ứng với địa hình của vùng sông nước, trong quá trình sinh sống, tồn tại và phát triển, cộng đồng cư dân nơi đây đã sáng tạo, tích lũy được nhiều kinh nghiệm và định hình nên những thói quen, tập quán và được chuyển tải, kết tinh qua một số câu ca dao, tục ngữ gắn gũi với

cuộc sống thường nhật của người dân nơi đây.

Với địa hình của vùng sông nước, cách trở nên các món ăn chủ yếu được chế biến từ những nguyên liệu do người dân địa phương làm ra như khoai, sắn, lúa gạo, rau, cá... và chế biến thành những món như mì Quảng, bánh xèo, bánh bèo, bánh gói..., một số món ăn được chế biến từ nghề đánh bắt (*cá kho, cá nấu canh, cá nướng...*), hến (*ăn buổi sáng và cả buổi chiều, chủ yếu hến nấu canh rau, nấu bầu*), lạch, dòi... rất được người dân nơi đây ưa chuộng.

Trước đây, có một số món ăn mà người dân Kim Bồng hay ăn nhưng hiện nay không còn hoặc rất ít ăn đó là khoai lang và một số mắm như mắm mạy, mắm cáy, mắm rạm..., rồi một số món ăn được chế biến từ sắn, bắp... Trong đó, khoai lang là một loại cây trồng chủ yếu của người dân nơi đây và khoai lang được chế biến thành nhiều món ăn như khoai lang xắt lát phơi khô, khoai trứng, khoai chà... và hầu như món khoai lang ghế com là món ăn luôn gần gũi với mọi nhà, vì vậy mà cho tới hiện nay câu ca sau vẫn còn lưu truyền:



nét văn hóa ẩm thực truyền thống dân dã, gắn liền với vùng đất của làng Kim Bồng xưa.

Hay câu ca dao:

*“Anh bung chén
mắm*

Em bung rổ rau

Anh chấm, em chấm

*Chấm cho mau để
hết dầu”*

“Kim Bồng là Kim Bồng còi

Khoai lang, mắm mậy mà coi như vàng”

Qua câu ca dao này, trong lịch sử, bên cạnh món khoai lang thì mắm mậy là một món ăn đặc trưng của người dân Cẩm Kim. Đây là một loại mắm được chế biến từ con mậy, tên gọi dân gian của loại động vật thủy sinh thuộc họ cua ghe, sinh sống chủ yếu ở các gò bãi đất cát vùng cửa sông ven biển. Với vị thế là vùng đất nằm vùng hạ lưu sông Thu Bồn, có nhiều gò bãi cát ven sông nên vùng đất Cẩm Kim là nơi có điều kiện thuận lợi để cho loài mậy sinh trưởng và phát triển. Cũng như một số món mắm (*mắm cá, mắm nước*), mắm mậy dùng để chấm rau ăn, tuy nhiên mắm mậy có vị đặc trưng khác biệt với mắm muối từ cá. Ngày nay, món mắm mậy đã không còn tồn tại trong các bữa ăn của người dân nơi đây, nhưng những ký ức về món ăn này sẽ còn được lưu truyền mãi trong dân gian. Từ câu ca dao trên, tuy nhiên phần nào đó thể hiện được

Qua bốn câu ca này cũng nói lên cuộc sống vất vả, điều kiện cuộc sống khó khăn trong lịch sử của người dân nơi đây và món ăn chủ yếu thời bấy giờ cũng là rau với mắm.

Hiện tại, khi cuộc sống đã có nhiều thay đổi, phát triển nên trong khẩu phần ăn hàng ngày của người dân Cẩm Kim cũng ăn thịt heo, thịt bò, tuy nhiên vẫn không được ưa chuộng bằng những món được chế biến từ rau, cá. Cho nên, trong dân gian có câu ca:

“Thịt bò nấu bún như tỉnh

Rau dền nấu hén ngon tình chị em ơi”

Thực tế cho đến hiện nay, món canh hén nấu với rau, với bầu... vẫn rất được người dân nơi đây ưa dùng. Theo người dân địa phương, đây là món ăn có giá thành rẻ nhưng rất ngon, đậm đà, bởi lẽ những nguyên liệu để làm nên món ăn này gần gũi với cuộc sống của người dân, hơn nữa vị dân già, bình dị đã ăn sâu vào mỗi người dân nơi đây.

Bên cạnh đó, văn hoá ẩm thực trong lễ Tết của Cẩm Kim cũng được đi vào trong thơ ca, tục ngữ:

“Mùng 5 nấu cháo chè kê

Ông bà, ông vải đi về mà ăn”

Cũng từ cuộc sống thường nhật, người ta đã sáng tạo ra những câu ca dao để nhằm nhắc nhở, ghi nhớ về những tục lệ dân gian của địa phương. Từ trước tới nay, tại Cẩm Kim, vào ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch, bên cạnh việc cúng bánh ú lá tro, bánh tổ, hoa quả... thì chè kê là một trong những lễ vật không thể thiếu trên bàn thờ ông bà tổ tiên và hiện nay tập tục này vẫn còn duy trì.

Trước đây, vào ngày cúng Tiên

rất đông, từ độ tuổi già cho đến trẻ, hầu như nhà nào cũng tham gia. Thường vào ngày cúng Tiên hiền, dân làng có làm heo và nấu cháo để cúng, bên cạnh việc tới tham gia cúng tế, sau đó mọi người cùng ngồi quây quần lại với nhau để thưởng thức những cúng phẩm của làng.

Tuy mới sưu tầm và thu thập được một số đơn vị ca dao, tục ngữ nhưng qua đó cho thấy sự phong phú, đa dạng về văn hóa ẩm thực tại vùng đất Cẩm Kim trước đây cũng như hiện nay. Nếu tiếp tục sưu tầm và đầu tư thời gian nhiều hơn chắc chắn đây sẽ là nguồn tư liệu thú vị giúp hình dung rõ hơn về truyền thống ẩm thực tại địa phương Cẩm Kim nói riêng, Hội An



Hiền, cư dân làng Kim Bồng tham dự nói chung♥

NHỮNG TIẾP CẬN MỚI TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC BẢO TÀNG Ở HỘI AN

Lê Thị Tuấn

Trước đây, giới bảo tàng ở Việt Nam quan niệm rằng công tác giáo dục là công tác quần chúng, với nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục văn hóa, khoa học cho quần chúng theo hình thức thuyết minh giới thiệu về lịch sử - văn hóa thông qua hiện vật trưng bày. Cơ sở bảo tàng học đề cập đến vấn đề này như sau: *“Công tác quần chúng là một khâu rất quan trọng của bảo tàng nhằm phát huy tác dụng của bảo tàng và chỉ có công tác giáo dục mới thực hiện được chức năng giáo dục cho quảng đại công chúng... Công tác quần chúng được tiến hành dưới nhiều hình thức phong phú: hội họp, cổ động, tuyên truyền... Nhưng hình thức tốt nhất có hiệu quả nhất vẫn là hình thức trưng bày hiện vật bảo tàng, làm cho quần chúng mắt thấy, tai nghe”*.

Với quan niệm trên, hầu hết các hoạt động giáo dục trong bảo tàng là tuyên truyền giáo dục thông qua hình thức hướng dẫn tham quan khái quát, hướng dẫn tham quan theo chủ đề, hướng dẫn tham quan phân trọng tâm. Ngoài ra, bảo tàng đa dạng hóa hình thức tuyên truyền giáo dục dưới dạng kể chuyện truyền thống, nói chuyện lịch sử, công bố những sưu tập, hiện vật trên website...

Phương pháp trên ít đem lại hiệu quả, bởi hình thức hướng dẫn tham

quan dưới dạng “*bài giảng*” đơn điệu, thiếu hấp dẫn, ít tranh luận, sức thuyết phục không cao. Từ bài thuyết minh có sẵn, các thuyết minh viên áp dụng một cách máy móc cho mọi đối tượng khách. Họ không suy nghĩ, tìm hiểu nhiều, chỉ cần thuộc bài thuyết minh mà các nhà nghiên cứu đã chuẩn bị hay nhắc lại những thông tin từ các bài viết trưng bày là đã được coi như hoàn thành “*xuất sắc*” công tác giáo dục tuyên truyền.

Ngày nay, công tác giáo dục trong bảo tàng không chỉ là công tác tuyên truyền với những bài thuyết minh áp dụng cho mọi đối tượng. Nếu chỉ xem hiện vật và nghe thuyết minh, khách tham quan sẽ chán nản, mệt mỏi. Vì vậy, bảo tàng phải đổi mới phương pháp, cách thức tiến hành công tác giáo dục. Việc tham quan bảo tàng không chỉ đơn thuần là giải trí mà phải quan tâm du khách được gì sau chuyến tham quan ấy. Bảo tàng phải tạo ra nhiều hoạt động giáo dục theo từng đối tượng. Muốn thực hiện tốt điều này, cán bộ giáo dục bảo tàng không chỉ nắm rõ nội dung trưng bày mà phải biết khai thác, sử dụng những câu chuyện có giá trị về hiện vật một cách uyển chuyển phù hợp với từng đối tượng. Các bài viết trong trưng bày cần ngắn gọn, dễ hiểu. Người làm công tác bảo tàng cần nắm bắt tâm lý,

nhu cầu của khách tham quan để tạo ra các hoạt động cho du khách khi họ đến bảo tàng.

Từ nhận thức trên, các bảo tàng ở Hội An đã được đổi mới trong công tác giáo dục. Trước tiên, bài thuyết minh phù hợp cho từng đối tượng. Đặc biệt, có sự tương tác từ hai phía như đưa ra những vấn đề gợi mở để khách tham quan tập trung nghe, quan sát, trao đổi và đặt câu hỏi cho du khách, khuyến khích khách đưa ra câu hỏi. Các câu hỏi phù hợp với trình độ, lứa tuổi của khách tham quan.

Từ năm 2013 đến nay, những người làm công tác bảo tàng ở Hội An xác định công tác giáo dục bảo tàng không chỉ là thuyết minh, hướng dẫn tham quan mà tổ chức hoạt



động tương tác dành cho công chúng. Sự khởi đầu cho việc triển khai các hoạt động giáo dục mới này là dành cho học sinh cấp tiểu học cơ sở. Nội dung thuyết minh, kịch bản trò chơi trên cơ sở nội dung và hiện vật trưng bày đã được xây dựng. Các trò chơi cần vận động thể lực và trí lực như “Bác thợ gốm tí hon”, “Bác ngư dân chăm chỉ”, “Bác nông dân thông thái” và các hoạt động “Xé giấy dán tranh”, “Chúng em làm họa sỹ” được thực hiện dưới hình thức trình chiếu Powerpoint, mời nghệ nhân làng gốm hướng dẫn trải nghiệm,... Các hoạt

động này đã khuyến khích các em chủ động tìm hiểu về di sản. Đối với cấp trung học cơ sở, các em có sự tiếp xúc rộng hơn trong nhà trường và xã hội, kiến thức cũng đa dạng phong phú hơn. Để các em hứng thú khi nghe giới thiệu, tìm hiểu trưng bày đưa ra các câu hỏi mà câu trả lời là sự gắn kết các kiến thức đã học của các em, ví dụ như phần giới thiệu về vị trí địa lý, đặc điểm dân cư ở Hội An, có câu hỏi tích hợp kiến thức: Có bao nhiêu dân tộc sinh sống ở Việt Nam? Tại Khu phố cổ Hội An, trước đây có bao nhiêu dân tộc sinh sống? Ngoài ra, thuyết minh

viên cũng có những câu hỏi mang tính thăm dò, đánh giá sự hiểu biết, nhu cầu của các em để hướng dẫn cho phù hợp. Phần hoạt động trò chơi, các em được tham gia hoạt động “Em

yêu lịch sử”, “Em làm họa sỹ”,... Những hoạt động giáo dục này giúp các em vừa hiểu hơn về lịch sử địa phương vừa được ôn lại kiến thức các em đã được tiếp thu tại trường.

Cùng với hoạt động “Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng”, hoạt động “Giáo dục di sản trong học đường” cũng đã tiến hành. Năm 2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An mời chuyên gia của Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Di sản Việt Nam tập huấn cho cán bộ Trung tâm và một số giáo viên của

Trường Tiểu học Phù Đồng và Trường Trung học cơ sở Nguyễn Duy Hiệu để xây bộ tài liệu công cụ giáo dục di sản trong học đường cho học sinh lớp 1 và lớp 6. Nội dung bộ tài liệu công cụ này là tích hợp trên cơ sở tài liệu hướng dẫn chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học như toán, lý, lịch sử, giáo dục công dân, công nghệ,... với các di tích hiện vật, tài liệu, hình ảnh trưng bày tại bảo tàng, di tích. Trên cơ sở hướng dẫn của chuyên gia, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã xây dựng được bộ tài liệu công cụ học tập tích hợp về Bảo tàng Văn hóa Dân gian cho học sinh trung học cơ sở, đó là: *“Nghề trồng lúa quê em”*, *“Em là nghệ nhân diễn xướng dân gian”* và về di tích Chùa Cầu, với *“Chúng em khám phá Chùa Cầu”* dành cho học sinh tiểu học cơ sở.

Những hoạt động này nhằm mở rộng cơ hội cho học sinh trong việc tìm hiểu di sản qua: không chỉ với các môn khoa học xã hội mà cả với các môn khoa học tự nhiên; Thay đổi phong cách cũ trong việc tiếp cận di tích, bảo tàng: đưa học sinh đến quá đông, đến xong rồi về, thiếu tính sư phạm; Xây dựng quan điểm tiếp cận mới làm cho học sinh chủ động khám phá, tìm hiểu di tích; Tổ chức cho học sinh đi học, tham quan thành nhóm nhỏ, có kế hoạch, có mục tiêu cụ thể trước, trong, sau khi tham quan.

Đối với khách du lịch, đã tổ chức hoạt động trải nghiệm như chuốt gốm, kéo kén, thêu, do các thợ có tay nghề cao hướng dẫn du khách thực hiện tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian từ năm 2010 đến nay. Những hoạt động giáo dục tuyên truyền giúp du khách hiểu rõ

hơn về lịch sử địa phương ngày càng được chú trọng. Tháng 10 vừa qua, việc thuyết minh bằng audio guide cũng được thực hiện tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian Hội An hay bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch. Tổ chức cho du khách trải nghiệm làm bánh in tại gian bếp của Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch.

Với những cách tiếp cận mới trong hoạt động giáo dục của Bảo tàng là lấy cộng đồng xã hội, các đối tượng công chúng tham quan làm tâm điểm để xây dựng nội dung thuyết minh đã đem lại sự hứng khởi và hiểu biết hơn về lịch sử địa phương qua hoạt động trải nghiệm, khám phá bảo tàng, di tích. Từ những kết quả này đã khích lệ tinh thần làm việc của cán bộ bảo tàng năng động, sáng tạo để tổ chức những hoạt động giáo dục đa dạng, thu hút công chúng đến với Bảo tàng ngày càng đông hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi trong công tác giáo dục di sản như sự phối hợp tích cực của Phòng Giáo dục - Đào tạo Hội An, vẫn còn những khó khăn nhất định, nhất là cán bộ làm công tác giáo dục bảo tàng không phải là cán bộ chuyên trách mà là cán bộ kiêm nhiệm. Việc đầu tư cho công tác giáo dục di sản chưa như tương xứng, chưa có sự hỗ trợ kinh phí để các nghệ nhân phối hợp hoạt động trải nghiệm thường xuyên tại bảo tàng.

Mong rằng, qua bài viết này, sẽ nhận được nhiều ý kiến trao đổi về cách tiếp cận mới trong hoạt động giáo dục của bảo tàng để bảo tàng ở Hội An trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn của Di sản Văn hóa Thế giới Hội An♥

BƯỚC ĐẦU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ PHÁT HUY CÁC BẢO TÀNG Ở HỘI AN

Nguyễn Trần Cẩm Giang

Công nghệ thông tin là một thành tựu lớn của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện nay, nó thâm nhập và chi phối hầu hết các lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin đã đem lại rất nhiều thành tựu to lớn trong các hoạt động của con người. Để hòa nhập với xu thế chung của thời đại, cải tiến đổi mới trong các hoạt động của bảo tàng, để công tác quản lý bảo tàng được cập nhật nhanh chóng, chính xác và phát huy tối đa hơn các giá trị văn hóa của bảo tàng, thì việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và phát huy ở bảo tàng là một điều rất cần thiết và hữu ích.

Hiểu rõ vấn đề này, trong thời gian qua Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, cơ quan quản lý 05 bảo tàng chuyên đề ở Hội An đã từng bước ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong công tác quản lý và phát huy tại bảo tàng chuyên đề này.

Đối với công tác quản lý, bước đầu Trung tâm ứng dụng 2 nội dung đó là Phần mềm quản lý hiện vật và Hệ thống camera tại các bảo tàng.

Tính đến thời điểm này, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đang quản lý hiện vật gốc của 5 bảo tàng chuyên đề phục vụ cho công tác nghiên cứu, trưng bày và giới thiệu những giá trị văn hóa Hội An đến với du khách. Nhận thức được vai trò, vị trí và tầm quan trọng của từng khâu công tác bảo tàng nói chung, công tác kiểm kê quản lý hiện vật nói riêng và mối liên hệ hữu cơ giữa các khâu công tác, ngoài các biểu mẫu của hồ sơ hiện vật, hệ thống sổ sách, Trung tâm đã xây dựng **phần mềm quản lý hiện vật**. Phần mềm này phục vụ cho việc quản lý, theo dõi và tra cứu các hiện vật của bảo tàng được thực hiện một cách linh hoạt, nhanh chóng và khoa học. Nó hỗ trợ cho lãnh đạo Trung tâm và các cán bộ chuyên môn có một công cụ phục vụ cho việc quản lý, giám sát và theo dõi thông tin về các hiện vật của bảo tàng được đầy đủ. Phần mềm quản lý hiện vật được xây dựng trên các tiêu chí của Cục Di sản, quy chế kiểm kê hiện vật và tình hình thực tế tại các bảo tàng chuyên đề ở Hội An. Nó có chức năng phục vụ quản lý các quy trình nghiệp vụ, đó là quản lý thông tin lý lịch hiện vật của bảo tàng; quản lý thông tin đánh số và

đăng ký hiện vật; quản lý thông tin phân loại hiện vật; ngoài ra còn có chức năng tra cứu thông tin và đề xuất kết quả báo cáo. Trong quá trình sử dụng, phần mềm quản lý hiện vật đã từng bước được chỉnh sửa và hoàn thiện hơn đáp ứng được các yêu cầu thực tiễn. Ứng dụng phần mềm quản lý hiện vật là ứng dụng công nghệ thông tin đầu tiên của Trung tâm trong công tác quản lý ở Bảo tàng, nó giúp cho cán bộ nghiệp vụ nắm chính xác về số lượng, nội dung của tất cả hiện vật đang quản lý. Phần mềm có rất nhiều ưu điểm, nó được lập trình theo kiểu mô đun tích hợp nên rất dễ cài đặt và dễ dàng khi nâng cấp, giao diện quản lý rõ ràng, giao diện hiển thị có bố cục hợp lý nên dễ dàng sử dụng.

Hiện vật bảo tàng là tài sản vô giá, nó không chỉ có giá trị vô giá về lịch sử mà còn có giá trị tiền tệ rất lớn, vì vậy bảo vệ tài sản này là vô cùng quan trọng, hết sức cần thiết và là một việc làm có ý nghĩa to lớn. Hiện vật không thể hoàn toàn an toàn nếu chỉ đặt dưới sự giám sát, quản lý của một nhân viên trực bảo tàng. Vì vậy, nhằm tăng cường đảm bảo an ninh tại các bảo tàng và nâng cao năng lực quản lý, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã triển khai lắp đặt hệ thống camera tại bảo tàng Văn hóa Dân Gian và Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, trong thời gian tới sẽ tiếp tục triển khai lắp đặt ở các bảo tàng còn lại. Hệ thống camera này đã giúp cho cơ quan theo dõi được mọi hoạt động tại bảo tàng từ xa, vì vậy ngoài việc

giám sát các hiện vật trưng bày bảo tàng thì lãnh đạo cũng có thể giám sát được các hoạt động, thái độ phục vụ khách tham quan của nhân viên trực tại bảo tàng. Cháy nổ cũng là một mối nguy hại tại các bảo tàng, nhất là những ngôi nhà bảo tàng ở Hội An và phần lớn làm bằng chất liệu gỗ. Vì vậy, kết hợp với hệ thống camera giám sát, Trung tâm cũng đã trang bị hệ thống báo cháy tự động ở các bảo tàng.

Nói chung việc thiết lập phần mềm quản lý hiện vật, trang bị hệ thống camera giám sát và hệ thống báo cháy tự động đã góp phần rất lớn hỗ trợ lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ trong công tác quản lý hiện vật bảo tàng, đảm bảo được an ninh tại các bảo tàng.

Ngoài nhiệm vụ quản lý, bảo tàng còn có một nhiệm vụ vô cùng quan trọng đó là tuyên truyền, phát huy các giá trị văn hóa. Việc giới thiệu những giá trị văn hóa ở Hội An thông qua hiện vật tại các bảo tàng bằng hệ thống etiket, lời giới thiệu, đội ngũ cán bộ thuyết minh tại bảo tàng. Tuy nhiên công tác thuyết minh, hướng dẫn tại các bảo tàng ở Hội An hiện nay gặp những khó khăn nhất định cả về nhân lực và điều kiện không gian. Đối với các bảo tàng chuyên đề ở Hội An, cần có một thuyết minh viên giỏi, thu hút được khách tham quan đòi hỏi không chỉ có kiến thức về bảo tàng học mà còn phải am hiểu về những vấn đề lịch sử, văn hóa, nghệ thuật... Ngoài ra không gian ở các bảo tàng Hội An rất chật hẹp, nên việc thuyết minh trực tiếp không phải lúc nào cũng thuận lợi,



nhất là những lúc có lượng khách tham quan đông. Vì vậy để hỗ trợ, tăng cường công tác phát huy trong năm 2015 Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã triển khai thực hiện thí điểm dịch vụ Audio - Guide (*thuyết minh bằng tai nghe điện tử*) tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch. Tai nghe điện tử là cách thức để du khách tự chọn lựa nội dung, lộ trình tham quan, du khách có thể trải nghiệm dịch vụ qua hệ thống trang bị máy phát và tai nghe do bảo tàng cung cấp ngay tại bàn tiếp đón với các bước đăng ký sử dụng đơn giản và mức phí hợp lý. Ưu điểm của việc sử dụng tai nghe là những du khách có nhu cầu tìm hiểu chuyên sâu có thể nghe đi nghe lại nhiều lần, nghe chủ động, không muốn nghe có thể tắt. Tất cả những điều này, hướng dẫn viên không thể làm được. Hơn nữa, dịch vụ Audio Guide giúp

bảo tàng giải quyết được vấn đề về không gian khi mỗi khách có thể chủ động tìm đến hiện vật mình yêu thích để tự nghe thông tin mà không phải chen lấn để đọc thông tin trên pa-nô hay quây quần nghe hướng dẫn viên thuyết minh. Nội dung giới thiệu trên Audio-Guide có hai ngôn ngữ Việt và Anh. Ở mỗi hiện vật đều có gắn số, du khách muốn tìm hiểu hiện vật nào chỉ cần bấm vào số đó trên thiết bị audio để nghe thuyết minh. Audio-Guide đặc biệt tiện lợi với khách đi lẻ, muốn yên tĩnh để ngắm và nghe thông tin về hiện vật mà không bị tác động bởi những yếu tố bên ngoài. Hy vọng rằng khi hoạt động này chính thức thực hiện sẽ đem lại những trải nghiệm mới cho du khách và công tác phát huy tại bảo tàng sẽ đạt được những kết quả tốt hơn.

Internet đã trở thành phương tiện thông tin phổ biến trên toàn thế giới nói chung, trong đó website là phương tiện thông tin và giáo dục phổ biến của bảo tàng nói riêng. Nhằm tăng cường hơn trong nhiệm vụ phát huy tại các bảo tàng, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã xây dựng một trang website có địa chỉ là **hoianheritage.net**, trên địa chỉ này có nội dung “**Bảo tàng**” giới thiệu các phần trưng bày, hiện vật và các hoạt động thường xuyên tại 05 bảo tàng chuyên đề ở Hội An. Website sẽ là công cụ đem lại nhiều lợi ích cho bảo tàng khi mà bảo tàng cân bằng được giữa khả năng của bảo tàng và yêu cầu của du khách. Vì vậy, trong thời gian tới, Trung tâm sẽ nâng cấp và thiết lập riêng một trang website cho bảo tàng, để đăng tải những thông tin về bảo tàng đầy đủ hơn, phong phú hơn, đáp ứng được nhu cầu của du khách hơn nữa.

Có thể thấy, công nghệ thông tin là một trong những động lực quan trọng nhất của sự phát triển. Cùng với một số ngành khoa học khác, công nghệ thông tin đang làm biến đổi sâu sắc đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của thế giới hiện đại. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết (số 49/CP ngày 4/8/1993) về phát triển công nghệ thông tin ở Việt Nam trong đó nêu rõ mục tiêu: “*Mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh, quốc phòng đều phải ứng dụng công nghệ thông tin để*

phát triển”. Vì vậy, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác bảo tàng cần phải được nghiên cứu, đầu tư, ứng dụng kịp thời và phù hợp. Bên cạnh những nội dung đã được thực hiện ở các Bảo tàng Hội An, bản thân cũng mạnh dạn đề xuất một số ý tưởng, đó là:

- Hiện nay mạng xã hội đang rất phát triển, ngoài việc xây dựng website riêng, thì cần thiết lập thêm một trang facebook cho bảo tàng, để các cán bộ bảo tàng có thể chia sẻ thông tin với nhau tốt hơn, kịp thời hơn.

- Cần đầu tư xây dựng phòng thông tin tại các bảo tàng, để giới thiệu một số đoạn phim tư liệu liên quan đến nội dung trưng bày của bảo tàng.

- Trang bị một vài màn hình cảm ứng tra cứu thông tin tại các bảo tàng.

Sẽ còn rất nhiều “*câu chuyện*” liên quan đến hành trình ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, phát huy nói riêng, với hoạt động của bảo tàng nói chung. Hi vọng rằng, từ những ứng dụng ban đầu này, chúng ta sẽ tiếp tục cùng nhau phân tích, đánh giá những thành tựu đạt được, để từ đó “*định vị*” chính xác chỗ đứng của bảo tàng trên hành trình ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời để tạo cơ sở cho việc hoạch định đúng đắn những bước đi gần và những bước đi xa trong thời gian tới♥

VĂN HÓA ĐẠI CHÚNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở HỘI AN

Đỗ Thị Ngọc Uyên

Trong những năm gần đây, nói đến du lịch Việt Nam thì một điểm đến thú vị mà mọi du khách trong nước và quốc tế thường quan tâm, đó là Hội An. Nhiều danh hiệu về du lịch đã được các tổ chức bình chọn cho điểm đến du lịch này như “110 điểm đến có giá trị lịch sử trên thế giới” do tạp chí Nation Geographic (Mỹ) xếp hạng năm 2008; “5 trong 10 điểm du lịch tốt nhất Châu Á” do website Trip Advisor bình chọn năm 2013; “Thành phố du lịch hấp dẫn nhất thế giới” do Tạp chí du lịch Wanderlust - Anh bình chọn năm 2013; “Điểm đến đặc sắc và thu hút khách du lịch nhất Việt Nam” do tạp chí Hufington - Mỹ bình chọn năm 2013; “Thành phố du lịch được yêu thích thứ 2 ở Châu Á” do tạp chí Condes Nast Traveller - Mỹ bình chọn năm 2013; “Một trong các thành phố du lịch bụi rẻ nhất Châu Á” do website du lịch Priceoftravel bình chọn năm 2014; “Một trong những thành phố lãng mạn nhất thế giới” do tạp chí Indiatimes - Ấn Độ bình chọn năm 2014 và rất nhiều danh hiệu khác như : nức lòng du khách , top 50 thành phố nên đến một lần trong đời , 10 điểm đến lãng mạn nhất để “ hẹn hò”, thành phố tuyệt vời xe đạp... Với những danh hiệu này, điều đó nói lên thương hiệu du lịch và sản phẩm du lịch Hội An đã được phổ quát và nổi tiếng không chỉ

trong nước mà lan toả ra cả thế giới. Đặc biệt là du lịch văn hoá, một sản phẩm du lịch gắn liền với di sản văn hoá thế giới Hội An. Những giá trị của khu di sản văn hoá thế giới này giờ đây đã không còn là tinh hoa của văn hoá Hội An nói riêng và của Việt Nam nói chung mà trở thành sản phẩm văn hoá đại chúng thông qua hoạt động du lịch. Vậy, việc phát triển du lịch Hội An đã khai thác những giá trị văn hoá để trở thành sản phẩm văn hoá đại chúng như thế nào? chúng ta đi vào tìm hiểu và nghiên cứu mô hình này.

Văn hoá đại chúng ngày nay phổ biến trên toàn thế giới và nhiều nước đã khai thác loại hình văn hoá này để phát triển kinh tế mà nổi bật nhất là Mỹ và Hàn Quốc. Họ đã dựa vào sự phát triển của khoa học kỹ thuật và phương tiện thông tin điện tử để phát triển loại hình văn hoá này. Từ những phong cách thời trang với những chiếc quần Jean áo sọc caro theo miền viễn Tây Hoa Kỳ hay những màu tóc nâu, môi trắm theo xu hướng thời trang Hàn Quốc hiện nay được giới trẻ ưa chuộng và sử dụng. Những sản phẩm văn hoá này không những được bán ra đơn lẻ mà được lồng ghép tuyên truyền, quảng bá thông qua những thước phim giới thiệu sâu đậm nền văn hoá của quốc gia, dân tộc và được hình tượng hoá bằng những biểu tượng,

những nhân vật đặc biệt gắn liền với từng sản phẩm văn hoá và chúng được sản xuất hàng loạt để giới thiệu, phổ biến trên toàn thế giới. Những giá trị văn hoá Mỹ và Hàn Quốc giờ không có gì xa lạ với các nước trên thế giới, từ vùng sâu cho đến vùng xa, chúng trở thành những sản phẩm văn hoá của toàn cầu và mang lại một nguồn doanh thu to lớn cho đất nước. Và với loại hình này, Hội An dù hữu thức tiếp cận được mô hình văn hoá đại chúng hay vô thức muốn tận dụng những giá trị văn hoá sẵn có để khai thác phát triển du lịch mà ngành du lịch của Hội An đã phát triển từ rất sớm. Ngành du lịch Hội An được quan tâm và đầu tư phát triển kể từ năm 1995, tức là trước năm được công nhận di sản văn hoá thế giới 4 năm (4/12/1999). Từ con số 41.636 lượt khách năm 1995, Hội An đã đón 1.756.916 lượt khách năm 2014. Trong đó lượt khách quốc tế trong năm 2014 là 839.198 lượt và khách nội địa là 917.718 lượt. Doanh thu mang lại của ngành du lịch Hội An từ 1,097 triệu USD năm 1995 đã tăng 95,367 triệu USD năm 2014. Những con số trên cho thấy sự phát triển rất mạnh của ngành du lịch Hội An, điều đó cũng đồng nghĩa với những giá trị văn hoá Hội An được khai thác, phát huy và trở thành sản phẩm văn hoá đại chúng đã thu hút lượng du khách lớn từ các nơi đến với Hội An. Ngày nay, nói đến du lịch Hội An, chúng ta dễ dàng bắt gặp không gian quen thuộc của khu phố cổ với vẻ trầm mặc, mái ngói rêu phong cổ kính vào mỗi sáng sớm và ánh sáng mờ ảo về đêm được phát ra từ những chiếc đèn lồng được treo trước cửa của các ngôi nhà cổ; và từng góc phố, hẻm ngõ là những gánh hàng rong với tiếng

rao quen thuộc của các bà lão bán những món ăn dân dã; và đâu đó là những cụ già đang ngồi đánh cờ, trẻ con tập hát đồng dao và thanh niên thì giao lưu bằng những chiếc đàn nhị, đàn bầu, đàn độc huyền cầm tạo nên không khí du dương; cùng với sự nhộn nhịp mua sắm của các du khách Việt - Tây - Á từ các cửa hàng trong phố cổ khiến chúng ta như trở về với quá khứ của một thời thương cảng Hội An thế kỷ 17-18. Xa ra khu phố cổ, chúng ta dễ dàng bắt gặp những hình ảnh quen thuộc của một vùng quê với người dân đang dắt trâu cày ruộng; bán mặt cho đất bán lưng cho trời để chăm bón từng nếp rau; những cụ già với đôi chân chai lì đạp trên bàn xoay để tạo ra những sản phẩm gốm và những nghệ nhân cặm cũi trau chuốt sản phẩm thủ công bằng gỗ để tạo ra những món quà lưu niệm cho du khách khi đến với Hội An, mà những hình ảnh đó không chỉ là con người thật, việc thật ở Hội An làm mà đó cũng chính là những công việc mà du khách tham gia cùng với người dân Hội An thực hiện. Những công việc tưởng chừng như đời thường nhưng đối với Hội An nó trở thành những sản phẩm du lịch và thu hút sự tham gia rất lớn của du khách. Nhìn vào việc tổ chức du lịch ở Hội An, chúng ta sẽ thấy một kiểu thức chung cho du lịch Hội An là sự hoài cổ, trở về quá khứ, về đời thường với sự yên bình, tĩnh lặng.

Với sự đa dạng về hình thức tổ chức, du lịch Hội An không chỉ là điểm đến cho một riêng ai mà nó phù hợp với tất cả đối tượng. Người già thì tận hưởng sự yên bình với cuộc sống chậm rãi, giản dị trên từng bước đi



trong khu phố cổ; thanh niên thì thoả thích với những hình ảnh thơ mộng, êm đềm bên dòng sông Hoài với ánh đèn lung linh như góp phần gắn kết thêm tình yêu đôi lứa; trẻ con thì vô tư vui đùa với những trò chơi dân gian như đập nôi, hát đồng dao,... và với Hội An, thì phố không còn là phố của người Việt hay phố của Tây mà là sự hoà trộn vào không gian chung của một khu phố du lịch, nhộn nhịp nhưng yên bình, sâu lắng trong sự đa sắc văn hoá vốn hiện hữu trên từng công trình kiến trúc của quần thể khu phố cổ Hội An.

Mô hình du lịch Hội An là sự lắp ghép các mảng văn hoá, trong đó có văn hoá kiến trúc, văn hoá tín ngưỡng, văn hoá dân gian, văn hoá ẩm thực, văn hoá lễ hội,... tạo thành bức tranh tổng thể về cuộc sống đời thường của cộng đồng người dân Hội An ở một

thương cảng trong quá khứ gắn với cuộc sống đời thường hiện nay, giúp du khách đi vào phố thực nhưng tưởng như quay về quá khứ; giúp du khách hoài niệm về một thương cảng xưa, nơi tàu bè tấp nập buôn bán, trao đổi hàng hoá. Những sản vật trong sách vở ghi lại như vàng, trầm hương, hồ tiêu, lụa, gốm,... giờ đây được khai thác, phát huy và du khách dễ dàng bắt gặp, chọn mua những món hàng đó tại khu phố cổ Hội An; những lễ hội, trò chơi dân gian tưởng chỉ có trong quá khứ nhưng vẫn được khai thác và biểu diễn một cách sống động;... Tất cả những giá trị văn hoá truyền thống đó được chuyển hoá thành những sản phẩm văn hoá đại chúng thông qua hoạt động du lịch và được tuyên truyền quảng bá đến bạn bè trong nước và quốc tế. Ngày nay, chỉ cần lên mạng internet vào mục tìm kiếm gõ chữ “Hoi An” đã hiện lên 14,7 triệu kết quả về Hội An. Những khung hình, thước phim giới thiệu về Hội An được các nhà nhiếp ảnh, những nhà làm phim và những người yêu Hội An tuyên truyền, phổ biến khắp thế giới, nó len lỏi vào nhà của những du khách đã từng đặt chân đến Hội An. Những hình ảnh thơ mộng, huyền ảo, rêu phong, trầm mặc của phố cổ Hội An trở thành những đề tài cho các nhà làm phim, nhà nhiếp ảnh khai thác và kiếm lời từ những giá trị đó. Con số doanh thu từ du lịch kể trên chỉ là những con số mà do cơ quan nhà nước quản lý thống kê được. Còn số doanh thu mà cộng đồng người dân cũng như các nhà kinh doanh các loại hình khác khai thác từ giá trị văn hoá truyền thống này chưa được kể đến. Như vậy chúng ta thấy, với những giá trị văn hoá truyền thống tưởng

chừng như ẩn mình nhưng đã được chính quyền và cộng đồng người Hội An cũng như các nhà doanh nghiệp từ các nơi khác khai thác dưới hình thức văn hoá đại chúng thông qua hoạt động du lịch đã giúp Hội An phát triển và mang lại một doanh thu lớn cho sự phát triển kinh tế và đây cũng là nguồn thu đáp ứng lại công tác bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống này. Bao năm qua, du lịch Hội An vẫn tăng đều từng năm, Hội An đã biết khai thác giá trị văn hoá nền tảng, xây dựng những biểu tượng thông qua những chiếc đèn lồng, những ngôi nhà cổ, những con phố nhỏ hẹp, những gánh hàng rong,... bên cạnh đó là khai thác cuộc sống đời thường của những con người Hội An hiền hoà và giản dị để làm thành sản phẩm du lịch phục vụ sự thưởng ngoạn của du khách và đã gặt hái nhiều thành công. Nhưng, sản phẩm văn hoá đại chúng đó chỉ là những sản phẩm du lịch mang tính địa phương và chỉ được thưởng thức khi du khách đến chính Hội An để cảm nhận và doanh thu mang lại dù có tăng nhưng vẫn chưa đạt hết khả năng của nó. Nếu như Hội An tiếp tục nhận diện được loại hình văn hoá đại chúng này, khai thác những giá trị lịch sử, văn hoá và tự nhiên tiềm năng của Hội An bằng cách tái hiện lại những câu chuyện lịch sử, hoặc cách điệu nó thành những truyền thuyết và dựng lại thông qua nghệ thuật điện ảnh để giới thiệu với đến công chúng trên thế giới, điều này không những tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Hội An, những giá trị văn hoá của Hội An; thu hút lượng du khách đến với Hội An ngày càng nhiều để tìm hiểu thật sự khu phố cổ này; mà thông qua đó doanh thu từ các loại

hình nghệ thuật này sẽ là con số không nhỏ nếu chúng được đầu tư chu đáo và chứa đầy giá trị tinh hoa trong đó. Bên cạnh đó thì nhiều sản phẩm văn hoá khác cũng có cơ hội phát triển kèm theo. Điều này có ý nghĩa rất lớn với một danh hiệu di sản văn hoá thế giới, đúng tầm của một danh hiệu thế giới và nó sẽ là sản phẩm văn hoá của nhân loại, của đại chúng, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của Hội An nói riêng và của Việt Nam nói chung phát triển nhưng vẫn không đánh mất giá trị nền tảng của nó.

Với việc nhìn nhận hoạt động du lịch Hội An dưới hình thức văn hoá đại chúng, chúng tôi nhận thấy Hội An còn có nhiều tiềm năng để phát triển, không những giúp cho du lịch Hội An phát triển trong tương lai mà nhiều loại hình văn hoá đại chúng khác như nói trên khai thác từ giá trị nền tảng của khu phố cổ Hội An có thể thực hiện thành công. Tuy nhiên, chúng cần phải được các nhà khoa học nghiên cứu, cần có các nhà đầu tư lớn, cần xây dựng kịch bản chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ hiện đại tiên tiến nhất, với đội ngũ diễn viên, đạo diễn chuyên nghiệp nhất như các nước đã thực hiện. Thay vì đầu tư cho quảng cáo về du lịch Hội An, thì nguồn kinh phí này nên được tập trung đầu tư cho những sản phẩm văn hoá đại chúng. Qua bài viết này, với hướng tiếp cận của văn hoá đại chúng, rất mong các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp, các nhà đầu tư có suy nghĩ nhằm thu hút lượng du khách đến với Hội An đông hơn, đồng thời khai thác giá trị văn hoá này thành sản phẩm văn hoá được nhân loại biết đến♥

“XƠ MƯỚP” - TIỀM NĂNG MỚI CHO SẢN PHẨM DU LỊCH THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG Ở HỘI AN

Nguyễn Thị Tinh

Cũng như nhiều địa danh du lịch nổi tiếng khác trên cả nước và thế giới, Hội An đã và đang phát triển nhiều loại hình du lịch đặc sắc, riêng biệt, độc đáo; nhiều sản phẩm du lịch đẹp mắt, ý nghĩa và mang đậm chất đặc trưng. Với xu hướng hiện nay thì sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường đang dần ưa chuộng và có vị thế trong hệ thống sản phẩm du lịch. Vừa đem lại giá trị, vừa an toàn là tiêu chí hàng đầu để thu hút lòng tin từ khách hàng. Hiện nay sản phẩm du lịch được làm từ nguyên liệu “xơ mướp” đã đáp được tiêu chí đó.

Mướp là loài cây ăn quả, gắn bó với cuộc sống người dân thôn quê. Cây mướp có rất nhiều công dụng, không chỉ dùng để ăn quả khi còn tươi mà theo Đông y, từ hoa mướp đến lá mướp, từ mướp tươi đến mướp khô đều có tác dụng trị bệnh mà không gây tác dụng phụ nào nhờ có tính bình và không độc.

Trần Mạnh Hảo đã viết:

*“Xưa từng món mơn thơm non
Bao nhiêu ong bướm đã mòn nhụy hoa
Thời gian ăn hết nồn nà
Còn xơ thân mướp cho ta thương mình”*

Cảm nhận theo lời thơ của Trần Mạnh Hảo, xơ mướp dường như trở

nên đáng thương và có chút gì đó tro trọi. Nhưng mấy ai biết được dù chỉ còn thân xơ nhưng vẫn có thể làm nên rất nhiều điều kỳ diệu.

Khi xưa, người dân đã từng dùng xơ mướp để rửa chén bát. Tuy nhiên, rất dân dã và chỉ là sự tận dụng khi kinh tế còn khó khăn chứ chưa thật sự nhận ra những điều mới lạ mà xơ mướp có thể mang lại. Và bây giờ, với sự sáng tạo tìm tòi những nguyên liệu mới để tạo ra sản phẩm thì xơ mướp được xem như là một nguyên liệu độc đáo và đẹp chẳng thua kém những nguyên liệu đắt tiền.

Mướp là loài cây khá dễ trồng nên hầu như trong năm mướp luôn có mặt trên thị trường. Tại Hội An, mướp được trồng nhiều ở các xã, phường nằm ngoài khu vực phố cổ như xã Cẩm Thanh, phường Cẩm Châu... Ngoài ra, tại các phiên chợ ở Hội An còn có nguồn mướp từ các xã khác như xã Duy Nghĩa, xã Duy Vinh... Điều này có nghĩa là nguồn nguyên liệu từ xơ mướp cũng không quá khó để có được. Xơ mướp là loại nguyên liệu được nhiều người đánh giá là loại nguyên liệu tiềm năng. Bởi vì từ xơ mướp chúng ta có thể làm nên hàng trăm loại sản phẩm vô cùng hấp dẫn,



có giá trị và đặc biệt là rất thân thiện với môi trường.

Đầu tiên ta nói đến sản phẩm bông tắm được làm từ xơ mướp. Bông tắm là sản phẩm gắn bó gần nhất với cuộc sống thường ngày của mọi người. Chiếc bông tắm từ xơ mướp không chỉ đem lại sự an toàn cho làn da mà còn rất nhiều tác dụng tốt cho sức khỏe như việc massage bằng xơ mướp giúp tẩy sạch tế bào chết cũng như thúc đẩy sự lưu thông máu, tăng độ đàn hồi săn chắc cho làn da đồng thời làm sạch lỗ chân lông giúp làn da dễ thở, phát huy tối đa tác dụng của các sản phẩm chăm sóc da dạng thoa sau khi tắm... Bên cạnh đó sản phẩm bông tắm được làm bằng xơ mướp còn giúp tiết kiệm một phần kinh tế vì giá cả loại bông tắm thân thiện này không phải là vấn đề phải nghĩ đến. Đây mới chỉ là sự khởi đầu cho những điều chúng ta gọi là tiềm năng của loại nguyên liệu này.

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ cộng với sự khéo léo, niềm

đam mê và sự tỉ mỉ của con người, từ xơ mướp ta có thể làm các loại sản phẩm có giá trị và mang tầm vóc hơn như các đồ gia dụng, vật dụng trang trí, quà lưu niệm hay vật dụng thời trang. Các sản phẩm này sẽ khá đặc sắc và lạ lẫm với những ai lần đầu nhìn thấy và có thể mang lại

giá trị kinh tế khi trở thành sản phẩm du lịch. Không những là sản phẩm du lịch thông thường mà có thể là sản phẩm du lịch tiềm năng vì đây là sản phẩm rất thân thiện với môi trường.

Về đồ gia dụng, từ xơ mướp ta có thể làm nên các sản phẩm như bình hoa, miếng lót ly, miếng lót bình trà hay thảm matxa chân...

Về vật dụng trang trí, quà lưu niệm từ xơ mướp ta có thể làm nên các sản phẩm như đèn, hộp đựng card, khung hình, tranh ảnh, hoa...

Về vật dụng thời trang, từ xơ mướp ta có thể làm nên các sản phẩm như ví, kẹp tóc, túi xách, mũ, dép... Hiện nay, dép chiếu là một sản phẩm du lịch thời trang đang được rất nhiều du khách yêu quý, sử dụng và mua làm quà lưu niệm khi đến với phố cổ Hội An. Với xu thế đó, thay thế cho nguyên liệu chiếu có thể sử dụng nguyên liệu xơ mướp để tạo nên mặt hàng dép tương tự để phục vụ cho du

khách trong và ngoài nước vì xơ mướp có công dụng massage rất tốt và có kết cấu thoáng khí giúp du khách sẽ rất hài lòng khi sử dụng.

Ngoài ra, xơ mướp còn là nguyên liệu hấp dẫn cho các nhà thiết kế nội thất bởi những đặc tính bền chắc và kết cấu đẹp giúp tạo nên các sản phẩm nội thất mới lạ và đặc trưng.

Với những đặc tính nói trên, xơ mướp còn có thể được dùng để sản xuất băng nẹp y tế hay vật liệu cách âm. Chỉ cần kéo giãn sợi xơ mướp ẩm rồi ép chúng vào khuôn, ta sẽ tạo ra được những chiếc nẹp giá rẻ - một giải pháp mới và hữu ích cho những người dân bị chấn thương về xương sống ở các vùng thiếu thốn về điều kiện y tế. Chắc, nhẹ, thoáng khí và hoàn toàn có khả năng phân hủy, những chiếc nẹp bằng xơ mướp là một lựa chọn đáng giá hơn các sản phẩm bằng chất liệu nhân tạo đắt tiền.

Sản phẩm từ xơ mướp có thể đáp ứng đa dạng cho người tiêu dùng với độ bền chắc và dễ bảo quản. Có nhiều người khá bất ngờ trước công dụng của xơ mướp hoặc không biết xơ mướp là gì. Họ đắn đo không biết nó có bền không, có bị lạc hậu về thời trang nếu dùng hay không. Thế nhưng một khi đã hiểu về nó, chạm vào nó, nhiều khách hàng cả trong và ngoài nước đều thích thú và chọn mua không hề mặc cả.

Để làm được các sản phẩm độc đáo như trên ta phải trải qua các công đoạn và kỹ thuật rất riêng của việc tạo nên sản phẩm từ nguyên liệu này. Trước hết là chọn nguyên liệu cho phù hợp vì các quả mướp sẽ cho các loại

xơ không hoàn toàn giống nhau. Sau đó giặt, phơi khô, cắt ra, ép thành miếng (*có thể kết hợp keo để định dạng*). Khi nhuộm màu, phải dùng màu thực phẩm để đảm bảo an toàn cho người sử dụng. Tiếp theo, tùy từng loại sản phẩm muốn làm mà sẽ có công đoạn thực hiện hay kỹ thuật cắt, may hay đính phụ kiện cho phù hợp. Có thể thấy, nhìn chung các kỹ thuật tạo nên những sản phẩm kỳ diệu này không thật sự quá khó, chỉ cần có hoa tay, sáng tạo cộng thêm niềm đam mê và các dụng cụ máy móc cần thiết, chúng ta sẽ đem lại phép màu mới cho loài xơ mướp khô khan này. Các sản phẩm từ xơ mướp thường được kết hợp với các nguyên liệu khác để tạo thêm phần độc đáo và lạ mắt như vải, da, gỗ...

Theo vòng xoáy của sự tập nập, sự náo nhiệt và sự phát triển không ngừng của hoạt động du lịch, hiện nay, các sản phẩm du lịch tại Hội An đang có xu hướng hiện đại hóa về cả loại hình lẫn mẫu mã. Số lượng sản phẩm mang tính chất thân thiện với môi trường không chiếm được tỉ lệ cao. Với sự hấp dẫn từ những sản phẩm vô cùng đặc sắc mà xơ mướp có thể tạo nên thì sản phẩm du lịch làm từ xơ mướp chính là bước đột phá mới, tìm năng mới cho sản phẩm du lịch tại Hội An. Vừa mang đậm chất dân gian, vừa độc đáo lại vừa rất thân thiện với môi trường.

“Chúng ta có nguyên liệu, chúng ta có nhân lực, vậy thì tại sao chúng ta không đánh thức những điều dường như đã lãng quên ấy để tạo nên tiềm năng mới cho sự phát triển du lịch của thành phố Hội An xinh đẹp này?”♥

VẤN ĐỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ DI TÍCH Ở HỘI AN NĂM 2015

Nguyễn Cường

Trong năm 2015, được sự hỗ trợ của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương; các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Thành phố, đặc biệt là sự chung tay của cộng đồng dân cư, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã triển khai các nội dung liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ đối với di tích và đạt được những kết quả đáng kể.

Trước hết là việc hệ thống lại di tích trên địa bàn Thành phố. Trong năm, Trung tâm đã tham mưu UBND thành phố Hội An ban hành sách “Di tích - Danh thắng Hội An” nhằm thay

thế cho sách “Danh mục di tích danh thắng Hội An” đã ban hành từ năm 2000. Trong lần xuất bản này, sách đã được điều chỉnh, bổ sung nội dung chi tiết và phù hợp với tình hình hiện nay của di tích. Đây là cơ sở để thành phố cũng như các cơ quan, địa phương triển khai các biện pháp quản lý, bảo tồn và phát huy hiệu quả đối với bộ phận di sản văn hóa này.

Cũng trong năm, các cơ chế đặc thù của thành phố phục vụ cho công tác quản lý di tích như: hỗ trợ kinh phí bảo vệ các di tích trên địa bàn thành phố (gồm 49 di tích được hỗ trợ); hỗ

trợ kinh phí cho hoạt động của đội ngũ cộng tác viên bảo tồn di sản trong khu phố cổ (gồm 33 cộng tác viên) vẫn tiếp tục được duy trì đã cho thấy sự quan tâm của thành phố cho công tác này. Để giải quyết các vấn đề mới nảy sinh hướng đến gìn



giữ nguyên vẹn giá trị di tích trong khu phố cổ, Trung tâm đã tham mưu và được UBND Thành phố thống nhất ban hành “*Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích khu phố cổ Hội An*” bổ sung, sửa đổi thay thế cho quy chế cũ cùng tên gọi đã ban hành từ năm 2006.

Việc ban hành các văn bản quản lý di tích, kể cả toàn bộ các di tích cũng như đối với từng di tích cụ thể cũng được Trung tâm thực hiện, nhất là vào dịp tết

Nguyên đán, vào dịp tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện văn hóa... diễn ra trên địa bàn thành phố.

Riêng đối với bộ phận di tích lịch sử cách mạng, Trung tâm đã tham mưu thành phố ban hành văn bản chỉ đạo các địa phương tăng cường quản lý, tu sửa, vệ sinh nhân các ngày kỷ niệm truyền thống của đất nước và của địa phương diễn ra trong năm.

Hoạt động khảo sát, kiểm tra di tích được Trung tâm chú trọng. Bên cạnh việc khảo sát toàn bộ di tích trên địa bàn định kỳ 6 tháng/lần, việc khảo sát để tham mưu thành phố giải quyết các vấn đề liên quan đã được thực hiện

thường xuyên, kịp thời. Qua khảo sát, Trung tâm đã lập hồ sơ đề nghị và được thành phố bổ sung 02 di tích vào danh mục di tích bảo vệ (*lăng Nghĩa Trùng ở phường Cẩm An và di tích lịch sử cách mạng Bến đò thôn 2 ở xã Cẩm Thanh*). 04 di tích đã được lập hồ sơ mới, hàng trăm di tích thường xuyên được bổ sung hồ sơ quản lý. Nhằm giảm thiểu nguy cơ lấn chiếm di tích, Trung tâm đã triển khai dựng bia

và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ 16 di tích ở xã Tân Hiệp. Đối với di tích trong khu phố cổ, Trung tâm phối hợp với các cơ quan, địa

phương liên quan duy trì kiểm tra định kỳ, nhất là việc tu bổ di tích của nhân dân, kịp thời phát hiện sai phạm, nhắc nhở để việc tu bổ đúng nội dung giấy phép, đảm bảo theo quy chế đề ra.

Đối với các di tích xuống cấp, Trung tâm đã lập danh mục công trình đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 để có định hướng cho việc tu bổ di tích từ nguồn vốn bố trí của nhà nước hàng năm. Trước mùa mưa bão năm nay, Trung tâm đã tiến hành khảo sát, đánh giá hiện trạng kỹ thuật và thực hiện



chống đỡ cho 03 di tích trong khu phố cổ; làm việc với các địa phương đề nghị chống đỡ 05 di tích ngoài khu phố cổ để giảm nguy cơ ảnh hưởng khi có bão lụt xảy ra. Triển khai lập dự án chống mối cho 31 di tích ngoài khu phố cổ chuẩn bị triển khai trong năm 2016. Trong năm, bên cạnh các di tích được triển khai tu bổ từ nguồn vốn nhà nước theo kế hoạch, Trung tâm cũng đã xúc tiến thủ tục triển khai tu bổ cấp thiết cho 02 di tích (*Quan Âm Phật tự ở phường Minh An và lăng bà Bạch ở xã Tân Hiệp*). Đối với các di tích thuộc sở hữu của tư nhân, để kịp thời bảo vệ cho các di tích xuống cấp, Trung tâm cũng đã vận động các chủ di tích để xúc tiến các thủ tục liên quan tham mưu cho thành phố ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí tu bổ 07 di tích (gồm: nhà số 3/5 và nhà số 3/6 đường Nguyễn Huệ, nhà số 48 đường Phan Châu Trinh, nhà số 45 đường Nguyễn Phúc Chu, nhà số 140/3 và nhà số 132/2 đường Trần Phú, nhà ông Nguyễn Vinh ở xã Tân Hiệp). Ngoài ra, Trung tâm cũng đã tham mưu thủ tục để UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định phê duyệt cơ chế tạm ứng ngân sách của Tỉnh cho Thành phố để các tập thể, cá nhân vay vốn tu bổ 12 di tích xuống cấp có nguy cơ sụp đổ trong khu phố cổ.

Nằm trong các chương trình theo định hướng chung của Thành phố, Trung tâm đã triển khai lập phương án đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích ở xã Cẩm Thanh và xã Cẩm Kim gắn với phát triển du lịch nhằm đưa di tích trở thành

nguồn lực quan trọng góp phần vào phát triển kinh tế, văn hóa ở các địa phương này trong thời gian đến.

Kết quả đạt được về công tác quản lý, bảo vệ đối với di tích trong năm tiếp tục khẳng định vai trò to lớn của các chủ/đại diện chủ di tích, nhất là di tích trong khu phố cổ với hàng trăm di tích thuộc sở hữu của tư nhân. Đã có sự đồng thuận cao của người dân cùng chung tay gìn giữ di sản của tiền nhân để lại. Riêng đối với các di tích thuộc sở hữu của cộng đồng trên địa bàn thành phố đã ghi nhận có sự quan tâm hơn trước. Việc trang hoàng di tích vào dịp lễ tết, hay hương khói, vệ sinh ở nhiều di tích được thực hiện thường xuyên. Chưa có số liệu thống kê cụ thể nhưng lượng kinh phí dành cho việc tổ chức cúng tế định kỳ ở các di tích này là không hề nhỏ và đều từ sự quyên góp của nhân dân. Điều này cho thấy di tích ngày càng trở thành thiết chế văn hóa tín ngưỡng quan trọng trong đời sống cộng đồng. So với các năm trước, năm nay, công tác xã hội hóa tu bổ di tích là tương đối nổi trội. Không kể các di tích thuộc sở hữu tư nhân, dòng tộc; đã có 06 di tích thuộc sở hữu cộng đồng đã tự vận động toàn bộ kinh phí hoặc có đóng góp cùng với kinh phí nhà nước để tu sửa, tôn tạo di tích (gồm: *Lân Vỹ Mỹ ở phường Cẩm Nam, đình An Mỹ ở phường Cẩm Châu, lăng Bà ở phường Cẩm An, chùa Hải Tạng ở xã Tân Hiệp, miếu Trảng Kèo và chùa Vạn Đức ở xã Cẩm Hà*). Đây là điều đáng

khích lệ cần được tiếp tục khuyến khích, phát huy trong thời gian đến.

Công tác kiểm tra, cấp phép tu bổ di tích - nhà ở của nhân dân trong khu phố cổ luôn được thực hiện nghiêm túc. Tính đến cuối tháng 10 năm 2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tiếp nhận 193 lượt hồ sơ sửa chữa di tích trong khu phố cổ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Thành phố. Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét, Trung tâm đã tham mưu cấp phép 164 trường hợp, trong đó Khu vực I là 52 hồ sơ, Khu vực IIA là 49 hồ sơ và Khu vực IIB là 63 hồ sơ; Thụ lý giải quyết và trả lời trực tiếp cho công dân 21 hồ sơ.

Bên cạnh những kết quả nổi bật đạt được nêu trên, qua các lần khảo sát thực tế chúng tôi nhận thấy vấn đề quản lý, bảo vệ ở một số di tích vẫn chưa thực sự hiệu quả mà nguyên nhân chủ yếu từ sự quan tâm chưa cao của các địa phương và cộng đồng. Có những bia di tích lịch sử cách mạng chữ đã bong tróc sơn lâu ngày nhưng không được sơn kẻ làm ảnh hưởng đến tính trang trọng và hiệu quả giáo dục truyền thống. Tình trạng vệ sinh di tích không được đảm bảo, nhất là di tích thuộc sở hữu cộng đồng ở ngoài khu phố cổ. Cỏ dại mọc trong khuôn viên thậm chí che lấp các chi tiết cấu thành di tích nhưng không được dọn thường xuyên. Các vật dụng phục vụ hoạt



động cúng tế đặt trong di tích còn bừa bộn, không ngăn nắp làm ảnh hưởng đến tính tôn nghiêm. Vấn đề sử dụng không đúng không gian chức năng của di tích cũng đáng được quan tâm. Có những di tích trở thành nơi cất giữ vật dụng sinh hoạt, sản xuất của người dân; có những di tích trở thành không gian để phơi phóng, thậm chí phơi phóng trên cả di tích; ... Cảnh quan di tích nói riêng, giá trị di tích nói chung sẽ bị tác động nếu vấn đề này vẫn còn tiếp diễn trong thời gian đến.

Dẫu còn những mặt hạn chế khiến những người làm công tác quản lý di tích chưa thật sự hài lòng nhưng nhìn chung, những gì đạt được trong năm qua vẫn là rất tích cực. Những kết quả đó tiếp tục góp phần gìn giữ đúng hướng và phát huy hiệu quả giá trị di sản văn hóa Hội An. Hy vọng trong thời gian đến, công tác quản lý, bảo vệ đối với di tích sẽ có được nhiều kết quả mới hơn, toàn diện và vững chắc hơn♥

THÔNG

TIN

TƯ

LIỆU



BẢNG KÊ TƯ LIỆU HÁN NÔM VỀ NGHỀ YẾN THANH CHÂU Ở HỘI AN

Trần Văn An

TT	Tên tư liệu	Nội dung tóm lược	Niên đại	Địa chỉ	Ghi chú
01	Trát văn của công đường đình Quảng Nam sai phái Hồ Văn Hòa	Do trước đây có đơn (<i>mất một số chữ</i>) theo cự lệ mộ dân nội, ngoại tịch xã Thanh Châu tổ chức 3 chiếc thuyền lập thành đội yến sào Thanh Châu đông hàng năm neo đậu tại Cù Lao, Tân Non xứ canh giữ hang yến và thu lượm yến sào đệ nạp. Nay có 7 người gia nhập đội, mùa yến đã đến nên sai Hồ Văn Hòa, người xã Thanh Châu đông giáp, thuộc Võng Nhi, phủ Điện Bàn làm đội trưởng, tước Hòa Đức bá, dẫn 2 chiếc thuyền neo đậu tại Cù Lao, Tân Non xứ canh giữ cẩn thận các hang yến không cho kẻ lạ đột nhập. Đội năm sau sẽ có tầu lên triều đình.	Ngày 13 tháng 12 năm Gia Long 3 (1804	Tộc Hồ ở Hội An giữ	Đây là bản chép lại các văn bằng sắc chỉ, bản sao trên giấy A4. Văn bản này giống ở Khánh Hòa
02	Lệnh chỉ của vua Gia Long cho Hồ Văn Hòa	Đặc chuẩn cho Hồ Văn Hòa là người giáp Đông, xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, thuộc Võng Nhi, phủ Điện Bàn làm đội trưởng hai đội yến sào,	Ngày 27 tháng 11 Gia Long	Nt	Bản sao trên giấy A4

		tước Hòa Đức Bá mọi việc theo sự sai phái của Lộc Tiến hầu ở Trà đội. Nếu công vụ biếng nhác sẽ bị trị tội theo quân pháp.	17 (1818)		
03	Chỉ thị của vua Minh Mạng cho Hồ Văn Hòa	Chuẩn đổi Yên sào đội thành Yên hộ cho Hồ Văn Hòa làm hộ trưởng tước Hòa Thuận tử, trật tòng cử phẩm xướng suất yên hộ theo lệ thuế phụng nạp. Mọi việc nghe theo sai phái của công đường dinh Quảng Nam. Nếu công vụ biếng nhác sẽ bị trị tội theo quốc pháp.	Ngày 7 tháng 6 Minh Mạng 1 (1820)	Nt	Nội dung giống bản của Khánh Hòa
04	Chiếu của vua Minh Mạng cho Hồ Văn Hòa	Do Hồ Văn Hòa lo việc thuế yên năm nào cũng đầy đủ và theo đề nghị của bộ Hộ nay chuẩn thăng làm cai đội trật tòng ngũ phẩm, mọi việc theo sai phái của dinh Quảng Nam. Nếu không làm hết chức trách, biếng nhác sẽ bị trị tội theo quốc pháp.	Ngày 30 tháng 8 Minh Mạng 15 (1834)	Nt	Bản sao
05	Bản tấu của hộ Bộ	Theo năm Minh Mạng 17, tháng 10 Thanh Minh hầu cùng chúng thần ở bộ Binh đề nghị tại đảo Côn Lôn thuộc Gia Định có lập đồn đất và tỉnh thần tỉnh ấy cử suất đội 1 viên, kỳ binh 15 tên đến đó phòng thủ, lại nghe nơi ấy có nhiều tổ yến mà trước đây chưa thu nạp. Nay xin nhân tiện lệnh cho số binh lính ấy	Ngày 13 tháng 11, Minh Mạng 19 (1838)	Nt	Nt

	lưu tâm thu nạp. Nếu hàng năm thu được trên 10 lạng thì theo giá mà thưởng cấp, nếu tên nào không thu đủ số thì giao quan tỉnh trách phạt để làm gương. Lại nghe ở đảo Phú Quốc thuộc Hà Tiên sản xuất trầm hương rất tốt song trong sổ bộ chưa có thuế ngạch nên xin khám xét lại. Việc này xin cho thị vệ khoa đạo cùng Hồ Văn Hòa sau khi thu tổ yến xong thì đến đảo ấy xem xét tường tận để tâu lên. Hồ Văn Hòa cùng thị vệ khoa đạo và các yến hộ trong chuyến đi này cũng rất gian lao nên tâu xin cấp cho ít nhiều lộ phí. Nội các (<i>đừng tên tâu</i>): Nguyễn Văn Chương; Lâm Duy Nghĩa, Hà Duy Phiên, Doãn Uẩn, Phan Thanh Giản, phụng thảo: Võ Vĩnh. Chi (của vua) cho y như bản tấu, phái khoa đạo 1 viên cùng Hồ Văn Hòa thưởng bạc 6 lạng, thị vệ 1 viên thưởng bạc 3 lạng; yến hộ 5 tên mỗi tên thưởng bạc 2 lạng để chi phí Bộ Hộ cung kính sao lại Yến hộ Hồ Văn Hòa theo chỉ thi hành.			
--	--	--	--	--

06	Sắc phong của vua Thiệu Trị cho Hồ Văn Hòa	Do Cai đội lãnh yển hộ Hồ Văn Hòa nhiều năm làm tròn chức vụ nay gia ân thăng chức Phó quản cơ vẫn lãnh yển hộ, mọi việc theo lệ mà làm. Nếu không tròn nhiệm vụ, lười nhác sẽ bị trị tội theo phép nước.	Ngày 28 tháng 6 Thiệu Trị 3 (1843)	Nt	Nt
07	Bằng của Thái tử thái bảo hậu quân đô thống chương Phủ sự, Tổng đốc Đinh Biên họ Nguyễn cấp cho Hồ Văn Hòa, Trần Văn Võ	Do Hồ Văn Hòa phụng mệnh (vua) cùng thị vệ khoa đạo đến Côn Lôn thu tổ yển và đến Phú Quốc làm việc công nay đã hoàn thành. Khiêng chuyển tổ yển đệ nạp là việc vất vả nên trong hành trình từ trạm Tân Giang cấp cho 1 chiếc thuyền với đầy đủ người phục dịch chuyển đến trạm Biên Long lên bộ thì cấp cho 2 chiếc võng cùng 4 người khiêng và 2 người khiêng hòm tổ yển chuyển đến kinh thì xong. Vậy cấp bằng cho quản suất yển hộ Hồ Văn Hòa, yển hộ Trần Văn Võ thi hành.	Ngày 8 tháng 7 nhuận năm Tỵ Đức 7 (1854)	Nt	Nt
08	Bằng của Bộ Binh cấp cho Hồ Văn Học	Theo phó quản cơ Hồ Văn Hòa bẩm hiện chưa có người làm hộ trưởng yển hộ Quảng Nam, nay có Hồ Văn Học là người mẫn cán có thể làm chức ấy nên xin cấp bằng. Vậy cấp bằng hộ trưởng yển hộ Quảng Nam cho Hồ Văn Học, mọi việc	Ngày 8 tháng 7 nhuận năm Tỵ Đức 7 (1854)	Nt	Nt

		theo sai phái của quan quản lãnh, biếng nhác phải chịu tội.			
09	Bằng của bộ Binh cấp cho Hồ Văn Hòa	Do phó quản cơ Hồ Văn Hòa tuổi đã 70 lại thêm bệnh tật khó cán đáng công vụ, phụng chỉ cho giữ nguyên hàm về hưu tại quê quán. Vậy cấp bằng để trình tỉnh Quảng Nam.	Ngày 10 tháng 7 năm Tự Đức 8 (1855)	Nt	Nt
10	Sắc của vua Tự Đức cho Hồ Văn Học	Theo đề nghị của bộ Binh nay chuẩn cho Hồ Văn Học, hộ trưởng yển hộ, người giáp Đông, xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, phủ Điện Bàn là người siêng năng, am hiểu nghề nghiệp được bổ làm yển hộ hộ trưởng quản lãnh các yển hộ thuộc Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa. Nếu công việc không chuyên cần sẽ bị trị tội theo phép nước.	Ngày 23 tháng 11 năm Tự Đức 8 (1855)	Nt	Nt
11	Sắc của vua Tự Đức phong cho Hồ Văn Bình	Do hộ trưởng Hồ Văn Bình quản lãnh yển hộ các hạt Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa ở chức lâu năm, thu thuế đệ nạp đầy đủ nên theo đề nghị của bộ Hộ chuẩn thăng là chánh bát phẩm đội trưởng vẫn quản lãnh yển hộ 3 hạt để đôn đốc thuế khóa.	Ngày 23 tháng 8 Tự Đức 28 (1875)	Nt	Nt
12	Bằng của tạm quyền Tuần phủ	Do các yển hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa bẩm rằng năm trước hộ trưởng Hồ Văn Kiểm quản	Ngày 26 tháng 7 năm	Nt	Nt

	Nam Ngãi họ Chu cấp cho Hồ Văn Trước	lãnh 3 tỉnh yển hộ đã thu thuế yển đầy đủ đệ nạp về kinh. Ngày 15 tháng này y bị bệnh qua đời, không người xướng suất công việc. Nay chọn được em ruột của Hồ Văn Kiểm là tú tài Hồ Văn Trước, tính tình cẩn thận, am hiểu nghề nghiệp, gia tư lại giàu có nên có thể cấp bằng tạm quyền đội trưởng, quản lãnh yển hộ để đôn đốc thu thuế yển trong khi chờ hiệp y của bộ Binh để cấp bằng. Nếu công việc không chuyên cần sẽ bị trị tội theo phép nước.	Tự Đức 30 (1877)		
13	Bằng của bộ Binh cấp cho Hồ Văn Yển	Do quản lãnh yển hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa Hồ Văn Trước bẩm rằng đang thiếu một hộ trưởng để đôn đốc công việc và đề cử Hồ Văn Yển, là người giáp Đông, xã Thanh Châu, huyện Hòa Vang có nhiều năm trong quân công việc mẫn cán có thể giữ chức hộ trưởng yển hộ Bình Định. Vậy cấp bằng hộ trưởng yển hộ Bình Định cho Hồ Văn Yển để thi hành...	Ngày 20 tháng 9, Tự Đức 33 (1880)	Nt	Nt
14	Bằng của thự Tuần phủ Nam Ngãi họ Đặng cấp cho Hồ	Do bộ Hộ có công văn bảo rằng hộ trưởng yển hộ Lê Văn Vân có đơn trình rằng Hồ Văn Trước có lỗi đương xem xét, không có người lo việc đôn đốc, thuế yển nên	Ngày 6 tháng 11, Tự Đức 36	Nt	Nt

	Văn Phú	xin đề cử Hồ Văn Phú là người có học thuộc tộc Hồ dòng chính vào tạm quyền đôn đốc yển hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa để thu thuế yển đệ nạp. Mọi việc theo lệ thi hành, nếu biếng nhác sẽ bị trị tội theo phép nước.	(1883)		
15	Bằng của Binh bộ Tả thị lang tạm quyền Tuần phủ quan phòng Nam Ngãi họ Nguyễn cấp cho Hồ Văn Khải	Theo đề nghị của quyền quản lãnh yển hộ 3 tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa là Hồ Văn Phú về việc yển hộ Bình Định đang khuyết chức đội trưởng và cử Hồ Văn Khải là người giáp Đông, xã Thanh Châu, huyện Hòa Vang am hiểu nghề nghiệp, tính toán thông suốt và có tài lực sung vào chức ấy. Nay cấp bằng tạm quyền đội trưởng yển hộ Bình Định cho Hồ Văn Khải để y xuống suất đội quân canh giữ hàng yển và đến kỳ thu lượm tổ yển để nộp. Công vụ biếng nhác sẽ bị trị tội theo phép nước.		Nt	Nt
16	Bằng của Hộ bộ cấp cho Hồ Văn Phú	Do quyền quản lãnh yển hộ Hồ Văn Phú có đơn xin rằng tổ yển ít được dùng vào việc công nên xin thay bằng nộp tiền và xin lãnh trưng 5 năm liền với mức thuế mỗi năm là một vạn một trăm hai mươi lăm quan (10.125 quan, tương đương 50 cân 10 lạng tổ yển/200 quan 1 cân). Nếu	Ngày 22 tháng 2 Đông Khánh 1 (1886)	Nt	Nt

		nhà nước có nhu cầu dùng tô yến thì sức nộp và tính khấu trừ vào tiền thuế, nếu năm này thiếu 5 cân 10 lượng thì năm sau bù vào. Vậy cấp bằng để quản lãnh yến hộ Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa thi hành.			
17	Bằng của bộ Hộ cấp cho Hồ Văn Phú, Hồ Văn Khải	Do Hồ Văn Phú, Hồ Văn Khải có đơn bẩm rằng tổ phụ đời trước đã mộ dân lập nên yến hộ thu thuế đệ nạp, nay có người Thanh (người Hoa) tranh lãnh trưng. Vậy nên xin tổng trưng thuế yến 3 tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa lên 10 năm, mỗi năm tiền thuế 6 vạn quan (60.000 quan). Xin nạp tiền cọc trước 1.000 quan. Bộ xét thấy theo mức tiền ấy thuế có tăng. Chỉ có hạn 10 năm hơi lâu cho nên để hết hạn 5 năm sẽ thương nghị với quan Đông Pháp đại thần để quyết định. Nay cấp bằng để tổng trưng 3 tỉnh thuế yến nguyên quản lãnh yến hộ Hồ Văn Phú, Hồ Văn Khải thi hành	Ngày 24 tháng 3 Thành Thái 4 (1892)	Nt	Nt
18	Tờ bẩm của Nguyễn Văn Chất	Lãnh trưng thuế yến tỉnh Khánh Hòa là Nguyễn Văn Chất bẩm xin: Do lãnh trưng yến thuế 3 tỉnh Hồ Văn Phú có chuyển sao bằng ký và bẩm xin cho dân (Nguyễn Văn Chất) lãnh trưng thuế yến tại Khánh Hòa, nộp trước, trưng sau, đã giao nộp xong, Thiết nghĩ các sở yến hệ thuộc vào việc trị an mà lâu nay bị trộm cắp nhiều. Thuế yến rất quan trọng	Ngày 15 tháng 1 Thành Thái 5 (1893)	Nt	Nt

		không dám tự chuyên nên bẩm xin quan lớn Tỉnh đường có công văn cho phép được mua sắm ghe thuyền, phương tiện, mộ dân làm yển lập thành đội yển canh giữ các hang yển và xin có sức nghiêm cấm người Hán Thanh các phủ Ninh Hòa, tổng phước Hà ngoại, huyện Vĩnh Xương, tổng Xương Hạ được biết.			
19	Bằng của Tổng Đốc Nam Ngãi họ Nguyễn cấp cho Nguyễn Văn Chắt	Theo đề nghị của Tổng trưng thuế yển 3 tỉnh là Hồ Văn Phú xin cho Nguyễn Văn Chắt người xã Vinh Huy, phủ Thăng Bình, được lãnh trưng thuế yển Khánh Hòa với mức thuế mỗi năm 3.500 quan và lãnh trưng trong 5 năm. Vì Khánh Hòa là tỉnh hạt ngoài vùng quản lý nên cấp bằng này đề y đến trình chính quyền sở tại biết y không phải giả mạo. Vậy cấp trát này cho lãnh trưng thuế yển Khánh Hòa Nguyễn Văn Chắt thi hành	Ngày 13 tháng 10 Thành Thái 5 (1893)	Nt	Nt
20	Sắc của vua Thành Thái cho Hồ Văn Khải	Do khóa sinh Hồ Văn Khải, người giáp Đông, xã Thanh Châu, tổng Thanh Châu, huyện Hòa Vang nhiều năm thu nộp thuế yển đầy đủ lại tự nguyện quyên góp (vào công quỹ) là người có hảo tâm nên theo đề nghị của bộ Hộ chuẩn cho là tòng cửu phẩm văn giai để khuyến khích	Ngày 18 tháng 8 Thành Thái 8 (1896)	Nt	Nt



TIN TỨC SỰ KIẾN

Lễ tế Đức Bà và chư vị Tiên Nương ở miếu Lục Vị, phường Thanh Hà

Hoàng Phúc



Vào ngày 07/10/2015, nhằm ngày 25/8 âm lịch, Ban quản lý di tích miếu Lục Vị cùng bà con nhân dân khối phố Thanh Chiếm, phường Thanh Hà đã long trọng tổ chức lễ tế Đức Bà và chư vị Tiên Nương theo nghi thức truyền thống. Lễ tế là hoạt động diễn ra thường niên nhằm ghi sâu ân đức và tưởng nhớ công lao chư vị thánh nương ngày xưa đã phát thuốc chữa bệnh, cứu nạn độ thế cho người dân nơi đây. Lễ tế được tổ chức theo hình thức xã hội hóa, được bà con nhiệt tình hưởng ứng, tham dự. Đây là sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng rất đáng biểu dương, cần được phát huy và duy trì thường xuyên♥

Khánh thành di tích lăng Bà Bạch, thôn Cẩm, xã Tân Hiệp

Ngọc Hương



Lăng Bà Bạch là một trong những di tích tín ngưỡng quan trọng ở xã Tân Hiệp - thành phố Hội An, được xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ thứ 19 để thờ thần Bạch Thổ Kim Tinh, phối thờ Ngũ Hành Tiên Nương. Trải qua thời gian dài, do các yếu tố về thời tiết, khí hậu và quá trình sử dụng, di tích bị xuống cấp nặng. Để kịp thời bảo vệ di tích tránh nguy cơ sụp đổ, UBND thành phố đã có chủ trương cho phép triển khai tu bổ lại di tích. Sau hai tháng thi công, công trình đã hoàn thành. Nhằm kịp thời đưa di tích vào phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng cư dân tại địa phương, sáng ngày 07/10/2015 nhằm ngày 25/8 năm Ất Mùi, Ban Quản lý di tích lăng Bà Bạch đã tổ chức lễ khánh thành tu bổ di tích lăng Bà Bạch, với sự tham gia của các cơ quan ban ngành trên địa bàn thành phố, UBND xã Tân Hiệp cùng đông đảo bà con trong xã♥

**Bàn giao mặt bằng
thi công tu bổ các giếng cổ
trong Khu phố cổ Hội An**

Trung Hưng



Giếng cổ là một bộ phận của di sản văn hóa vật thể trong quần thể di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An, góp phần tạo nên những giá trị độc đáo của văn hóa phố Hội. Hiện nay trong khu phố cổ có khoảng 50 giếng cổ có niên đại hàng trăm năm, qua thời gian một số giếng cổ đã bị xuống cấp, vì vậy việc bảo tồn, tôn tạo các giếng cổ là cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Được sự thống nhất của UBND thành phố Hội An, vào ngày 12/10/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An phối hợp với các cơ quan, ban ngành, UBND phường Minh An, phường Cẩm Phô, đã tiến hành bàn giao mặt bằng thi công tu bổ cấp thiết một số giếng cổ trong khu phố cổ Hội An nằm ở phường Minh An, Cẩm Phô cho đơn vị thi công. Tổng mức kinh phí đầu tư được phê duyệt là 72.702.000 đồng, từ nguồn vốn ngân sách xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố, dự kiến các giếng cổ được tu bổ hoàn thành trong thời gian 45 ngày♥

**Tiến sĩ Béatrice Wisniewski
chuyên gia dự án EFEO đến
công tác tại Hội An**

Tú Anh

Nằm trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu của Viện Viễn đông Bác cổ Pháp (gọi tắt là EFEO) có văn phòng đại diện tại Việt Nam là Trung tâm trường Viễn đông Bác cổ Pháp - số 5A Hà Hồi - Hà Nội, từ ngày 17 - 18/10/2015, tiến sĩ Béatrice Wisniewski - quốc tịch Pháp, chuyên gia ngành khảo cổ học, đã có chuyến công tác nghiên cứu tại Hội An. Mục đích của chuyến công tác lần này của bà là tìm hiểu, nghiên cứu về đồ gốm sứ thương mại từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII được phát hiện và trưng bày tại Hội An. Nhiều hiện vật gốm sứ trưng bày tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch Hội An đã được bà quan tâm nghiên cứu, mô tả một cách chi tiết. Qua chuyến công tác nghiên cứu lần này của tiến sĩ Béatrice Wisniewski góp phần khẳng định tầm quan trọng của Hội An trên con đường gốm sứ trên biển thời Trung đại♥

**Khai trương hoạt động
đêm nhạc truyền thống tại Bảo tàng
Văn hoá Dân gian Hội An**

Ngọc Hương

Nhằm tăng cường các hoạt động thu hút khách du lịch đến với các bảo tàng ở Hội An, đồng thời tạo thêm sự gắn kết giữa các bảo tàng với cộng đồng, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với



bà Nguyễn Thị Nhật Hạnh tổ chức hoạt động đêm nhạc truyền thống tại bảo tàng Văn hóa Dân gian Hội An. Hoạt động này chính thức được khai trương vào tối ngày 18/10/2015 đã thu hút đông đảo du khách và nhân dân tham dự. Bên cạnh việc biểu diễn các nhạc phẩm truyền thống, trong không gian tổ chức hoạt động đêm nhạc truyền thống còn trưng bày, giới thiệu các nhạc cụ dân tộc như đàn bầu, đàn cò, đàn nhị, đàn tam thập lục,... Dự kiến trong thời gian đến hoạt động đêm nhạc truyền thống sẽ được tổ chức hàng tuần và gắn kết với việc tổ chức các lớp học nhạc cụ dân tộc nhằm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An♥

Đón tiếp và làm việc với đoàn trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu thực địa tại Hội An

Phước Tịnh

Vào chiều ngày 20/10/2015, Đại diện lãnh đạo Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã có buổi tiếp đón và làm việc với đoàn trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh do TS. Nguyễn Ngọc Thơ làm

trưởng đoàn. Tại buổi làm việc, TS Nguyễn Ngọc Thơ thay mặt đoàn trao đổi một số nội dung đoàn sẽ nghiên cứu và khảo sát thực địa tại Hội An, trong đó tập trung vào các chủ đề như: tìm hiểu về giao lưu tiếp biến văn hóa Việt - Hoa, Việt - Nhật tại Hội An; văn hóa ứng xử với biển của cư dân Hội An; di sản văn hóa Chăm ở Hội An; giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học của khu di sản phố cổ Hội An trong phát triển du lịch; hệ thống tín ngưỡng dân gian người Hoa ở Hội An. Qua đợt khảo sát lần này, với sự hỗ trợ của Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An, đoàn đã thu thập được nhiều thông tin cần thiết phục vụ đề tài nghiên cứu của mình♥

Hội thảo Bảo tàng - Cộng đồng Quan niệm và cách tiếp cận

Thị Tuấn



Vào ngày 22/10/2015, tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã tổ chức hội thảo “*Bảo tàng với Cộng đồng: quan niệm và cách tiếp cận*”. Mục đích của cuộc hội thảo là nhằm kết nối giữa các bảo tàng từ Trung ương đến địa phương để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, làm rõ những hạn chế, bất

cập, đồng thời trao đổi cách thức để đổi mới mạnh mẽ, toàn diện hơn trong hoạt động bảo tàng ở Việt Nam hiện nay. Tham gia hội thảo có 54 bài tham luận của các nhà nghiên cứu, quản lý đến từ các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ quan quản lý văn hóa và những người làm công tác bảo tàng trong nước. Nội dung của các bài tham luận hội thảo được chia thành bốn nhóm chủ đề gồm: Nghiên cứu - sưu tầm, xây dựng bộ sưu tập hiện vật; Xây dựng và tổ chức thực hiện trưng bày ở bảo tàng; Hoạt động giáo dục và trình diễn văn hóa phi vật thể ở bảo tàng; Cộng đồng trong hoạt động bảo tàng. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An chia sẻ trong hội thảo bài tham luận với tiêu đề “*Vai trò của cộng đồng trong hoạt động bảo tàng*” do bà Lê Thị Tuấn - Trưởng phòng Bảo tàng trình bày.

Hội thảo đã gợi mở những ý tưởng mới, cách làm hay nhằm tạo thêm động lực để thúc đẩy hoạt động bảo tàng có bước phát triển mới nhằm thu hút đông đảo công chúng đến tham quan, thưởng ngoạn♥

Sinh hoạt chuyên đề về đề tài trang trí trên gốm Chu Đậu khai quật tại vùng biển Cù Lao Chàm

Huyền Vy

Nằm trong chương trình công tác năm 2015 của Phòng Bảo tàng, vào chiều ngày 29/10/2015, tại Hội trường Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức buổi sinh hoạt chuyên đề “*Giới thiệu một số đề tài trang trí trên gốm Chu Đậu khai*



quật tại vùng biển Cù Lao Chàm”. Buổi sinh hoạt do 3 thành viên là Công Trung, Mỹ Linh, Huyền Vy thực hiện và có sự tham dự của một số thành viên trong Ban Giám đốc và các phòng ban trong cơ quan. Buổi sinh hoạt tập trung trao đổi một số đề tài trang trí trên gốm Chu Đậu. Qua đó, cán bộ bảo tàng đã có thể tiếp cận và hiểu rõ hơn ý nghĩa một số hoa văn trên gốm Chu Đậu. Điều này giúp ích rất nhiều cho công tác kiểm kê, mô tả và lập hồ sơ khoa học cho hiện vật trong thời gian tới♥

Tình hình khách tham quan tại các bảo tàng, di tích do Trung tâm quản lý trong 10 tháng năm 2015

Thị Tuấn

Trong 10 tháng năm 2015, tại năm điểm bảo tàng, di tích do Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An trực tiếp quản lý gồm bảo tàng Văn hóa Dân gian, bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch, bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh, bảo tàng Lịch sử - Văn hóa, Nhà lưu niệm đồng chí Cao Hồng Lãnh, di tích Chùa Ông, Chùa Cầu đã đón được 998.765 lượt khách, tăng 4%

so với cùng kỳ năm 2014, trong đó khách quốc tế là 674.046 lượt, khách Việt Nam là 324.719 lượt, đặc biệt bảo tàng Lịch sử - Văn hóa mới được khai trương tại điểm mới số 10 B - Trần Hưng Đạo cũng đã đón được 434 lượt khách (*trong đó, khách quốc tế: 380 lượt, Việt Nam: 54 lượt*).

Cùng với những hoạt động tuyên truyền quảng bá để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, hiện nay, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đang tập trung vào những hoạt động thu hút cộng đồng tham gia như phối hợp với Phòng Giáo dục - Đào tạo Hội An tổ chức hoạt động “*Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng*”, hoạt động trải nghiệm chuốt gốm, kéo kén, thêu, dệt vải cho du khách vào thứ năm hàng tuần tại Bảo tàng Văn hóa Dân gian - số 33 Nguyễn Thái Học; làm bánh in đậu xanh vào chiều thứ sáu hàng tuần tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch số 80 - Trần Phú. Đây là xu hướng mới trong hoạt động của bảo tàng gắn liền với đời sống thực tại, gần gũi với cộng đồng dân cư nên đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo du khách và cộng đồng♥

Bàn giao đưa vào sử dụng công trình: Sửa chữa nhỏ, tôn tạo cảnh quan và gắn bìa các di tích ở Cù Lao Chàm

Trung Hưng

Vào cuối tháng 10/2015, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với các ban ngành của Thành phố tổ chức nghiệm thu , bàn giao đưa vào sử dụng công trình:



Sửa chữa nhỏ, tôn tạo cảnh quan và gắn bìa các di tích tại Cù Lao Chàm bao gồm: Lăng Cô Hồn, lăng Bà Mụ ở Bãi Ông; Miếu Trung Lộc, lăng Bà Xóm Giữa, lăng Thành Hoàng ở Bãi Làng; Miếu tổ nghề yển, miếu Ngũ Hành, giếng cổ ở Bãi Hương; Miếu Bà Mộc ở Thôn Cẩm. Tổng kinh phí để sửa chữa, tôn tạo cảnh quan và gắn bìa các di tích nói trên là 696.970.000 đồng, từ nguồn vốn ngân sách thành phố Hội An. Việc tu bổ, sửa chữa, tôn tạo cảnh quan và gắn bìa giới thiệu, bảng sơ đồ đường đi đến di tích nhằm góp phần bảo tồn các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc và nghệ thuật của di tích cũng như cung cấp thông tin cần thiết cho du khách, đồng thời tạo thêm nhiều điểm tham quan hấp dẫn khi du khách đến với xã đảo Tân Hiệp♥

Trưng bày ảnh “Không gian kiến trúc đô thị Hội An”

Ngọc Trân

Chào mừng ngày Đô thị Việt Nam (8/11) và ngày Di sản Văn hóa Việt Nam (23/11), được sự thống nhất của Ủy ban Nhân dân thành phố Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An tổ chức trưng bày ảnh



với chủ đề “***Không gian kiến trúc đô thị Hội An***” từ ngày 06 đến ngày 25/11/2015, tại sân Bảo tàng Hội An - số 10B Trần Hưng Đạo - Hội An. Với hơn 50 bức ảnh được lựa chọn trưng bày, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An giới thiệu đến người xem những hình ảnh về quy mô, diện mạo của đô thị Hội An xưa và nay. Qua đó khơi gợi những hoài niệm về Hội An một thời đã qua và cùng thao thức một Hội An hôm nay đang vươn lên phía trước. Có được bộ ảnh trưng bày hôm nay, ngoài tư liệu lưu trữ, Trung tâm đã nhận được sự phối hợp cung cấp hình ảnh của tác giả Phan Huy Vũ và Võ Rin. Những bức ảnh do 2 tác giả này cung cấp được chụp từ trên không giúp chúng ta nhận diện rõ hơn vẻ đẹp của đô thị Hội An nhìn từ trên cao♥

Hoạt động “Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng”

Thị Tuấn

Nhằm bồi dưỡng cho thế hệ trẻ kiến thức về di sản văn hóa Hội An, ý thức gìn giữ di sản bằng những hoạt động tương tác giữa bảo tàng và học sinh, trong thời gian qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản



Văn hóa Hội An đã phối hợp với phòng Giáo dục - Đào tạo Thành phố tổ chức hoạt động “***Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng***” với các nội dung như tham quan bảo tàng, tham gia trò chơi lắp ghép hiện vật, xé giấy dán tranh, vẽ lên gốm và giải đáp ô chữ liên quan đến lịch sử - văn hóa địa phương. Hoạt động này đã thu hút, tạo sự say mê tìm hiểu của các em học sinh.

Hiện nay, Trung tâm tiếp tục phối hợp với phòng Giáo dục - Đào tạo đẩy mạnh triển khai hoạt động này trong năm học 2015 - 2016 với đối tượng chủ yếu là học sinh khối lớp 6 tại 9 Trường Trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố. Vào chiều ngày 13/11, các học sinh khối lớp 6, trường Nguyễn Duy Hiệu đã tham gia hoạt động này với không khí vui tươi, phấn khởi. Đây là trường đầu tiên tham gia chương trình này trong năm học 2015 - 2016. Ngoài ra, các học sinh của các khối học khác, có nhu cầu tham gia hoạt động “***Chúng em cùng nhau khám phá bảo tàng***”, Trung tâm sẽ tổ chức vào thứ bảy và chủ nhật hàng tuần♥

Tiếp nhận tiền giấy bổ sung trưng bày hiện vật bảo tàng

Huyền Vy



Chiều ngày 10/11/2015, Phòng bảo tàng thuộc Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tiếp nhận từ ông Lê Văn Thân trú tại số nhà 96/8 đường Điện Biên Phủ, thành phố Đà Nẵng 2 tờ tiền giấy mệnh giá 500 đồng của Ngân hàng quốc gia Việt Nam phát hành năm 1970 và tiền giấy mệnh giá 1 đồng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành sau giải phóng, vào khoảng năm 1978. Theo ông Thân đây là 2 tờ tiền được gia đình để lại và được ông cất làm kỷ niệm trong hơn 40 năm qua. Việc tiếp nhận 2 tờ tiền giấy trên do ông Thân hiến tặng sẽ góp phần bổ sung vào trưng bày hiện vật bảo tàng Hội An. Trung tâm sẽ tiến hành lập hồ sơ hiện vật và đưa vào trưng bày, giới thiệu 2 tờ tiền này trong thời gian tới♥

Đoàn Chủ tịch Quốc hội Nước cộng hòa Hungary thăm phố cổ Hội An - tỉnh Quảng Nam

Ngọc Hương

Nằm trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam (từ ngày 8 - 13/11) theo lời mời của Chủ



tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng, vào chiều ngày 12/11, Đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội Hungary do Ngài Kóvér László, Chủ tịch Quốc hội cùng Phu nhân dẫn đầu đã đến thăm phố cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam. Buổi đón tiếp đoàn tại Quảng trường Sông Hoài, có ông Nguyễn Ngọc Quang, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, ông Đinh Hải - Giám đốc sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Quảng Nam.

Tại buổi đón tiếp, ông Nguyễn Ngọc Quang đã giới thiệu về những thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam trong những năm qua và thông báo về tình hình thực hiện Thỏa thuận hợp tác, thiết lập quan hệ hữu nghị giữa thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam và thành phố Szentendre, Hungary. Cũng tại buổi tiếp, ông Nguyễn Ngọc Quang có lời đề nghị Ngài Chủ tịch quan tâm tác động nhằm vận động nguồn vốn ODA của Chính phủ Hungary giúp tỉnh thực hiện dự án “*Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Nam*”; tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị giữa thành phố Hội An và Szentendre.....

Phát biểu tại buổi đón tiếp, Ngài Kovér Lászlo đã gửi lời cảm ơn về sự đón tiếp nồng hậu của tỉnh Quảng Nam dành cho Đoàn; đánh giá cao tỉnh Quảng Nam trong công tác bảo tồn hai Di sản văn hóa thế giới Hội An và Mỹ Sơn cũng như thành tựu phát triển du lịch của địa phương và hy vọng với sự chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Đảng bộ tỉnh Quảng Nam trong nhiệm kỳ mới này sẽ còn đạt được nhiều thành tích hơn nữa. Ngoài ra, Ngài cũng chia sẻ về việc Chính phủ Hungary có chính sách cấp hàng trăm học bổng mỗi năm để các du học sinh Việt Nam sang học tại Hungary. Bên cạnh đó, có khoảng 400 du học sinh Việt Nam sang học tại Hungary theo diện tự túc kinh phí. Với vốn kiến thức được học tập tại Hungary, những du học sinh này sẽ không chỉ mang theo kiến thức ở trường học, mà còn là những hạt nhân góp phần giữ gìn và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa hai nước. Trên cương vị của mình, Ngài Kovér Lászlo hứa sẽ có những quan tâm, tác động để thúc đẩy quan hệ hợp tác hữu nghị giữa Hội An và thành phố Szentendre cũng như dự án Chính phủ điện tử mà tỉnh Quảng Nam đang quan tâm.

Sau buổi đón tiếp chính thức tại Quảng trường Sông Hoài, đoàn Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Hungary - Ngài Kovér Lászlo cùng phu nhân đã có chuyến tham quan

một số di tích, nhà cổ trong khu phố cổ Hội An, thưởng thức biểu diễn nghệ thuật truyền thống của địa phương♥

Triển khai thi công công trình kè bảo vệ Đô thị cổ Hội An

Hồng Việt



Công trình Kè bảo vệ Đô thị cổ Hội An từ chùa Cầu đến cầu Cẩm Nam thuộc phường Minh An - thành phố Hội An do Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Nam làm chủ đầu tư, Liên danh Trung tâm kỹ thuật xây dựng Quảng Nam và Công ty TNHH Xây dựng, Thương mại và Môi trường 104 tư vấn giám sát, đơn vị thi công là Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Hội An và Công ty cổ phần Tiên bộ Quốc tế. Công trình chính thức được khởi công vào ngày 15/11 vừa qua và sẽ được thực hiện hoàn thành trong 12 tháng. Sau khi hoàn thành, công trình sẽ góp phần quan trọng trong việc bảo tồn di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An trước những biến đổi khí hậu khó lường của thiên nhiên♥

Mở rộng không gian tổ chức hoạt động “Phố dành cho người đi bộ và xe không động cơ” tại đường Nguyễn Phúc Chu, phường Minh An, thành phố Hội An

Tú Anh

Nhằm mục đích phục vụ nhu cầu tham quan, thưởng ngoạn, nghỉ ngơi của nhân dân và du khách, nâng cao chất lượng điểm đến du lịch, tăng nguồn thu nhập cho người dân tại khu vực. Góp phần giải quyết trật tự giao thông trên tuyến đường và khu vực vào giờ cao điểm, đảm bảo môi trường du lịch an toàn, thân thiện. Hỗ trợ công tác bán vé tham quan khu phố cổ Hội An. Ngày 16/11/2015, UBND thành phố Hội An ban hành Kế hoạch số 4021/KH-UBND về mở rộng không gian tổ chức hoạt động “Phố dành cho người đi bộ và xe không động cơ” tại đường Nguyễn Phúc Chu, phường Minh An. Thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 03/12/2015 (*thứ năm*) trong dịp kỷ niệm 16 năm ngày Đô thị cổ Hội An được công nhận là di sản văn hoá thế giới (4/12/1999 - 4/12/2015). Hoạt động này diễn 7 ngày, đêm/ tuần theo khung thời gian hiện đang thực hiện tại Khu phố cổ cho toàn bộ tuyến đường Nguyễn Phúc Chu, phường Minh An♥

Tiếp nhận hiện vật từ Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố Hội An

Công Trung

Ngày 17/11/2015, Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố Hội An đã bàn giao cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An 25 đơn vị hiện vật là những máy móc, thiết bị từng được Đài Truyền thanh - Truyền hình thành phố Hội An sử dụng từ sau ngày giải phóng đến năm 1990. Đây là những hiện vật rất có giá trị gắn liền với công tác thông tin tuyên truyền tại Hội An phục vụ nhiệm vụ chính trị của thành phố Hội An cũng như nhu cầu thông tin của nhân dân. Trong thời gian đến những hiện vật này sẽ được Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An xử lý, lập hồ sơ và tổ chức trưng bày giới thiệu đến với đông đảo công chúng♥

Hội nghị lần thứ tư Câu lạc bộ các Khu di sản thế giới tại Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội

Thanh Lương

Vào chiều ngày 22/11/2015, tại Hội trường Trung tâm Bảo tồn di tích Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội, Câu lạc bộ các Khu Di sản thế giới tại Việt Nam tổ chức hội nghị thường niên lần thứ tư với sự tham dự của đại biểu lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Quốc gia UNESCO của Việt Nam, Văn phòng UNESCO tại Hà Nội, Hội đồng Di sản văn hóa



Việt Nam cùng với đại diện ban quản lý 8 khu di sản thế giới tại Việt Nam.

Hội nghị lần này có nhiệm vụ tổng kết, đánh giá những hoạt động đạt được trong năm qua, trong đó đáng chú ý là các hoạt động tổ chức triển lãm bộ ảnh “Khám phá Di sản thế giới” tại 8 khu di sản, tổ chức hoạt động “Heritage Photo Tour 2015” tại 4 di sản thế giới ở phía Bắc gồm Vịnh Hạ Long, Hoàng thành Thăng Long, Thành nhà Hồ và Quần thể di tích – danh thắng Tràng An, xây dựng maket tờ gấp giới thiệu 8 khu di sản thế giới làm ấn phẩm tuyên truyền,... Bên cạnh đó, Hội nghị cũng nêu lên những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện, từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong năm đến với những giải pháp hiệu quả, có tính khả thi cao và chuyển giao vai trò Chủ tịch luân phiên Câu lạc bộ năm 2016 cho đơn vị Trung tâm Hoàng thành Thăng Long. Đặc biệt, Hội nghị lần thứ tư này cũng đã biểu quyết thông qua Điều lệ hoạt động và logo của Câu lạc bộ.

Những kết quả đạt được của Câu lạc bộ cũng góp phần tạo thêm động lực để các cơ quan quản lý các khu di sản thế giới thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ bảo tồn di sản và cũng là cơ

hội, điều kiện thuận lợi để tăng cường giao lưu với các nước trong và ngoài khu vực, đặc biệt là lĩnh vực phát triển du lịch, tạo tiền đề cho việc thu hút nguồn lực đầu tư, kinh nghiệm, giải pháp khoa học phục vụ công tác quản lý Di sản và phát triển kinh tế xã hội; từng bước đưa công tác quản lý Di sản hội nhập với các hoạt động quốc tế về bảo vệ Di sản thế giới, nâng cao uy tín, vị thế và góp phần quảng bá hình ảnh các Di sản của Việt Nam ra thế giới. Qua đó mối liên hệ của các cơ quan quản lý 8 di sản thế giới ngày càng được tăng cường, gắn bó♥

Hội thảo khoa học quốc tế về “Bảo tồn, phát huy giá trị di sản thế giới, nhìn từ Hoàng thành Thăng Long”

Thanh Lương

Ngày 23/11/2015, Hội thảo khoa học quốc tế về “Bảo tồn, phát huy giá trị di sản thế giới, nhìn từ Hoàng thành Thăng Long” đã diễn ra tại Hội trường Trung tâm Bảo tồn di tích Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội với sự tham dự của hơn 200 đại biểu đến từ Trung tâm Di sản thế giới của UNESCO, các tổ chức tư vấn của UNESCO như ICOMOS, IUCN, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, chuyên gia về quản lý, bảo tồn hàng đầu thế giới cùng đại biểu của 8 khu di sản thế giới tại Việt Nam. Đây là một hoạt động trọng tâm trong chuỗi các hoạt động, sự kiện chào mừng 70 năm thành lập UNESCO và 5 năm di tích Hoàng thành Thăng Long được công nhận là Di sản thế giới (2010-2015).

Với 37 bài tham luận của các nhà khoa học, các chuyên gia trong nước và quốc tế được chia thành 3 phiên họp chính với các chủ đề: Tổng kết, đánh giá kết quả 5 năm nghiên cứu Di sản văn hóa Thế giới Hoàng thành Thăng Long (giai đoạn 2010 - 2015); Vấn đề bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long; Quản lý bền vững các khu di sản ở Việt Nam và thế giới - kinh nghiệm, định hướng và kế hoạch hành động. Trong 3 chủ đề trên, chủ đề thứ ba bàn về công tác Quản lý bền vững các khu di sản ở Việt Nam và thế giới - kinh nghiệm, định hướng và kế hoạch hành động là chủ đề được các thành viên tham dự hội thảo thảo luận sôi nổi nhất. Các nhà khoa học đã chia sẻ những kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm hoạt động, công tác bảo tồn,... giữa các khu di sản, đồng thời làm rõ những hạn chế, những vướng mắc, khó khăn đối với công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị trong các khu Di sản thế giới hiện nay; đề từ đó tìm ra nguyên nhân và cách thức, hướng đi nhằm hướng đến mục tiêu vì sự phát triển của các khu di sản thế giới♥

Giải bóng đá “Cúp Di sản” lần thứ I - năm 2015

Hồng Việt

Chào mừng kỷ niệm ngày Di sản Văn hóa Việt Nam (23/11) và 16 năm ngày Đô thị cổ Hội An được UNESCO công nhận Di sản Văn hóa Thế giới, Công đoàn cơ sở Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tổ chức giải bóng đá “Cúp Di sản” lần thứ I - năm 2015. Tham dự giải đấu có



6 đội bóng gồm: Liên quân Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa - Tòa Án, liên quân Thanh tra - Viện kiểm soát - UBND phường Sơn Phong, liên quân Văn phòng Thành ủy - Văn phòng HĐND và UBND - Ban quản lý Bảo tồn biển Cù Lao Chàm, liên quân Phòng Tài nguyên Môi trường - Văn phòng đăng ký đất đai, Công an thành phố Hội An, Trung tâm Văn hóa Thể thao. Sau 3 ngày thi đấu với những trận cầu gây căng, hấp dẫn, những pha bóng và bàn thắng đẹp mắt, giải đấu đã kết thúc thành công tốt đẹp. Kết quả chung cuộc, cúp vô địch thuộc về liên quân Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa - Tòa Án, giải nhì được trao cho liên quân Phòng Tài nguyên Môi trường - Văn phòng đăng ký đất đai, đạt giải ba là Công an thành phố Hội An♥

Bàn giao mặt bằng công trình nâng cấp trưng bày, bảo quản và bổ sung hiện vật Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh - Hội An

Đặng Tuấn

Vừa qua, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã phối hợp với các ban ngành Thành phố tổ chức bàn giao mặt bằng thi công công trình nâng cấp trưng bày, bảo quản và bổ sung hiện vật Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh Hội An - số 149 Trần Phú -

phường Minh An . Công trình với gói thầu xây lắp do Công ty TNHH Phú Hưng và Công ty cổ phần Đầu tư và Mỹ thuật Hà Nội thi công, gói thầu cung ứng thiết bị do Công ty TNHH Một thành viên Bari thực hiện. Tổng mức kinh phí đầu tư công trình được phê duyệt là 2.178.541.000 đồng. Việc đầu tư, nâng cấp trưng bày bảo tàng Văn hoá Sa Huỳnh nhằm gìn giữ, bảo quản và tuyên truyền giới thiệu về lịch sử - văn hoá đến đông đảo người dân, du khách trong và ngoài nước, tăng sức hấp dẫn cho hệ thống bảo tàng ở Hội An♥

**Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam
tặng sách cho Trung tâm Quản lý
Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An**

Thùy Dương

Vừa qua, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam - Văn phòng dự án công bố, phổ biến tài sản văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam đã tiếp tục gửi tặng cho Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An 53 đầu sách gồm nhiều thể loại như: Dân ca các dân tộc thiểu số, sử thi, thơ, ca, tri thức dân gian, truyện cổ, truyện kể dân gian, về, văn hóa ẩm thực, văn hóa dân gian... trên khắp mọi miền đất nước. Tính từ năm 2013 đến nay, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam đã hỗ trợ cho Trung tâm trên 400 đầu sách công bố tài sản văn hóa văn nghệ dân gian Việt Nam của Trung Ương Hội, góp phần làm phong phú và đặc sắc thêm cho tủ sách tư liệu của Trung tâm, phục vụ tốt nhu cầu cần tìm hiểu nghiên cứu của cán

bộ chuyên môn và cá nhân có nhu cầu♥

**Tham gia Hội thi tin học
khối cán bộ công chức trẻ toàn
quốc lần III - năm 2015**

Hồng Việt

Vừa qua chi đoàn Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã tham dự hội thi tin học khối cán bộ công chức trẻ toàn quốc lần III - năm 2015 do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Tin học Việt Nam tổ chức. Sản phẩm dự thi của chi đoàn Trung tâm là Ứng dụng chương trình Google earth vào công tác quản lý di tích ở Hội An do nhóm tác giả Phạm Phước Tịnh, Nguyễn Cường thực hiện. Sản phẩm này đã được Ban giám khảo hội thi chấm chọn trao giải ba♥

**Triển khai các hoạt động tại
điểm dừng chân ở Bảo tàng Gốm sứ
Mậu dịch Hội An - số 80 Trần Phú**

Thị Tuấn

Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch Hội An là một trong những bảo tàng chuyên đề hấp dẫn nằm trong khu phố cổ Hội An. Trong thời gian qua bảo tàng đã thu hút đông đảo du khách, các nhà nghiên cứu đến tham quan tìm hiểu.

Nhằm tăng cường hơn nữa sức hấp dẫn của bảo tàng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách, vừa qua



Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản Văn hóa Hội An đã triển khai hoạt động điểm dừng chân tại bảo tàng phục vụ các nhu cầu nghỉ ngơi, trải nghiệm, tìm hiểu của du khách khi tham quan bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch hoặc tham quan khu phố cổ Hội An như phục vụ nước trà miễn phí, chiếu phim tư liệu về Hội An, trải nghiệm làm bánh in, chuốt gốm, vẽ trên sản phẩm gốm những đề tài tự chọn, giới thiệu các ấn phẩm và đồ lưu niệm về Hội An. Đặc biệt trong dịp này, dịch vụ AUDIO guide với ba ngôn ngữ Việt, Anh, Nhật cũng đã được triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan tìm hiểu của du khách tại bảo tàng♥

Đêm phố cổ Hội An lọt top 25 trải nghiệm du lịch tuyệt vời nhất thế giới

Thị Tình

Theo danh sách bình chọn từ trang du lịch nổi tiếng Rough Guides (Anh), sự kiện “Đêm phố cổ Hội An” đã được vinh dự bầu chọn là 1 trong 25 trải nghiệm du lịch tuyệt vời nhất thế giới.

Đến với phố cổ Hội An vào tối ngày 14 âm lịch hàng tháng, du khách sẽ được trải nghiệm và hòa nhập vào một không gian lung linh, huyền ảo được bao trùm bởi ánh sáng của những

chiếc đèn lồng đa kiểu dáng và sắc màu. Ngoài ra, du khách có thể tham gia các hoạt động đặc sắc như tham quan, mua sắm tại khu chợ đêm, tham gia các trò chơi dân gian như đập niêu, bài chòi, lắng nghe những điệu nhạc đường phố, giai điệu dân ca trên du thuyền hay dạo thuyền thả hoa đăng trên sông Hoài... Điểm nổi bật của sự kiện “Đêm phố cổ Hội An” chính là một phố cổ không ánh điện, không tiếng ồn của động cơ, xe cộ.

Ngoài trải nghiệm “*Đêm phố cổ Hội An*”, danh sách 25 trải nghiệm du lịch tuyệt vời nhất thế giới còn có: Ngắm bình minh ở Bagan, khám phá chùa Đá Vàng vào lúc trời tối (*Myanmar*), đi thuyền trên sông Hằng, chiêm ngưỡng hệ thống lưới đánh cá ở bãi biển Fort Cochin (*Ấn Độ*), khám phá thung lũng Monument, câu cá trên sông Naknek, khám phá hẻm núi Grand Canyon (*Mỹ*), khám phá vùng đất kỳ quái Cappadocia (*Thổ Nhĩ Kỳ*), đi bộ chinh phục Machu Picchu (*Peru*), ngắm khiêu vũ núi ở vườn quốc gia núi lửa Rwanda (*Rwanda*), khám phá hồ Garda (*Ý*), dự lễ hội Carnival cổ (*Puerto Rico*), khám phá rừng nhiệt đới giới ở chợ Borough (*Anh*), lặn biển Đỏ (*Ai Cập*), khám phá đền Angkor (*Campuchia*), chinh phục đỉnh núi Pamir (*Tajikistan*), trượt tuyết ở British Columbia (*Canada*), ngắm Rio de Janeiro's từ trên cao (*Brazil*), nghe đánh đàn organ ở bến cảng Zadar (*Croatia*), khám phá ẩm thực ở Marrakesh (*Ma rốc*), khám phá Băng Cốc (*Thái Lan*), chiêm ngưỡng hiện tượng bầu trời phát sáng về đêm ở Lapland (*Thụy Điển*)♥



BẠN CẦN BIẾT

VĂN BẢN PHÁP QUY

TRÍCH THÔNG TƯ QUY ĐỊNH LOẠI DI VẬT, CỔ VẬT KHÔNG ĐƯỢC MANG RA NƯỚC NGOÀI

Quản lý Di tích

Ngày 28/12/2012, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 19/2012/TT-BVHTTDL quy định về loại di vật, cổ vật không được mang ra nước ngoài. Thông tư có 4 điều. Dưới đây, Ban biên tập Bản tin xin trích giới thiệu thông tư này để chúng ta cùng tham khảo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định loại di vật, cổ vật không được mang từ Việt Nam ra nước ngoài.

2. Loại di vật, cổ vật quy định tại Thông tư này không áp dụng đối với trường hợp di vật, cổ vật được mang ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc mang di vật, cổ vật từ Việt Nam ra nước ngoài.

Điều 3. Loại di vật, cổ vật không được mang ra nước ngoài

1. Cá thể hoặc bộ phận hóa thạch người, động vật, thực vật thuộc thời kỳ Tiền sử Việt Nam;

2. Cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc thời kỳ Tiền sử và Sơ sử Việt Nam;

3. Tài liệu bằng các chất liệu có giá trị đối với việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa, chủ quyền quốc gia Việt Nam và anh hùng dân tộc, danh nhân có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia Việt Nam;

4. Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc các giai đoạn lịch sử Việt Nam trước tháng 9 năm 1945;

5. Bản thảo tác phẩm văn học, bản gốc tác phẩm tạo hình (*hội họa, đồ họa, điêu khắc*), tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội được sáng tác từ tháng 9 năm 1945 đến nay;

6. Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng và kiểm kê;

7. Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học của các dân tộc thiểu số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sản xuất, sáng tạo trước năm 1975;

8. Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu liên quan đến các sự kiện quan trọng và sự nghiệp của các Nhà hoạt động cách mạng tiêu biểu, Nhà hoạt động chính trị, quân sự xuất sắc trong thời kỳ thành lập Đảng, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trong các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước từ tháng 9 năm 1945 đến nay;

9. Cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học có xuất xứ từ nước ngoài (*trừ trường hợp tạm nhập khẩu - tái xuất khẩu*).

Danh mục cụ thể loại di vật, cổ vật không được mang ra nước ngoài được ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2013.

2. Cục Di sản Văn hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung♥

DANH MỤC LOẠI DI VẬT, CỔ VẬT KHÔNG ĐƯỢC MANG RA NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2012/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TT	LOẠI DI VẬT, CỔ VẬT
1	Cá thể hoặc bộ phận hóa thạch người, động vật, thực vật thuộc thời kỳ Tiền sử Việt Nam
2	Cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc thời kỳ Tiền sử và Sơ sử Việt Nam
3	Tài liệu bằng các chất liệu có giá trị đối với việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa, chủ quyền quốc gia Việt Nam và anh hùng dân tộc, danh nhân có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của quốc gia Việt Nam, bao gồm:
3.1	Bản thảo, bản gốc văn bản.
3.2	Sách cổ.
3.3	Bản đồ.
3.4	Tác phẩm mỹ thuật.
4	Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc các giai đoạn lịch sử Việt Nam trước tháng 9 năm 1945, bao gồm:
4.1	Công cụ lao động, sản xuất.
4.2	Đồ dùng sinh hoạt, học tập.
4.3	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
4.4	Đồ trang sức.
4.5	Trang phục.

4.6	Vũ khí.
4.7	Nhạc khí.
4.8	Tác phẩm mỹ thuật.
4.9	Ấn tín.
4.10	Kim sách.
4.11	Châu báu.
4.12	Tiền tệ.
4.13	Ván khắc.
4.14	Mộc bản, châu bản, thần phả, thần tích, gia phả, sắc phong, lệnh chỉ, sắc chỉ, bằng sắc, di cáo, văn tự, sách.
4.15	Khế ước, hương ước.
4.16	Dụng cụ, trang phục trình diễn nghệ thuật dân gian truyền thống.
4.17	Hoành phi, câu đối, đại tự.
5	Bản thảo tác phẩm văn học, bản gốc tác phẩm tạo hình (<i>hội họa, đồ họa, điêu khắc</i>), tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị cao về nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, có tác dụng và ảnh hưởng lớn trong xã hội được sáng tác từ tháng 9 năm 1945 đến nay, bao gồm:
5.1	Bản thảo các tác phẩm văn học đã được trao giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước.
5.2	Bản gốc các tác phẩm tạo

	hình, tác phẩm nhiếp ảnh đã được trao giải A (<i>hoặc giải nhất</i>) triển lãm mỹ thuật, triển lãm nhiếp ảnh toàn quốc hoặc đã được trao giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước.
6	Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học thuộc di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng và kiểm kê
6.1	<i>Tại di tích lịch sử, bao gồm:</i>
6.1.1	Bản viết tay, bản thảo sách, thư từ và đồ dụng sinh hoạt, học tập, làm việc có liên quan đến sự nghiệp của những lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân, nhân vật lịch sử có ảnh hưởng đến sự phát triển của quốc gia, địa phương trong các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học.
6.1.2	Vũ khí.
6.1.3	Nhạc khí.
6.1.4	Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh.
6.1.5	Sắc phong, lệnh chỉ, bằng sắc.
6.1.6	Văn bản chính thức hoặc bản thảo văn bản; truyền đơn, tiêu ngữ, tranh tuyên truyền, báo chí, phụ trương,

	tin chiến thắng; huân chương, huy chương, kỷ niệm chương.
6.1.7	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
6.1.8	Hoành phi, câu đối, đại tự.
6.1.9	Di vật, cổ vật khác thuộc di tích.
6.2	<i>Tại di tích kiến trúc - nghệ thuật, bao gồm:</i>
6.2.1	Vật liệu xây dựng, cấu kiện kiến trúc, bộ phận trang trí của kiến trúc, đồ trang trí nội thất.
6.2.2	Tác phẩm mỹ thuật, tranh, tượng, kinh và những bản khắc gỗ có giá trị độc bản.
6.2.3	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
6.2.4	Các loại hình di vật, cổ vật khác thuộc di tích.
6.3	<i>Tại di tích khảo cổ, bao gồm:</i>
6.3.1	Công cụ lao động, sản xuất.
6.3.2	Đồ dùng sinh hoạt, học tập.
6.3.4	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
6.3.5	Đồ trang sức.
6.3.6	Vũ khí.
6.3.7	Nhạc khí.
6.3.8	Bộ phận kiến trúc, vật liệu, trang trí.

6.3.9	Đồ tùy táng.
6.3.10	Hài cốt người và động vật.
6.3.11	Di vật, cổ vật khác phát hiện được tại di tích.
6.4	<i>Tại danh lam thắng cảnh, bao gồm:</i>
6.4.1	Hiện vật làm từ động, thực vật, khoáng sản quý hiếm.
6.4.2	Di vật, cổ vật khác thuộc danh lam thắng cảnh.
7	Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học của các dân tộc thiểu số trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sản xuất, sáng tạo trước năm 1975, bao gồm:
7.1	Công cụ lao động, sản xuất.
7.2	Đồ thờ tự trong sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng.
7.3	Trang phục.
7.4	Vũ khí.
7.5	Nhạc cụ.
7.6	Tác phẩm mỹ thuật.
7.7	Thư tịch.
7.8	Dụng cụ biểu diễn nghệ thuật.
8	Di vật, cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu liên quan đến các sự kiện quan trọng và sự nghiệp của các Nhà hoạt động

	cách mạng tiêu biểu, Nhà hoạt động chính trị, quân sự xuất sắc trong thời kỳ thành lập Đảng, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong các cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước từ tháng 9 năm 1945 đến nay, bao gồm:
8.1	Công cụ lao động, sản xuất.
8.2	Đồ dùng sinh hoạt, học tập, làm việc.
8.3	Đồ trang sức.
8.4	Trang phục.
8.5	Vũ khí.
8.6	Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh.
8.7	Văn bản chính thức hoặc bản thảo văn bản; truyền đơn, tiêu ngữ, tranh tuyên truyền, báo chí, phụ trương, tin chiến thắng; huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; bản viết tay, bản thảo sách, thư từ.
8.8	Tem và bưu phẩm.
8.9	Các loại hình di vật, cổ vật khác có liên quan.
9	Cổ vật bằng các chất liệu có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học có xuất xứ từ nước ngoài (<i>trừ trường hợp tạm nhập khẩu - tái xuất khẩu</i>).

DI SẢN ĐÓ ĐÂY

CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN

Ngọc Hương (St)

Châu bản triều Nguyễn là một loại hình tài liệu Hán - Nôm. Đây là các văn bản hành chính hình thành trong hoạt động quản lý nhà nước của triều Nguyễn (1802 - 1945), bao gồm văn bản do các Hoàng đế ban hành, văn bản do các cơ quan trong hệ thống chính quyền đệ trình lên Hoàng đế phê duyệt bằng mực son và một số văn kiện ngoại giao.

Châu bản là các tài liệu gốc, duy nhất có bút tích phê duyệt của các Hoàng đế triều Nguyễn với các hình thức ngự phê phong phú và độc đáo như: Châu điểm, Châu phê, Châu khuyên, Châu mặt, Châu sổ... Đây là khối tài liệu hành chính duy nhất còn lưu giữ được của một vương triều phong kiến, có giá trị nổi bật về nội dung bởi những thông tin phong phú, phản ánh toàn bộ lịch sử, đời sống kinh tế xã hội, con người Việt Nam thời kỳ bấy giờ.

Tính xác thực

Những sự kiện được ghi chép trong Châu bản mang tính xác thực cao bởi đó là những thông tin phục vụ cho công tác quản lý xã hội và được tiếp nhận, xử lý bởi chính các vua triều Nguyễn. Hình thức văn bản cũng được triều Nguyễn quy định chặt chẽ, các dấu tích để lại trên văn bản như chữ viết của nhà vua, con dấu... rất khó ngụy tạo. Châu bản cũng là nguồn sử liệu quan trọng để biên soạn các bộ sử và các sách điển lệ chính thống như: *Đại Nam Thực lục chính biên*, *Đại Nam Nhất thống chí*, *Đại Nam liệt truyện*, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (chính biên, tục biên), *Quốc triều chính biên toát yếu*, *Tự Đức chiếu dụ*, *Hà đề bộ văn tập*, *Hà đề tấu tư tập*...

Ý nghĩa quốc tế

Châu bản lưu bút tích phê duyệt trực tiếp bằng mực son của các vua triều Nguyễn và sử dụng 4 loại chữ viết là chữ Hán, chữ Nôm, chữ Pháp và chữ Quốc ngữ (chữ Việt). Châu bản được soạn thảo và viết tay bằng bút lông bởi các thư lại có khả năng văn chương và chữ viết đẹp. Hệ thống chữ viết trên Châu bản phản ánh các biến chuyển trong việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết ở Việt Nam từ đầu thế kỷ 19 đến giữa thế kỷ 20, những biến động trong hệ tư tưởng

xã hội và sự tác động của làn sóng văn hóa từ các quốc gia xâm chiếm tới các quốc gia thuộc địa.

Châu bản triều Nguyễn còn phản ánh hoạt động giao thương của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới như Indonesia, Singapore, Philippin, Thái Lan, Trung Quốc, Pháp, Anh, Tây Ban Nha...

Tính quý hiếm

Châu bản triều Nguyễn là khối tài liệu duy nhất tại Việt Nam và hiếm có trên thế giới có bút tích của nhà vua phê duyệt chi tiết về mọi vấn đề của đất nước trên văn bản. Đây là các tài liệu gốc rất có giá trị, giúp nghiên cứu phục dựng toàn bộ hệ thống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, con người của một quốc gia trong một giai đoạn lịch sử. Trải qua thời gian, những hình dấu in trên văn bản, bút tích phê duyệt của các vua, hình thức văn bản, ngôn ngữ, chữ viết, chất liệu giấy, mực... đều trở thành những tư liệu quý giá, cung cấp thông tin hữu ích về các lĩnh vực như: hành chính học, văn bản học, gia phả học, ấn chương học...

Tính toàn vẹn

Với 773 tập tương đương khoảng 85.000 văn bản, Châu bản triều Nguyễn là khối tài liệu hành chính lưu giữ đầy đủ và hoàn chỉnh

thông tin về một triều đại phong kiến ở Việt Nam.

Một trong những giá trị nổi bật của Châu bản triều Nguyễn thể hiện ở chỗ đây là những tư liệu đặc biệt quan trọng góp phần khẳng định chủ quyền của Việt Nam tại 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong 85.000 Châu bản được lưu giữ có khoảng 19 Châu bản ghi lại cụ thể về việc triều Nguyễn hàng năm đã cử thủy quân Hoàng Sa ra 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa để khảo sát, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ, cắm mốc chủ quyền, khai thác sản vật... (Ví dụ, *Châu bản ngày 21/6 năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) cho biết: Kết quả của đoàn khảo sát Hoàng Sa năm 1838 đã khảo sát được 25 đảo, trong đó có 13 đảo được khảo sát lần đầu...*). Đặc biệt, các châu bản này đã thể hiện Việt Nam là một quốc gia biển rất có trách nhiệm trong công tác cứu hộ, cứu nạn thuyền bè của các nước gặp nạn trên vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa.

Trải qua thời gian hàng trăm năm, châu bản triều Nguyễn tuy có bị hư hỏng, xuống cấp do khí hậu, chiến tranh, điều kiện bảo quản, nhưng vẫn được lưu giữ đến hôm nay, trở thành một trong những khối tài liệu lưu trữ đặc biệt quý hiếm.

Trong phát biểu của mình, tại Lễ trao bằng công nhận Di sản tư liệu Châu bản triều Nguyễn thuộc chương trình Ký ức thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, ngày 30/7/2014 tại Hà Nội, bà Katherine Muller Marine nhấn mạnh rằng: Châu bản triều Nguyễn có ý nghĩa quan trọng với bất kì ai, vì nó đưa chúng ta ngược dòng lịch sử hơn 100 năm trước, qua đó tiếp cận với nền văn hóa, chính trị, những cam kết lâu dài về văn hóa, khoa học, và những cam kết ngày nay vẫn rất mạnh mẽ.

Châu bản triều Nguyễn là di sản tư liệu thứ 4 của Việt Nam được UNESCO công nhận sau Mộc bản triều Nguyễn (2007), 82 Bia đá Tiến sĩ tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (2010) và Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm (2012). Việc vinh danh Châu bản triều Nguyễn góp phần làm phong phú thêm kho di sản tư liệu ký ức của Việt Nam và của thế giới♥



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2016

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2015

1. Công tác nghiên cứu khoa học

Các đề tài như “*Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An*”, “*Biến dạng di tích kiến trúc trong khu phố cổ Hội An - Thực trạng và Giải pháp*” tiếp tục được chú trọng thực hiện. Đối với đề tài “*Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An*”, tính đến tháng 10/2015, Trung tâm đã triển khai ký hợp đồng 183/216 chuyên đề với các nhà nghiên cứu thực hiện viết về các phần Sinh Thái, Văn hóa, Lịch sử, Kinh tế - Xã hội, trong đó có 47/216 chuyên đề đã hoàn thành. Ngoài ra, Trung tâm cũng đã thành lập 1 tổ chuyên gia thẩm định các báo cáo chuyên đề phần Lịch sử. Đối với đề tài “*Biến dạng di tích kiến trúc trong khu phố cổ Hội An - Thực trạng và Giải pháp*” đã tập hợp số liệu phiếu khảo sát và lên kế hoạch thực hiện tọa đàm. Đối với đề tài “*Điều tra, nghiên cứu và đề xuất hướng bảo tồn, phát huy di sản văn hóa Cẩm Kim*” đã hoàn thành phỏng vấn sâu hơn 80 nhân chứng và 10 báo cáo chuyên đề về 10 lĩnh vực cụ thể. Trung tâm cũng đã tiến hành triển khai lập maket, in ấn bản thông tin nghiên cứu Kim Bồng - Cẩm Kim. Hoàn thành in ấn sách Di sản Hán Nôm tập I từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Trung tâm Quản lý Di tích - Danh thắng Quảng Nam; Công tác sưu tầm, xử lý tư liệu, hiện vật nhà lao Hội An cũng được quan tâm thực hiện, đáng kể nhất là việc sưu tầm, lập 1.385 lý lịch trích ngang của tù nhân và 19 hiện vật do Hội tù yêu nước Hội An và Tỉnh cung cấp; Lập hồ sơ đề nghị công nhận di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia cho nghề yếm Thanh Châu và nghề mộc Kim Bồng gửi UBND tỉnh Quảng Nam. Hoàn thiện và trình hồ sơ gửi UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt đề cương đề án lập Kế hoạch quản lý Di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An.

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích

a. Đối với công tác quản lý di tích

Duy trì tốt công tác khảo sát, kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng di tích trên địa bàn thành phố định kỳ, nhất là trước các dịp lễ, tết lớn trong năm; Tiến hành sơn kẻ, quét vôi bia các di tích LSCM, mộ Nhật; Thường xuyên nhắc nhở các địa phương tăng cường quản lý, bảo vệ và chăm sóc các di tích LSCM và di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn xã/phường đồng thời có kế hoạch chèn chống các di tích xuống cấp nghiêm trọng trước mùa mưa bão năm 2015. Đối với việc dựng bia,

cắm mốc di tích, đơn vị đã hoàn thành phần viết nội dung văn bia di tích trình phê duyệt trước khi triển khai dựng bia và cắm mốc cho 16 di tích. Đối với Dự án cây cổ thụ, Trung tâm đã triển khai thiết kế mẫu bảng tên cây cổ thụ, lập bản đồ phân bố cây cổ thụ được đưa vào danh mục bảo vệ của thành phố, hoàn thành lập phiếu khảo sát, triển khai sang ảnh và lập hồ sơ cho 48 cây cổ thụ thuộc danh mục bảo vệ của thành phố. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng đã khảo sát, thu thập tư liệu và tiến hành phỏng vấn nhân chứng phục vụ cho việc lập báo cáo khảo sát về lịch sử - văn hóa cho 2 cây cổ thụ trong danh mục bảo vệ của thành phố (*cây Da Kèn, cây da Bia yếm*).

b. Đối với công tác tu bổ di tích

Công tác kiểm tra, cấp phép luôn được đơn vị tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Đơn vị đã thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng, sửa chữa, tu bổ di tích/nhà ở và trật tự kinh doanh của nhân dân trong khu phố cổ, các trường hợp sai phạm được báo cáo kịp thời cho cơ quan chức năng xử lý. Tính đến cuối tháng 10 năm 2015, đơn vị tiếp nhận 193 lượt hồ sơ sửa chữa di tích trong khu phố cổ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Thành phố. Qua kiểm tra, khảo sát và xem xét, đơn vị đã tham mưu cấp phép 164 trường hợp, trong đó Khu vực I là 52 hồ sơ, Khu vực IIA là 49 hồ sơ và Khu vực IIB là 63 hồ sơ; Thụ lý giải quyết và trả lời trực tiếp cho công dân 21 hồ sơ. Dự kiến đến cuối năm 2015, Trung tâm sẽ tiếp nhận và trả lời trực tiếp cho công dân 20 văn bản liên quan đến công tác quản lý, tu bổ di tích trong và ngoài khu phố cổ.

Công tác chuẩn bị đầu tư cũng được tiếp tục đẩy nhanh tiến độ. Đối với Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản đô thị cổ Hội An gắn với phát triển thành phố Hội An và du lịch giai đoạn 2012-2025, Trung tâm đã hoàn thành việc xây dựng danh mục các dự án (*gồm 05 nhóm dự án: Bảo tồn, phục hồi văn hóa phi vật thể; Bảo tồn, trùng tu di tích vật thể; xây dựng hạ tầng kỹ thuật - giao thông cây xanh đô thị; nạo vét sông, xây dựng đê, kè bảo vệ và các công trình hạ tầng phục vụ du lịch*) và xây dựng các dự án trọng điểm.

Đối với Dự án Tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ, có 10 hồ sơ BCKTKT trình UBND Thành phố, trong đó 04 hồ sơ được phê duyệt (*nhà số 26 Bạch Đằng, nhà số 44/12 và 51/2 Phan Châu Trinh, nhà số 07 Trần Phú*). Trung tâm đã hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công, triển khai lập dự toán 04 công trình (*nhà số 67, 75, 168 Trần Phú, 113 Nguyễn Thái Học*). Bên cạnh đó Trung tâm đã tổ chức khảo sát và làm việc với các chủ di tích về thời gian triển khai tu bổ.

Trong năm 2015, đơn vị đã hoàn thành quyết toán 06 công trình tu bổ (*Bảo tàng LSCM thuộc hạng mục nhà bảo tàng, sân vườn..., Miếu Âm Hồn – Tân An, Khu mộ tộc Hồ, Sửa chữa nhỏ các bảo tàng, Nhà lao Hội An giai đoạn 1, Nâng*

cấp bảo tàng Sa Huỳnh giai đoạn 1) và 16 công trình hỗ trợ di tích tư nhân tập thể. Đối với dự án tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ, tính đến nay đã có 05 công trình hoàn thành quyết toán (*nhà số 44/20 Phan Châu Trinh, nhà số 122 Trần Phú, nhà số 05 và 16 Nguyễn Thái Học, nhà số 13 Hoàng Văn Thụ*).

- Công tác thi công tu bổ cũng được đặc biệt chú trọng đảm bảo đúng quy trình. Đối với công trình tu bổ di tích Tam quan chùa Bà Mụ, Trung tâm đang tiếp tục triển khai thi công hạng mục Tam quan. Ngoài 05 công trình đã hoàn thành thi công, nghiệm thu đưa vào sử dụng (*Chùa Kim Bửu, Sửa chữa nhỏ tôn tạo cảnh quan và gắn bia các di tích Cù Lao Chàm ; 69/5 Phan Châu Trinh; 58/7 Lê Lợi; 13 Hoàng Văn Thụ*); đơn vị cũng đã triển khai thi công mới 06 công trình (*Lăng Bà Bạch, Lăng Vy Mỹ, Giếng cổ, Dựng bia cắm mốc năm 2015, nhà 120 Trần Phú, Nhà để máy phát điện dự phòng*). Đối với “*Phim công nghệ 3D về nhà Lao*” đơn vị đã hoàn thành hạng mục phối cảnh, tiếp tục triển khai các bước tiếp theo để hoàn thiện phim.

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị

- Trung tâm luôn tích cực làm tư liệu về sự kiện văn hóa - xã hội trên địa bàn Thành phố. Trong năm 2015, Trung tâm đã thực hiện 52 chuyên mục phát thanh Bảo tồn di sản (*với 104 tin, 52 bài viết*) liên quan đến hoạt động quản lý và bảo tồn di sản được phát đều đặn hàng tuần trong năm 2015; Trang Website của Trung tâm luôn được cập nhật và phát huy hiệu quả (*đã đăng tải 100 tin, 80 bài nghiên cứu trao đổi*), tổ chức biên tập và in ấn 04 số bản tin Bảo tồn Di sản

- Từ đầu năm đến nay, Trung tâm đã chủ trì cũng như phối hợp tổ chức thành công 11 cuộc triển lãm tranh, ảnh nhằm quảng bá nét đẹp văn hóa, lịch sử qua ảnh đến với công chúng như: “*Hội An, ngày ấy - bây giờ*”, “*Những ngày muôn sắc*” do 2 họa sĩ Đặng Hiền và Vũ Tuấn Dũng thực hiện, “*Lớp trẻ*” do họa sĩ Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Đình Văn và Lê Hiếu thực hiện tại 46 Nguyễn Thái Học, “*Cảnh xưa*” của họa sĩ Jean Cabene tại 57 Trần Phú, “*Đảng bộ Hội An - 85 năm một chặng đường*” và “*Hội An - 40 năm xây dựng và phát triển*”, “*Hoàng sa, Trường Sa - Biển đảo của Việt Nam*” tại xã Tân Hiệp; triển lãm ảnh “*Hội thảo về trang phục truyền thống với Jica Nhật Bản*” tại Trung tâm; “*Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần thứ 13*” tại Vườn tượng Hội An, triển lãm ảnh *Ngày đô thị Việt Nam (8/11)* tại Trung tâm; Tổ chức trưng bày ảnh “*kết nối di sản*” tại Ninh Bình nhân dịp tỉnh Ninh Bình tổ chức đón nhận bằng công nhận Di sản văn hóa thế giới “*Quần thể danh thắng Tràng An*”; Thực hiện video clip phóng sự ảnh về những đóng góp của ngành VH TT và trưng bày hình ảnh, hiện vật về thành tựu ngành để kỷ niệm 70 năm Ngày thành lập ngành Văn hóa - Thông tin (28/8/1945-28/8/2015).

- Công tác kiểm tra tại các điểm bảo tàng, di tích được duy trì thường xuyên như: công tác vệ sinh, bảo quản hiện vật, PCCC,... Tháng 7 năm 2015, Trung tâm đã chuyển toàn bộ hệ thống trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa Hội An tại Chùa Bà về trưng bày ở Bảo tàng Hội An. Trung tâm cũng đã tổ chức hoạt động “điểm dừng chân” và đưa hệ thống Audio guide vào hoạt động thí điểm tại Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch Hội An (số 80 Trần Phú). Bên cạnh đó, các điểm di tích do Trung tâm quản lý đã được phát huy giá trị một cách tích cực, thu hút nhiều khách đến tham quan. Điểm dừng chân 57 Trần Phú đã đón tiếp 2.013 lượt khách (trong đó có 1.309 khách quốc tế, 704 khách Việt Nam); Tính đến thời điểm 31/10/2015, các điểm di tích đã đón tiếp tổng cộng 998.765 lượt khách đến tham quan (Trong đó, Quốc tế 674.046 lượt, Việt Nam 324.719 lượt), tăng 4% so với cùng kỳ năm 2014 và đạt 122% so với mức khoán.

4. Công tác đối ngoại

Trung tâm luôn chú trọng và thực hiện công tác thông tin đối ngoại một cách tích cực, chủ động, có hiệu quả. Trong năm 2015, Trung tâm đã đón và tiếp 18 đoàn đến làm việc (chuyên gia Di sản Quốc tế, Đại sứ Ấn Độ, đoàn tham quan thực địa Bảo tàng học, Cục tài sản Văn hóa Nhật Bản, đoàn gốm sứ Nhật Bản, chuyên gia Hàn Quốc, đoàn KHCHNV và ĐH Karazawa, Campuchia, Trung tâm BTDS Thăng Long, Bà Yamaguchi Rika - cố vấn cao cấp chương trình TNV JICA, Bà Barbara Torggler - chuyên gia trưởng về đánh giá chương trình của UNESCO; đoàn trưởng ĐH.KHCHNV và ĐH quốc gia Singapore; đoàn cán bộ dự nguồn của Bộ Nội vụ Hàn Quốc; ông Tim Doling - cố vấn văn hóa - du lịch; đoàn ĐH KHCHNV và ĐH Nhật Bản đoàn Đại học Nữ Chiêu Hòa đến nghiên cứu tại Cù Lao Chàm, ông Grane Ware đến giao dịch công tác về bảo tàng; đoàn trưởng ĐH Văn hóa TP. HCM và bà Besatrice Wisniewski chuyên gia dự án EFEO đến làm việc tại Trung Tâm); Trung tâm cũng đã thực hiện đầy đủ các báo cáo các đoàn đến liên hệ làm việc theo quy định; Làm hồ sơ, thủ tục xin cử 02 cán bộ lãnh đạo công tác nước ngoài, trong đó 01 cán bộ tham gia khóa bồi dưỡng nghiệp vụ về nâng cao hiệu quả của các bảo tàng tại Úc và tham gia khóa học Quản lý rủi ro tại Nhật Bản (đ/c Ngọc); 01 cán bộ đi công tác Malaysia (đ/c Trung); Phối hợp với TNV Kana dịch tiếng Anh - Việt tập gấp giới thiệu di sản Hội An, hoàn thiện tập song ngữ Anh - Việt giới thiệu các bảo tàng ở Hội An; Cung cấp thông tin các cá nhân có đóng góp cho sự nghiệp bảo tồn di sản để làm thẻ khách danh dự; Cung cấp thông tin địa chỉ website của cơ quan cho Câu lạc bộ các khu di sản; Tiếp nhận 01 Tình nguyện viên Nhật Bản về kiến trúc - bảo tồn (nhiệm kỳ 2 năm 2015- 2017).

II. Phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2016

1. Công tác nghiên cứu khoa học

Trung tâm tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học theo hướng kịp thời, hiệu quả.

- Đối với đề tài “*Nghiên cứu, biên soạn địa chí Hội An*”: Tiếp tục đôn đốc hoàn thành các chuyên đề và thành lập 4 tổ chuyên gia thẩm định các báo cáo chuyên đề thuộc 4 phần Lịch sử, Văn hóa, Kinh tế - Xã hội, Chính trị; Hoàn thành kí hợp đồng với những chuyên đề còn lại; Tiến hành điều tra phiếu theo kế hoạch đã đề ra; Triển khai biên soạn các chuyên đề.

- Đối với Đề tài “*Biến dạng di tích kiến trúc ở khu phố cổ Hội An, thực trạng và giải pháp*”: Tổng hợp phiếu khảo sát kiến trúc di tích lần cuối, đôn đốc hoàn thành các chuyên đề đã ký hợp đồng.

- Phối hợp thực hiện hoàn thành Kế hoạch quản lý di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An.

- Tiếp tục khảo sát, báo cáo đề xuất phương hướng bảo tồn, phát huy các di tích trên địa bàn thành phố Hội An. Đôn đốc tiếp tục triển khai kế hoạch tu bổ di tích 2013 - 2016 do UBND thành phố đã phê duyệt và đôn đốc triển khai kế hoạch tu bổ di tích 2017 - 2020.

- Hoàn thành việc biên soạn và in ấn sách di tích chùa Cầu và kỷ yếu Hội thảo khoa học về chùa Cầu.

- Triển khai điều tra, khảo sát, lập bản thảo sách di sản Hán Nôm ở Hội An tập 2.

- Tiến hành điều tra, xây dựng đề án và thông qua đề án xây dựng chương trình bảo tồn và gìn giữ nếp sống, sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội, trình diễn và chế biến ẩm thực dân gian truyền thống của cư dân phố cổ Hội An, các làng phát triển du lịch cộng đồng (*Theo chương trình của UBND thành phố Hội An*).

2. Công tác quản lý, tu bổ di tích

a. Đối với công tác quản lý di tích

Duy trì công tác khảo sát di tích ở 13 xã/phường trên địa bàn thành phố; Lập kế hoạch và tổ chức đón nhận di sản văn hóa phi vật thể quốc gia cho nghề khai thác yến Thanh Châu và nghề mộc Kim Bồng (*nếu được công nhận*); Xây dựng và hoàn thành thực hiện chương trình nghiên cứu Văn hóa phi vật thể của Trung tâm QLBT DSVH năm 2016; Thực hiện thủ tục và triển công tác kiểm kê di sản văn hoá phi vật thể ở lĩnh vực lễ hội, tri thức dân gian; Triển khai chương trình

chuyển giao tri thức dân gian đối với một số nghề truyền thống ở Hội An. Lập hồ sơ khoa học mới cho 08 di tích.

b. Đối với công tác tu bổ di tích

Đối với công tác chuẩn bị đầu tư, triển khai phê duyệt hồ sơ BCKTKT 15 công trình (*đình Thanh Tam; Sửa chữa cải tạo Khổng Tử miếu, đình An Mỹ, đình Thanh Hà, mộ ông Nguyễn Diên, lăng Trà Quân, miếu ông Tiến, mộ ông Chu Kỳ Sơn, mộ ông Khổng Thiên Như; Chồng mới các di tích vùng ven; Khảo sát Chùa Cầu; Dựng bia di tích lịch sử cách mạng xóm Mồ Côi và vườn bà Thủ Khóa; Sửa chữa lan can, nền bia di tích LSCM vườn xã Tiếp; Dựng bia bến đò thôn 2 Cẩm Thanh*). Hoàn thành phê duyệt hồ sơ BCKTKT 05 công trình (*nhà số 14 Nguyễn Thị Minh Khai, nhà số 30 Bạch Đằng, nhà số 77 và 150 Trần Phú, nhà số 39 Tiểu La*) và trình phê duyệt hồ sơ BCKTKT 04 công trình (*nhà số 67, 75 và 168 Trần Phú, nhà số 113 Nguyễn Thái Học*).

- Đối với công tác quyết toán, tập trung đẩy mạnh thực hiện quyết toán 03 công trình (*chùa Kim Bửu ; Sửa chữa nhỏ tôn tạo cảnh quan và gắn bia các di tích Cù Lao Chàm ; lăng Bà Bạch*) và 01 công trình di tích tư nhân tập thể (*nhà ông Trần Cần*).

- Đối với công tác thi công tu bổ: Nghiệm thu đưa vào sử dụng hạng mục tam quan của dự án Tam quan chùa bà Mụ, triển khai các hạng mục còn lại của dự án; Hoàn thành phim công nghệ 3D về nhà lao Hội An; Hoàn thành thi công và bàn giao đưa vào sử dụng 08 công trình (*nhà số 120 Trần Phú; lăng Vy Mỹ; giếng cổ; Dựng bia di tích lịch sử cách mạng xóm Mồ Côi và vườn bà Thủ Khóa; Sửa chữa lan can, nền bia di tích LSCM vườn xã Tiếp; Dựng bia bến đò thôn 2 Cẩm Thanh; Dựng bia cắm mốc năm 2016; Nhà để máy phát điện dự phòng Bảo tàng Lịch sử Cách Mạng*); Triển khai thi công 02 công trình (*nhà số 44/12 và 51/2 Phan Châu Trinh*) đối với dự án Tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ.

3. Công tác tuyên truyền, phát huy giá trị

Tiếp tục duy trì đều đặn và đảm bảo chất lượng chuyên mục phát thanh và bản tin Bảo tồn Di sản, di tích hoạt động hiệu quả trang web của đơn vị. Tăng cường công tác đón khách tại các điểm bảo tàng, di tích. Duy trì tốt hoạt động điểm dừng chân tại 57 và 80 Trần Phú. Triển khai nâng cấp Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh và thiết lập bảo tàng Nghề y truyền thống. Tổ chức thực hiện điểm dừng chân tại chùa Bà và Bảo tàng Văn hóa Sa Huỳnh. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho du khách tại các Bảo tàng Văn hóa Dân gian, Gốm sứ Mậu dịch; Phòng trưng bày Lịch sử - Văn hóa; Phần đầu hoàn thành trưng bày hệ thống thờ tự tại chùa Quan Âm để đưa di tích vào hoạt động. Tiếp tục tổ chức hoạt động “*Chúng em*

cùng nhau khám phá Bảo tàng” và đưa vào thực hiện chương trình “Giáo dục di sản trong học đường”.

4. Công tác đối ngoại

Phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo, tập huấn khi có chương trình; Thực hiện công tác lễ tân, lãnh sự theo quy định; xây dựng hồ sơ xin hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế về quản lý và phát huy khu Di sản Văn hoá Thế giới Hội An; xúc tiến chương trình hợp tác với JICA thông qua mạng lưới tình nguyện viên Hội An; Liên hệ với VP. UNESCO Hà Nội, các tổ chức quốc tế xin thực hiện các dự án và chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ Trung tâm; Liên hệ, tìm kiếm các thông tin tài trợ của các tổ chức quốc tế♥



Hình bìa trước: Ban biên tập sử dụng mẫu thiết kế của tác giả Trịnh Thị Triệu Linh

Hình bìa sau: Ban biên tập sử dụng hình vẽ chùa Cầu suu tầm trên Internet tại địa chỉ [www//mythuatvietnam.info](http://www.mythuatvietnam.info)